

**ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ**



CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

**BẬC : ĐẠI HỌC
HỆ : CHÍNH QUY TẬP TRUNG
NGÀNH: NGÔN NGỮ HÀN QUỐC**

ĐÀ NẴNG, NĂM 2017

I. CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Tên chương trình : Chương trình đào tạo cử nhân ngoại ngữ
Trình độ đào tạo : Đại học
Ngành đào tạo : Cử nhân tiếng Hàn
Loại hình đào tạo : Hệ chính quy tập trung.

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung:

Đào tạo những đối tượng đã tốt nghiệp phổ thông và đã qua kì thi vào đại học trở thành những biên, phiên dịch có trình độ đại học cử nhân tiếng Hàn, có phẩm chất chính trị và đạo đức nghề nghiệp, có sức khỏe tốt, có tinh thần trách nhiệm cao, có khả năng về chuyên môn và nghiệp vụ cần thiết đáp ứng được những yêu cầu của các cơ quan thuộc ngành kinh tế, văn hóa, các tổ chức xã hội trong và ngoài nước, đồng thời có khả năng tiếp tục học tập nghiên cứu sâu hơn nữa về ngôn ngữ và văn hóa Hàn Quốc.

1.2. Mục tiêu cụ thể:

- Cung cấp những kiến thức chung về chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và kiến thức đại cương làm nền và rèn luyện phẩm chất chính trị cho cử nhân khoa học ngành tiếng Hàn.
- Có tinh thần trách nhiệm cao, ý thức học tập tốt, thái độ lao động đúng đắn, tự vươn lên, vượt khó trong mọi công tác, có khả năng đào tạo và tự đào tạo tốt.
- Cung cấp những kiến thức cơ bản về các bình diện ngôn ngữ tiếng Hàn (ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp) và văn hóa Hàn Quốc (văn học, văn minh, đất nước, con người).
- Trang bị năng lực giao tiếp bằng tiếng Hàn: Kết thúc chương trình, sinh viên có khả năng sử dụng các kĩ năng ngôn ngữ (nghe, nói, đọc, viết) để phục vụ mục đích nghề nghiệp biên, phiên dịch của mình.
- Cung cấp kiến thức và kỹ năng thực hành biên phiên dịch, cung cấp cơ sở lý luận cũng như kỹ thuật biên, phiên dịch, làm tiền đề để cho sự phát triển nghề nghiệp lâu dài.

2. Thời gian đào tạo : 4 năm

3. Khối lượng kiến thức toàn khóa : 138 tín chỉ, trong đó có phần nội dung về Giáo dục Thể chất (4 tín chỉ) và Giáo dục Quốc phòng (4 tín chỉ).

4. Đối tượng tuyển sinh: Học sinh đã tốt nghiệp phổ thông trung học

5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp:

- Quy trình đào tạo : Đào tạo theo học chế tín chỉ; hệ chính quy, tập trung.

- Điều kiện tốt nghiệp : Kết thúc khóa học, những sinh viên có đủ các điều kiện sau thuộc diện xét tốt nghiệp và công nhận tốt nghiệp:
- Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp, sinh viên không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập.
- Tích lũy đủ số học phần quy định cho chương trình đào tạo.
- Điểm trung bình tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2.00 trở lên.
- Có Chứng chỉ Giáo dục Quốc phòng và Giáo dục Thể chất.

6. Thang điểm: 10

7. Nội dung chương trình:

	<i>Kiến thức giáo dục</i>	<i>Tên học phần</i>	Số tín chỉ
7.1	<i>Kiến thức giáo dục đại cương</i>		
7.1.1	<i>Lý luận Mác Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh</i>	<i>Các nguyên lí CN Mác – Lênin Đường lối CM của Đảng CSVN Tư tưởng Hồ Chí Minh</i>	5 3 2
7.1.2	<i>Khoa học xã hội (bắt buộc)</i>	<i>Phương pháp NCKH Cơ sở văn hóa Việt Nam Dẫn luận ngôn ngữ Tiếng Việt Ngôn ngữ đối chiếu</i>	2 2 2 2 2
7.1.3	<i>Ngoại ngữ (tự chọn)</i>	<i>Ngoại ngữ 2</i>	6
7.1.4	<i>Toán - Tin học - Khoa học tự nhiên - Công nghệ - Môi trường - Bắt buộc</i>	<i>Tin học cơ sở</i>	2
7.1.5	<i>Giáo dục thể chất</i>	<i>Giáo dục thể chất</i>	4
7.1.6	<i>Giáo dục quốc phòng</i>	<i>Giáo dục quốc phòng</i>	4
7.2	<i>Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp</i>		
7.2.1	<i>Kiến thức cơ sở (học phần bắt buộc)</i>	<i>Nghe 1 Nghe 2 Nghe 3</i>	2 2 3

		Nghe 4	3
		Nghe 5	2
		Nói 1	3
		Nói 2	3
		Nói 3	3
		Nói 4	3
		Nói 5	3
		Đọc 1	2
		Đọc 2	2
		Đọc 3	3
		Đọc 4	3
		Đọc 5	2
		Viết 1	4
		Viết 2	4
		Viết 3	4
		Viết 4	4
		Viết 5	3
7.2.2	Kiến thức ngành chính (ngành thứ nhất)		
7.2.2.1	Kiến thức chung của ngành chính (bắt buộc phải có)	Ngữ âm tiếng Hàn	2
		Từ vựng tiếng Hàn	2
		Hán tự	2
		Văn hóa văn minh Hàn Quốc	2
		Văn học Hàn Quốc	3
7.2.2.2	Kiến thức chuyên sâu của ngành chính (bắt buộc)	Ngữ pháp 1	2
		Ngữ pháp 2	3
		Lý thuyết dịch	2
		Thực hành dịch nói 1	3
		Thực hành dịch nói 2	3
		Thực hành dịch viết Hàn – Việt 1	2
		Thực hành dịch viết Việt – Hàn 1	2
		Thực hành dịch viết Hàn - Việt 2	2
		Thực hành dịch viết Việt – Hàn 2	2
7.2.2.3	Kiến thức chuyên sâu của ngành chính (tự chọn)	Tiếng Hàn du lịch	2
		Tiếng Hàn thư kí văn phòng	2
		Tiếng Hàn thương mại	2
		Tiếng Hàn khoa học kỹ thuật	2
7.3	Thực tập tốt nghiệp và làm khóa luận tốt nghiệp (hoặc thi tốt nghiệp)		15
7.3.1	Học phân bắt buộc	Thực tập tốt nghiệp	2
7.3.2	Học phân tự chọn	Học phân chuyên môn 1	3
		Học phân chuyên môn 2	3
		Khóa luận tốt nghiệp	6
	Tổng cộng toàn khoá (không tính giáo dục thể chất và giáo dục quốc phòng)		130

8. Kế hoạch giảng dạy:

KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY

KHOA: NHẬT-HÀN-THÁI

Bậc: Đại học
 Hệ: Chính quy tập trung
 Ngành: Ngôn ngữ Hàn Quốc
 Chuyên ngành: Tiếng Hàn Quốc

STT	MÃ HỌC PHẦN	HỌC KỲ	TÊN HỌC PHẦN		SỐ TÍN CHỈ
1	2130010	I	Học phần bắt buộc bắt buộc	Pháp luật đại cương	2
2	3140030			Tiếng Việt	2
3	4170503			Nghe 1	2
4	4170813			Nói 1 (Luyện âm)	3
5	4170523			Đọc 1	2
6	4170793			Viết 1	4
7	0130060			Giáo dục quốc phòng (4 tuần)	(4)
8	0130010			Giáo dục thể chất 1	(1)
Tổng số tín chỉ					20
9	2090070	II	Học phần bắt buộc	Những nguyên lý của CN Mác-Lênin (P.1)	2
10	3040010			Tin học cơ sở	2
11	4171623			Nghe 2	2
12	4171633			Nói 2	3
13	4171643			Đọc 2	2
14	4170583			Viết 2	4
15	4141102			Ngoại ngữ II.1 (SV chọn ngoại ngữ)	3
16	0130020			Giáo dục thể chất 2	(1)
Tổng số tín chỉ					19
17	2120010	III	Học phần bắt buộc	Những nguyên lý của CN Mác-Lênin (P.2)	3
18	3140020			Cơ sở văn hóa Việt Nam	2
19	4171593			Nghe 3	2
20	4170603			Nói 3	3
21	4170613			Đọc 3	3
22	4170623			Viết 3	4
23	4141192			Ngoại ngữ II.2 (SV chọn ngoại ngữ)	3
24	0130030			Giáo dục thể chất 3	(1)
Tổng số tín chỉ					21

25	2120020	IV	Học phần bắt buộc	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2
26	3140010			Dẫn luận ngôn ngữ	2
27	4171653			Nghe 4	3
28	4170653			Nói 4	3
29	4170663			Đọc 4	2
30	4170823			Viết 4	4
31	4171483			Phương pháp luận NCKH	2
32	0130040			Giáo dục thể chất 4	(1)
Tổng số tín chỉ					19
33	2090080	V	Học phần bắt buộc	Đường lối CM của Đảng CSVN	3
34	4170683			Nghe 5	2
35	4170693			Nói 5	3
36	4170703			Đọc 5	2
37	4170713			Viết 5	3
38	4170743			Ngữ âm học tiếng Hàn	2
39	4170753			Lý thuyết dịch	2
Tổng số tín chỉ					17
40	4170763	VI	Học phần bắt buộc	Từ vựng học tiếng Hàn	2
41	4171703			Thực hành dịch nói 1	3
42	4171713			Thực hành dịch viết Hàn – Việt 1	2
43	4171723			Thực hành dịch viết Việt – Hàn 1	2
44	4171733			Văn học Hàn Quốc	3
45	4171743			Văn hoá văn minh Hàn Quốc	2
46	4170633			Ngôn ngữ đối chiếu	2
47	4170833		Học phần tự chọn (2/4 tín chỉ)	Tiếng Hàn du lịch	2
48	4170843			Tiếng Hàn thư ký văn phòng	2
Tổng số tín chỉ					18
49	4170803	VII	Học phần bắt buộc	Từ pháp (Ngữ pháp 1)	2
50	4170873			Thực hành dịch nói 2	3
51	4171753			Thực hành dịch viết Hàn – Việt 2	2
52	4171763			Thực hành dịch viết Việt – Hàn 2	2
53	4170893			Hán tự	2
54	4170853			Cú pháp (Ngữ pháp 2)	3
55	4170903		Học phần	Tiếng Hàn KHKH	2

56	4170913		tự chọn (2/4 tín chỉ)	Tiếng Hàn thương mại	2
Tổng số tín chỉ					16
57	4172843	VIII	HP bắt buộc	Thực tập tốt nghiệp	2
58	4172853		HP tự chọn (6/12 tín chỉ)	Học phần chuyên môn 1	3
59	4172863			Học phần chuyên môn 2	3
60	4172873			Luận văn tốt nghiệp	6
Tổng số tín chỉ					8
TỔNG SỐ TÍN CHỈ TOÀN KHOÁ					138

CHỦ NHIỆM KHOA

Đà Nẵng, ngày tháng năm 2017
HIỆU TRƯỞNG

TS. Ngô Quang Vinh

9. Hướng dẫn thực hiện chương trình :

II. ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

	Kiến thức giáo dục	Tên học phần	Số tín chỉ
1	<i>Lý luận Mác Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh</i>	<i>Các nguyên lí CN Mác – Lênin Đường lối CM của Đảng CSVN Tư tưởng Hồ Chí Minh</i>	5 3 2
2	<i>Khoa học xã hội (bắt buộc)</i>	<i>Phương pháp NCKH Cơ sở văn hóa Việt Nam Dẫn luận ngôn ngữ Tiếng Việt Ngôn ngữ đối chiếu</i>	2 2 2 2 2
3	<i>Ngoại ngữ (tự chọn)</i>	<i>Ngoại ngữ 2</i>	6

4	Toán - Tin học - Khoa học tự nhiên - Công nghệ - Môi trường		
	- Bắt buộc	Tin học cơ sở	2
5	Giáo dục thể chất	Giáo dục thể chất	4
6	Giáo dục quốc phòng	Giáo dục quốc phòng	4



ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
Trường Đại học Ngoại ngữ
Khoa: Nhật – Hàn – Thái
Bộ môn: Tiếng Hàn

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Tên học phần: **NGHE 1**
Chương trình đào tạo: Cử nhân tiếng Hàn
Người biên soạn: Đỗ Thị Quỳnh Hoa
Ngày ban hành: 2017

1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: Nghe 1
- Mã học phần: 4170503
- Số tín chỉ: 2 TC
- Loại học phần: bắt buộc
- Học phần tiên quyết:
 - + Sinh viên có một trình độ nhất định về ngôn ngữ học nói chung và tiếng Việt nói riêng.
- Số giờ tín chỉ: 30, trong đó:
 - Lí thuyết : 30 tiết
 - Thực hành : 0 tiết

2. Thông tin về giảng viên:

Giảng viên:

- Họ và tên: Đỗ Thị Quỳnh Hoa
- Chức danh, học vị: Thạc sĩ
- Thời gian làm việc: Thứ hai, thứ sáu (8:00 - 11:00)
- Địa điểm làm việc: Khoa Nhật – Hàn – Thái, Trường Đại học Ngoại Ngữ - ĐHĐN.
- Điện thoại: 0987 297 135
- Email: dothiquynhhoa87@gmail.com

3. Chuẩn đầu ra:

3.1 Chuẩn đầu ra 1 (Kiến thức)

- Học thuộc và tích lũy được vốn từ vựng (800 từ) liên quan đến các chủ đề hằng ngày như giới thiệu bản thân, sinh hoạt hằng ngày, mua sắm... và các kiến thức ngữ pháp tiếng Hàn cơ bản.

- Làm quen và nhận biết được với các dạng nghe hiểu, thể loại bài nghe, và các dạng bài tập.
- Có những hiểu biết cơ bản về đất nước, con người và văn hóa Hàn Quốc thông qua các dữ liệu nghe trong học phần này.

3.2 Chuẩn đầu ra 2 (Kỹ năng)

- Nghe và nhận biết được từ vựng, nghe và ghi chú lại được những thông tin quan trọng trong đoạn hội thoại được nghe, nghe và trả lời được các câu hỏi liên quan nội dung trong bài, nghe và lặp lại câu thoại đã được nghe.
- Áp dụng và thực hành kỹ năng nghe nhận biết từ vựng (nghe đơn thuần), nghe và nói theo (bắt chước và nói theo đoạn hội thoại đã được nghe, hoặc trả lời các câu hỏi liên quan nội dung trong đoạn hội thoại), ...
- Nghe hiểu và nói trôi chảy, phát âm đúng, và trả lời đúng câu hỏi theo yêu cầu của giáo viên về các chủ đề đối thoại đơn giản như: chào hỏi, cuộc sống ở trường học, gia đình, bạn bè, ẩm thực, giao thông, thời tiết, ngày lễ, nghỉ hè...
- Phân tích và tổng hợp các kiến thức học được để hỗ trợ, nâng cao các kỹ năng thực hành tiếng khác như Nói 1, Đọc 1 và Viết 1.

3.3 Chuẩn đầu ra số 3 (Năng lực tự chủ và trách nhiệm) :

- + Có năng lực lập kế hoạch làm việc hiệu quả
- + Có khả năng thích nghi với môi trường làm việc năng động và áp lực cao.
- + Trung thực, liêm chính, có tinh thần trách nhiệm cao trong mọi công việc được giao
- + Có thái độ hành xử chuẩn mực, bảo đảm tính minh bạch và chịu trách nhiệm với thông tin được chuyển tải trong công tác biên phiên dịch.
- + Luôn có ý thức học hỏi, trau dồi bồi dưỡng kiến thức chuyên môn, có tinh thần sáng tạo, luôn nỗ lực phấn đấu vươn lên để thành đạt trong sự nghiệp và cuộc sống.

4. Tóm tắt nội dung học phần

- Luyện nghe về các nội dung như chào hỏi, trường học và nhà, gia đình và bạn bè, ẩm thực, sinh hoạt trong ngày, mua sắm, giao thông, điện thoại, thời tiết và các mùa, ngày lễ và kỳ nghỉ ...
- Giới thiệu cho sinh viên những kiến thức cơ bản về đất nước, con người và văn hóa Hàn Quốc như: tên gọi của người Hàn Quốc, lễ nghĩa khi chào hỏi của người Hàn Quốc, những địa điểm đi chơi vào dịp cuối tuần, vị trí địa lý và diện tích của Hàn Quốc, cách xưng hô của người Hàn Quốc, văn hóa ăn uống ở Hàn Quốc, hệ thống số đếm của Hàn Quốc, du lịch Seoul, đi tàu điện ngầm, người Hàn và điện thoại di động, các số điện thoại chủ yếu, các loại hoa nở vào mùa xuân của Hàn Quốc, mùa mưa đậm và cát vàng, phim Hàn Quốc, quán karaoke ở Hàn Quốc.

5. Nội dung chi tiết của học phần

1. Chào hỏi

- 1.1. Xin chào!
- 1.2. Bạn là người nước nào?
- 1.3. Tôi không phải là nhân viên công ty.
- 1.4. Rất vui được gặp bạn.
- 1.5. Tổng kết nội dung.
2. Trường học và nhà
 - 2.1. Cái này là sách giáo khoa phải không?
 - 2.2. Bạn cũng có cả bản đồ à?
 - 2.3. Ngân hàng nằm ở đâu?
 - 2.4. Nhà bạn ở đâu?
 - 2.5. Tổng kết nội dung.
3. Gia đình và bạn bè
 - 3.1. Xem ảnh gia đình.
 - 3.2. Bố mẹ bạn đang ở đâu?
 - 3.3. Không khí cũng tốt và cũng yên ắng nữa.
 - 3.4. Tôi học Kinh tế học ở trường đại học.
 - 3.5. Tổng kết nội dung.
4. Ẩm thực
 - 4.1. Đi đến nhà hàng.
 - 4.2. Bạn thích ăn món gì?
 - 4.3. Tôi thích ăn bulgogi.
 - 4.4. Cho tôi xin nước ở đây.
 - 4.5. Tổng kết nội dung.
5. Sinh hoạt một ngày
 - 5.1. Bây giờ là mấy giờ rồi?
 - 5.2. Hôm nay là ngày mấy tháng mấy?
 - 5.3. Tôi thức dậy lúc 7 giờ.
 - 5.4. Bạn đã làm gì cùng với bạn của mình?
 - 5.5. Tổng kết nội dung.
6. Mua sắm
 - 6.1. Chúng ta hãy cùng đi mua quà nào!
 - 6.2. Tốt thì tốt nhưng hơi đắt.
 - 6.3. Bao nhiêu vậy ạ?
 - 6.4. Bớt đi ạ!
 - 6.5. Tổng kết nội dung.
7. Giao thông
 - 7.1. Xin lỗi cho tôi hỏi thăm đường.
 - 7.2. Mất khoảng 40 phút đi bằng tàu điện ngầm.
 - 7.3. Đồng người nên anh cẩn thận.
 - 7.4. Cho tôi dừng trước quầy trái cây.

7.5. Tổng kết nội dung.

8. Điện thoại

- 8.1. Xin cho tôi biết số điện thoại.
- 8.2. Có Jeong Min Cheol ở đây không ạ?
- 8.3. Nếu trẻ tôi sẽ gọi điện.
- 8.4. Xin hãy chuyển máy cho Wei.
- 8.5. Tổng kết nội dung

9. Thời tiết và các mùa

- 9.1. Tôi thích mùa đông vì tôi có thể trượt tuyết.
- 9.2. Trời hơi âm u mà...
- 9.3. Trời có lẽ sẽ ấm hơn hôm nay.
- 9.4. Người ta đang tập thể dục ở đây.
- 9.5. Tổng kết nội dung.

10. Ngày lễ và kỳ nghỉ

- 10.1. Tôi định đi núi Seorak.
- 10.2. Khi có thời gian tôi lại đi du lịch.
- 10.3. Tôi không thể đi đến rạp phim thường xuyên.
- 10.4. Tôi đi tản bộ và nghỉ ngơi ở nhà.
- 10.5. Tổng kết nội dung.

6. Phương pháp giảng dạy

- Phương pháp thuyết trình;
- Phương pháp “Hỏi-Đáp”;
- Phương pháp “Làm việc nhóm”.

7. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Tham dự tối thiểu 80% số tiết học trên lớp.
- Thực hiện đầy đủ các bài tập nhóm/ bài tập và được đánh giá kết quả thực hiện.
- Tham dự kiểm tra giữa học kỳ.
- Tham dự thi kết thúc học phần.
- Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.

8. Tài liệu phục vụ cho học phần

8.1. Tài liệu bắt buộc

1. *Giáo trình Hankuko 1*, NXB Đại học Yon Sei, Hàn Quốc, 2009

8.2. Tài liệu tham khảo

1. *Giáo trình Hankuko 1*, NXB Đại học Quốc gia Seoul-Hàn Quốc, 1999
2. *Giáo trình Hankuko 1*, NXB Đại học Sogang
3. *Giáo trình thực hành tiếng Hàn Quốc (Giáo trình Sơ cấp 1)*, NXB Đại học Kyung Hee, 2002
4. *Giáo trình tiếng Hàn tổng hợp dành cho người Việt Nam (Tập 1 - Sơ cấp)*, NXB Quỹ giao lưu quốc tế Hàn Quốc, 2009

5. Tài liệu trên Internet:

www.naver.com

www.google.com

www.youtube.com

<http://www.korean.go.kr/hangeul/cpron/main.htm>

http://rki.kbs.co.kr/learn_korean/lessons/e_index.htm#

<http://www.indiana.edu/~koreanrs/hangul.html>

9. Phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập

TT	Điểm thành phần	Hình thức đánh giá	Trọng số	CDR
1	Chuyên cần	Điểm danh và bài tập	20%	
2	Giữa kỳ	Bài kiểm tra giữa kỳ	30%	CDR tất cả các mục
3	Kết thúc học phần	Thi tự luận, thi trắc nghiệm, thi vấn đáp, bài tập lớn	50%	CDR tất cả các mục

Giảng viên

(Ký tên)



ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
Trường Đại học Ngoại ngữ
Khoa: Nhật – Hàn – Thái
Bộ môn: Tiếng Hàn

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Tên học phần: **Nghe 2**
Chương trình đào tạo: Cử nhân tiếng Hàn
Người biên soạn: Đỗ Thị Quỳnh Hoa
Ngày ban hành: 2017

1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: Nghe 2
- Mã học phần: 4171623
- Số tín chỉ: 2 tín chỉ
- Loại học phần: bắt buộc
- Học phần tiên quyết:
 - + Sinh viên đã hoàn thành học phần Nghe 1.
 - + Nắm được các kỹ năng và kiến thức tích lũy từ học kỳ I.
 - + Sinh viên có một trình độ và vốn hiểu biết nhất định về ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp, đất nước học Hàn Quốc.
- Số giờ tín chỉ: 30, trong đó:
 - Lí thuyết : 30 tiết
 - Thực hành : 0 tiết

2. Thông tin về giảng viên:

Giảng viên:

- Họ và tên: Đỗ Thị Quỳnh Hoa
- Chức danh, học vị: Thạc sĩ
- Thời gian làm việc: Thứ hai, thứ sáu (8:00 - 11:00)
- Địa điểm làm việc: Khoa Nhật – Hàn – Thái, Trường Đại học Ngoại Ngữ - Đại học Đà Nẵng.
- Điện thoại: 0987 297 135
- Email: dothiquynhhoa87@gmail.com

3. Chuẩn đầu ra

3.1 Chuẩn đầu ra 1 (Kiến thức)

- Nghe và nhận biết từ vựng, nghe và ghi chú lại những thông tin quan trọng trong đoạn hội thoại được nghe, nghe và trả lời các câu hỏi liên quan nội dung trong bài, nghe và lặp lại câu thoại đã được nghe.

- Tích lũy thêm được vốn từ vựng điển hình tiêu biểu liên quan tới các chủ đề trên (khoảng 1500 từ).

3.2 Chuẩn đầu ra 2 (Kỹ năng)

- Nghe và nhận biết từ vựng, nghe và ghi chú lại những thông tin quan trọng trong đoạn hội thoại được nghe, nghe và trả lời các câu hỏi liên quan nội dung trong bài, nghe và lặp lại câu thoại đã được nghe.
- Rèn luyện được kỹ năng nhận biết quan điểm khác nhau, thái độ, tình cảm và ý định của người nói thông qua ngữ điệu và phân tích nội dung được nghe.
- Phân tích, tổng hợp được các kiến thức đã học để hỗ trợ, nâng cao các kỹ năng thực hành tiếng khác như Nói 2, Đọc 2 và Viết 2.
- Vận dụng được các kiến thức đã học để áp dụng trong giao tiếp với người bản xứ.
- Đạt được trình độ Nghe tiếng Hàn sơ cấp 1 (Kỳ thi năng lực tiếng Hàn quốc tế - Topik).

3.3 Chuẩn đầu ra số 3 (Năng lực tự chủ và trách nhiệm) :

- Có năng lực lập kế hoạch làm việc hiệu quả
- Có khả năng thích nghi với môi trường làm việc năng động và áp lực cao.
- Trung thực, liêm chính, có tinh thần trách nhiệm cao trong mọi công việc được giao
- Có thái độ hành xử chuẩn mực, bảo đảm tính minh bạch và chịu trách nhiệm với thông tin được chuyển tải trong công tác biên phiên dịch.
- Luôn có ý thức học hỏi, trau dồi bồi dưỡng kiến thức chuyên môn, có tinh thần sáng tạo, luôn nỗ lực phấn đấu vươn lên để thành đạt trong sự nghiệp và cuộc sống.

4. Tóm tắt nội dung học phần

- Luyện nghe về các nội dung như: giới thiệu, ẩm thực Hàn Quốc, chợ búa, văn hóa mời, giao thông, công trình công cộng, điện thoại, bệnh viện, du lịch, việc trong gia đình.
- Giới thiệu cho sinh viên những kiến thức cơ bản về đất nước, con người và văn hóa Hàn Quốc như: quan hệ họ hàng ở Hàn Quốc, vị tương của Hàn Quốc, chợ ở Hàn Quốc, quà tặng vào những ngày đặc biệt, xe buýt tại Seoul, văn phòng quản lý xuất nhập cảnh, các số điện thoại thú vị, đi thăm bệnh, danh lam thắng cảnh của Hàn Quốc, phân loại rác.

5. Nội dung chi tiết của học phần

1. Giới thiệu

- 1.1. Nếu có việc cần thì cứ nói với tôi bất cứ lúc nào.
- 1.2. Anh làm việc ở công ty này được bao lâu rồi?
- 1.3. Bây giờ tôi đã thích ứng nhiều với cuộc sống ở Hàn Quốc rồi.

- 1.4. Được gặp gia đình và bạn bè vậy chắc anh đã vui lắm.
- 1.5. Tổng kết nội dung.

2. Âm thực Hàn Quốc

- 2.1. Bạn từng ăn món canh seolleongtang bao giờ chưa?
- 2.2. Bạn có bao giờ ăn món gà xào dakgalbi chưa?
- 2.3. Món canh kimchi chế biến như thế nào vậy?
- 2.4. Không được bụng chén cơm lên ăn.
- 2.5. Tổng kết nội dung.

3. Chợ búa

- 3.1. Hàng hoá tốt thì tốt thật nhưng giá thành lại đắt quá.
- 3.2. Tôi mặc thử cái này có được không ạ?
- 3.3. Tôi sẽ thanh toán bằng card.
- 3.4. Xem quảng cáo thì thấy loại 100.000Won có vẻ tốt đấy.
- 3.5. Tổng kết nội dung.

4. Văn hoá mời

- 4.1. Tôi định chỉ mời một vài người đến cùng dùng cơm tối thôi.
- 4.2. Anh quyết định mời chung hay mời riêng đi.
- 4.3. Chắc bạn sẽ bận bịu nhiều vì lo chuẩn bị cho đám cưới nhỉ!
- 4.4. Hoa thì tôi sẽ mua và đem tới.
- 4.5. Tổng kết nội dung.

5. Giao thông

- 5.1. Bạn có biết làm thế nào để đến công viên giải trí không?
- 5.2. Muốn đến cung điện Gyeongbuk thì phải đi xe buýt số mấy?
- 5.3. Bạn phải đi ra ngoài rồi sau đó mới vào lại.
- 5.4. Thấy có vẻ gần mà phải đi xe buýt sao ạ?
- 5.5. Tổng kết nội dung.

6. Công trình công cộng

- 6.1. Tôi đến đây vì muốn tìm hiểu về tôn giáo ở Hàn Quốc.
- 6.2. Có vẻ đã giảm xuống so với tuần trước.
- 6.3. Không mắc tiền nhưng tôi sẽ đăng ký phí bảo hiểm.
- 6.4. Không nộp giấy chứng nhận học lại thì không được.
- 6.5. Tổng kết nội dung.

7. Điện thoại

- 7.1. Bạn ấy rủ đi xem kịch đấy, bạn có đi cùng không?
- 7.2. Chắc phải điện thoại để hỏi xem thử là ở đâu mới được.
- 7.3. Tôi không thể giữ đúng lời hứa mất rồi.
- 7.4. Xin bác nhấn lại giúp khi nào bạn ấy về thì điện thoại ngay cho cháu ạ.
- 7.5. Tổng kết nội dung.

8. Bệnh viện

- 8.1. Nếu không đỡ thì trở lại nhé.
- 8.2. Cổ họng thì đau, nước mũi cũng chảy nữa.
- 8.3. Để mua thuốc cần phải có đơn thuốc bác sĩ.
- 8.4. Bạn không biết là bệnh nhân đông như thế nào đâu.
- 8.5. Tổng kết nội dung.

9. Du lịch

- 9.1. Nhớ nhất là biển Donghae mà tôi đã đi vào mùa hè vừa rồi.
- 9.2. Gyeongju vốn là thủ đô của nước Shilla đúng không?
- 9.3. Không có khách sạn nào có view đẹp bằng khách sạn chúng tôi đâu ạ.
- 9.4. Tôi đi vào mùa đông nhưng thấy ở đó ấm hơn Hàn Quốc.
- 9.5. Tổng kết nội dung.

10. Việc trong gia đình

- 10.1. Tiền đặt cọc càng ít càng tốt ạ.
- 10.2. Cứ tưởng sử dụng dịch vụ chuyển nhà bao gồm đóng gói thì không phải làm gì chứ!
- 10.3. Hay chúng ta vừa nghe nhạc vừa dọn dẹp nhé?
- 10.4. Cho đến thứ ba sẽ giải quyết xong nên lúc đó bạn hãy trở lại ạ.
- 10.5. Tổng kết nội dung.

6. Phương pháp giảng dạy

- Phương pháp thuyết trình;
- Phương pháp “Hỏi-Đáp”;
- Phương pháp “Làm việc nhóm”;

7. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Tham dự tối thiểu 80% số tiết học trên lớp.
- Thực hiện đầy đủ các bài tập nhóm/ bài tập và được đánh giá kết quả thực hiện.
- Tham dự kiểm tra giữa học kỳ.
- Tham dự thi kết thúc học phần.
- Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.

8. Tài liệu phục vụ cho học phần

8.1. Tài liệu bắt buộc

1. *Giáo trình Hankuko 2*, NXB Đại học Yon Sei, Hàn Quốc, 2009

8.2. Tài liệu tham khảo

1. *Giáo trình Hankuko 2*, NXB Đại học Quốc gia Seoul-Hàn Quốc, 1999
2. *Giáo trình Hankuko 2*, NXB Đại học Sogang
3. *Giáo trình Sơ cấp 2*, NXB Đại học Kyung Hee, 2002
4. *Giáo trình tiếng Hàn tổng hợp dành cho người Việt Nam (Tập 2 - Sơ cấp)*, NXB Quỹ giao lưu quốc tế Hàn Quốc, 2009

8.3. Tài liệu trên Internet:

www.naver.com

www.google.com

www.youtube.com

<http://www.korean.go.kr/hangeul/cpron/main.htm>

http://rki.kbs.co.kr/learn_korean/lessons/e_index.htm#

<http://www.indiana.edu/~koreanrs/hangul.html>

9. Phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập

TT	Điểm thành phần	Hình thức đánh giá	Trọng số	CDR
1	Chuyên cần	Điểm danh và bài tập	20%	
2	Giữa kỳ	Bài kiểm tra giữa kỳ	30%	CDR tất cả các mục
3	Kết thúc học phần	Thi tự luận, thi trắc nghiệm, thi vấn đáp, bài tập lớn	50%	CDR tất cả các mục

Giảng viên

(Ký tên)



ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
Trường Đại học Ngoại ngữ
Khoa: Nhật – Hàn – Thái
Bộ môn: Tiếng Hàn

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Tên học phần: **Nghe 3**
Chương trình đào tạo: Cử nhân tiếng Hàn
Người biên soạn: Đỗ Thị Quỳnh Hoa
Ngày ban hành: 2017

1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: Nghe 3
- Mã học phần: 4171593
- Số tín chỉ: 2 TC
- Loại học phần: bắt buộc
- Học phần tiên quyết:
 - + Sinh viên đã hoàn thành học phần Nghe 2.
 - + Nắm được các kỹ năng và kiến thức tích lũy từ học kỳ II.
 - + Sinh viên có một trình độ và vốn hiểu biết nhất định về ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp, đất nước học Hàn Quốc.
- Số giờ tín chỉ: 30, trong đó:
 - Lí thuyết : 30 tiết
 - Thực hành : 0 tiết

2. Thông tin về giảng viên:

Giảng viên:

- Họ và tên: Đỗ Thị Quỳnh Hoa
- Chức danh, học vị: Thạc sĩ
- Thời gian làm việc: Thứ hai, thứ sáu (8:00 - 11:00)
- Địa điểm làm việc: Khoa Nhật – Hàn – Thái, Trường Đại học Ngoại Ngữ - Đại học Đà Nẵng.
- Điện thoại: 0987 297 135
- Email: dothiquynhhoa87@gmail.com

3. Chuẩn đầu ra:

3.1 Chuẩn đầu ra 1 (Kiến thức)

- Nghe và nhắc lại được các mẫu câu liên quan tới các chủ đề như: sinh hoạt theo sở thích, cuộc sống hàng ngày, sức khỏe, buổi biểu diễn và cảm nhận, con người, văn hóa hội họp, lỗi lầm và xin lỗi, cuộc sống ở trường, nhờ vả và từ chối, ngày hôm qua và ngày hôm nay.
- Tích lũy và học thuộc thêm được vốn từ vựng điển hình, tiêu biểu liên quan tới các chủ đề trên (khoảng 500 từ).

3.2 Chuẩn đầu ra 2 (Kỹ năng)

- Nghe và nhận biết được cấu trúc và ghi chép những bài nghe có độ dài lớn và khó hơn về chủ đề, độ khó về âm, về từ vựng và cấu trúc. Sinh viên có thể nghe và viết câu trả lời cho các câu hỏi liên quan tới nội dung bài nghe, nghe và suy luận về chủ đề thông qua các dữ liệu đề cập trong bài nghe, nghe và đối chiếu các thông tin với dữ liệu cho sẵn, nghe phân tích và diễn đạt lại nội dung chính của bài nghe.
- Nghe và xử lý thông tin với các chủ điểm là những bản tin ngắn ngoài giáo trình liên quan đến văn hóa, xã hội với độ dài khoảng 300 từ, tóm tắt ý chính của vấn đề đã nghe và trả lời đúng câu hỏi theo yêu cầu của giáo viên.
- Tổng hợp được các kiến thức thông qua học phần này để hỗ trợ, nâng cao các kỹ năng thực hành tiếng khác như Nói 3, Đọc 3 và Viết 3.
- Vận dụng được các kiến thức đã học để áp dụng trong giao tiếp với người bản xứ từ đó quen dần và hình thành tư duy ngôn ngữ, văn hóa của người bản ngữ.
- Đạt được trình độ Nghe tiếng Hàn 2/6 sơ cấp 2 (Kỳ thi năng lực tiếng Hàn quốc tế - Topik).

3.3 Chuẩn đầu ra số 3 (Năng lực tự chủ và trách nhiệm) :

- + Có năng lực lập kế hoạch làm việc hiệu quả
- + Có khả năng thích nghi với môi trường làm việc năng động và áp lực cao.
- + Trung thực, liêm chính, có tinh thần trách nhiệm cao trong mọi công việc được giao
- + Có thái độ hành xử chuẩn mực, bảo đảm tính minh bạch và chịu trách nhiệm với thông tin được chuyển tải trong công tác biên phiên dịch.
- + Luôn có ý thức học hỏi, trau dồi bồi dưỡng kiến thức chuyên môn, có tinh thần sáng tạo, luôn nỗ lực phấn đấu vươn lên để thành đạt trong sự nghiệp và cuộc sống.

4. Nội dung chi tiết của học phần

1. Sinh hoạt theo sở thích

- 1.1. Sở thích của bạn là gì?
- 1.2. Thỉnh thoảng tôi cũng vẽ tranh phong cảnh.
- 1.3. Bạn sẽ tham gia vào câu lạc bộ nào?
- 1.4. Nghe nói người ta đi leo núi là nhiều nhất.
- 1.5. Tổng kết nội dung.

2. Cuộc sống hàng ngày

- 1.1. Tôi là Riae mới chuyển đến ở nhà phía trước.
- 1.2. Hãy cắt ngắn tóc cho tôi.
- 1.3. Tôi xem qua quảng cáo và đến đây.
- 1.4. Điện thoại không gọi được.
- 1.5. Tổng kết nội dung.

3. Sức khỏe

- 3.1. Phải khỏe mạnh thì việc gì cũng có thể làm được.
- 3.2. Nếu muốn duy trì sức khỏe thì phải nỗ lực chứ.
- 3.3. Kimchi hay tương đậu nành duenjang đều là những thực phẩm bổ dưỡng tiêu biểu.
- 3.4. Người ta nói rằng việc ăn không quá nhiều cũng rất quan trọng.
- 3.5. Tổng kết nội dung.

4. Buổi biểu diễn và cảm nhận

- 3.1. Thay vì mua vé thì bạn hãy trả tiền bữa tối nhé.
- 3.2. Vì có bạn rủ coi ‘Chuyện nàng Chun Hyang’ nên tôi định đặt vé.
- 3.3. Cảnh cuối cùng quả rất ấn tượng.
- 3.4. Thật sự rất đáng để coi đấy.
- 3.5. Tổng kết nội dung.

5. Con người

- 5.1. Bạn ấy đã xuất hiện trên chương trình thời sự hôm qua đấy.
- 5.2. Bạn quả đã gặp một bà chủ nhà trọ tốt.
- 5.3. Đóng góp một số tiền lớn thật không phải là việc dễ dàng.
- 5.4. Tôi muốn trở thành một người giống như thầy giáo vậy.
- 5.5. Tổng kết nội dung.

6. Văn hóa hội họp

- 6.1. Cháu sẽ đến chào bà trước đã ạ.
- 6.2. Bạn ấy nhờ mình gửi lời hỏi thăm đến bạn.
- 6.3. Sẽ tổ chức buổi chào mừng tân sinh viên, bạn có thể đến dự không?
- 6.4. Đơn giản uống trà hay gì đấy thôi.
- 6.5. Tổng kết nội dung.

7. Lỗi lầm và xin lỗi

- 7.1. Thay vì nộp bài tập, tôi đã nộp nhầm tờ nhật ký.
- 7.2. Các bạn cùng nhà trọ cũng giống như người trong gia đình thôi mà.
- 7.3. Tôi lại thấy có lỗi hơn.
- 7.4. Người ta cũng biểu hiện sự biết lỗi bằng những cách khác.
- 7.5. Tổng kết nội dung.

8. Cuộc sống ở trường

- 8.1. Hãy cùng thảo luận nào.
- 8.2. Chúng ta cùng trao đổi ngôn ngữ nhé?

- 8.3. Không biết chừng lại tâm sự với bạn thân cũng nên.
- 8.4. Tôi muốn nhập học vào trường đại học ở Hàn Quốc.
- 8.5. Tổng kết nội dung.

9. Nhờ vả và từ chối

- 9.1. Xin lỗi nhưng tôi có thể nhờ bạn mua ít đồ uống được không?
- 9.2. Bạn có thể chụp hình giùm tôi được không?
- 9.3. Phải làm sao đây? Có vẻ hơi khó thật.
- 9.4. Hình như hơi phiền phức đấy.
- 9.5. Tổng kết nội dung.

10. Ngày hôm qua và ngày hôm nay

- 10.1. Tôi đã thường hay đi xem phim.
- 10.2. 10 năm trước thì như thế nào nhỉ?
- 10.3. Nếu trước đây không đến Hàn Quốc thì giờ sẽ ra sao nhỉ?
- 10.4. Việc nhà thì đương nhiên rồi, nhưng nghe nói robot còn chăm sóc cả em bé nữa.

5. Phương pháp giảng dạy

- Phương pháp thuyết trình;
- Phương pháp “Hỏi-Đáp”;
- Phương pháp “Làm việc nhóm”.

6. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Tham dự tối thiểu 80% số tiết học trên lớp.
- Thực hiện đầy đủ các bài tập nhóm/ bài tập và được đánh giá kết quả thực hiện.
- Tham dự kiểm tra giữa học kỳ.
- Tham dự thi kết thúc học phần.
- Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.

7. Tài liệu phục vụ cho học phần

7.1. Tài liệu bắt buộc

1. *Giáo trình Hankuko 3*, NXB Đại học Yon Sei, Hàn Quốc, 2009

7.2. Tài liệu tham khảo

1. *Giáo trình Hankuko 3*, NXB Đại học Quốc gia Seoul-Hàn Quốc, 1999
2. *Giáo trình Hankuko 3*, NXB Đại học Sogang
3. *Giáo trình Trung cấp 1*, NXB Đại học Kyung Hee, 2002
4. *Giáo trình tiếng Hàn tổng hợp dành cho người Việt Nam (Tập 3 - Trung cấp)*, NXB Quỹ giao lưu quốc tế Hàn Quốc, 2009

7.3 Tài liệu trên Internet:

www.naver.com
www.google.com
www.youtube.com

8. Phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập

TT	Điểm thành phần	Hình thức đánh giá	Trọng số	CĐR
1	Chuyên cần	Điểm danh và bài tập	20%	
2	Giữa kỳ	Bài kiểm tra giữa kỳ	30%	CĐR tất cả các mục
3	Kết thúc học phần	Thi tự luận, thi trắc nghiệm, thi vấn đáp, bài tập lớn	50%	CĐR tất cả các mục

Giảng viên
(Ký tên)



ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
Trường Đại học Ngoại ngữ
Khoa: Nhật – Hàn – Thái
Bộ môn: Tiếng Hàn

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Tên học phần: **Nghe 4**
Chương trình đào tạo: Cử nhân tiếng Hàn
Người biên soạn: Đỗ Thị Quỳnh Hoa
Ngày ban hành: 2017

1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: Nghe 4
- Mã học phần: 4171653
- Số tín chỉ: 3 TC
- Loại học phần: bắt buộc
- Học phần tiên quyết:
 - + Sinh viên đã hoàn thành học phần Nghe 3.
 - + Nắm được các kỹ năng và kiến thức tích lũy từ học kỳ III.
 - + Sinh viên có một trình độ và vốn hiểu biết nhất định về ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp, đất nước học Hàn Quốc.
- Số giờ tín chỉ: 45, trong đó:
 - Lí thuyết : 45 tiết
 - Thực hành : 0 tiết

2. Thông tin về giảng viên:

Giảng viên:

- Họ và tên: Đỗ Thị Quỳnh Hoa
- Chức danh, học vị: Thạc sĩ
- Thời gian làm việc: Thứ hai, thứ sáu (8:00 - 11:00)
- Địa điểm làm việc: Khoa Nhật – Hàn – Thái, Trường Đại học Ngoại Ngữ - Đại học Đà Nẵng.
- Điện thoại: 0987 297 135
- Email: dothiquynhhoa87@gmail.com

3. Chuẩn đầu ra:

3.1 Chuẩn đầu ra 1 (Kiến thức)

- Nắm bắt được các kỹ năng của học phần nghe hiểu như: nghe phân tích, nghe tổng hợp, nghe phán đoán, nghe và điền vào chỗ trống, nghe và trả lời câu hỏi đúng sai, nghe và thuật lại nội dung chính.
- Nghe và hiểu được văn bản nghe có độ dài lớn (300 từ), nội dung phức tạp, chủ đề nghe thiên về văn hóa xã hội và quan điểm cá nhân.
- Học thuộc và tích lũy được vốn từ vựng mới, phong phú (khoảng 700 từ), và tiếp cận với nghệ thuật sử dụng từ trong giao tiếp giai đoạn nâng cao.

3.2 Chuẩn đầu ra 2 (Kỹ năng)

- Nghe được và ghi chép có chọn lọc và định hướng, nghe tóm tắt thông tin chính, tái tạo và lược thuật văn bản đã nghe. Đồng thời, sinh viên có thể đưa ra quan điểm và đề xuất cá nhân về vấn đề được nghe.
- Tổng hợp được các kiến thức đã học thông qua học phần này để hỗ trợ, nâng cao các kỹ năng thực hành tiếng khác như Nói 4, Đọc 4 và Viết 4.
- Vận dụng các kiến thức đã học để áp dụng trong giao tiếp với người bản xứ từ đó quen dần và hình thành tư duy ngôn ngữ, văn hóa của người bản ngữ.

3.3 Chuẩn đầu ra số 3 (Năng lực tự chủ và trách nhiệm) :

- Có năng lực lập kế hoạch làm việc hiệu quả
- Có khả năng thích nghi với môi trường làm việc năng động và áp lực cao.
- Trung thực, liêm chính, có tinh thần trách nhiệm cao trong mọi công việc được giao
- Có thái độ hành xử chuẩn mực, bảo đảm tính minh bạch và chịu trách nhiệm với thông tin được chuyển tải trong công tác biên phiên dịch.
- Luôn có ý thức học hỏi, trau dồi bồi dưỡng kiến thức chuyên môn, có tinh thần sáng tạo, luôn nỗ lực phấn đấu vươn lên để thành đạt trong sự nghiệp và cuộc sống.

4. Tóm tắt nội dung học phần

- Học phần này nhằm rèn luyện cho sinh viên kỹ năng ghi chép tóm tắt thông tin, qua đó trình bày quan điểm cá nhân về nội dung được nghe, do đó nội dung của học phần này chủ yếu đề cập đến các chủ đề như: sinh hoạt, tính cách, vấn đề trong cuộc sống hàng ngày, văn hóa hiện đại Hàn Quốc, thời gian và sự thay đổi, tri thức và xã hội, sự mê tín, sinh hoạt kinh tế, ngày lễ và lễ hội, những người sống qua thời hiện đại.
- Nội dung học phần đề cập đến những kiến thức sâu hơn về đất nước, con người và văn hóa Hàn Quốc như: hoạt động khi nhàn rỗi của người Hàn, trò chơi dân gian, vua Se Jong, văn hóa hội họp, lễ nghi qua ngôn ngữ, quá khứ và hiện tại của sông Hàn...

5. Nội dung chi tiết của học phần

1. Cuộc sống của tôi

- 1.1. Sống một thời gian rồi cũng thích ứng dần.
- 1.2. Đó là người không khác gì cha mẹ tôi.

- 1.3. Hãy lập kế hoạch để không lãng phí thời gian.
 - 1.4. Sống phải biết giúp đỡ người khác.
 - 1.5. Tổng kết nội dung.
2. Tính cách của con người
 - 2.1. Không biết là do nhút nhát hay sao mà ít nói quá.
 - 2.2. Chỉ có trí tưởng tượng phong phú thôi thì làm được gì?
 - 2.3. Nếu đã bắt tay vào làm việc thì sẽ làm tới cùng.
 - 2.4. Không chịu nghe theo.
 - 2.5. Tổng kết nội dung.
3. Vấn đề trong cuộc sống hàng ngày
 - 3.1. Tôi muốn hoàn hảo.
 - 3.2. Ôn ào như thế thì làm sao mà nghỉ ngơi được.
 - 3.3. Ít ra cũng phải có thể ngủ được chứ.
 - 3.4. Phải trả lại một nửa tiền thuê nhà chứ.
 - 3.5. Tổng kết nội dung.
4. Văn hóa hiện đại Hàn Quốc
 - 4.1. Đi karaoke để giải tỏa căng thẳng chứ?
 - 4.2. Giờ đây tôi cũng đã quen với những món ăn nóng rồi.
 - 4.3. Thật khó để hiểu câu đó nghĩa là gì.
 - 4.4. Dù sẽ bận nhưng vẫn tham gia vào câu lạc bộ của những người cùng sở thích à?
 - 4.5. Tổng kết nội dung.
5. Thời gian và sự thay đổi
 - 5.1. Kỹ thuật mỗi ngày một phát triển.
 - 5.2. Bây giờ nếu vợ chồng không cùng đi làm thì cuộc sống sẽ khó khăn nhiều.
 - 5.3. Nghe nói vì camera giám sát mà nhiều người bị căng thẳng đấy.
 - 5.4. Thường nếu ở lâu một chỗ thì không thể nhận ra sự thay đổi.
 - 5.5. Tổng kết nội dung.
6. Tri thức và xã hội
 - 6.1. Có thể phạm phải sai lầm bởi thông tin sai lệch.
 - 6.2. Không phân biệt phim truyền hình hay là tin tức, tôi xem đủ cả.
 - 6.3. Cảm giác như đang mặt đối mặt chuyện trò với nhau vậy.
 - 6.4. Nếu đọc báo thì kiến thức chung sẽ trở nên phong phú hơn.
 - 6.5. Tổng kết nội dung.
7. Sự mê tín
 - 7.1. Hề tôi xem trận bóng đá nào thì trận đó mình lại thua.
 - 7.2. Không được viết tên bằng bút màu đỏ à?
 - 7.3. Thử vào cafe tử vi một lần không?
 - 7.4. Hôm nay tôi đã mơ một giấc mơ tốt.
 - 7.5. Tổng kết nội dung.

8. Sinh hoạt kinh tế

- 6.1. Chúc mừng cô đã giành được giải thưởng tiết kiệm.
- 6.2. Gửi tiết kiệm vào ngân hàng là tốt nhất.
- 6.3. Tôi đã rất bối rối vì không thanh toán bằng thẻ tín dụng được.
- 6.4. Nếu xem quảng cáo thì chắc chắn là muốn mua sản phẩm rồi.
- 6.5. Tổng kết nội dung.

9. Ngày lễ và lễ hội

- 9.1. Là lời cầu chúc nhận được nhiều phúc lành đầy mà.
- 9.2. Đường cao tốc tập nập xe cộ trong dịp Tết Trung thu.
- 9.3. Tôi vừa đi dự lễ hội Tết Doan Ngọ tổ chức ở Kangneung về.
- 9.4. Hàn Quốc xem ra có nhiều ngày lễ trong tháng 5.
- 9.5. Tổng kết nội dung.

10. Những người sống qua thời hiện đại

- 10.1. Tôi trở nên có thói quen nhìn đồng hồ liên tục.
- 10.2. Chủ nghĩa vật chất vạn năng đâu phải là việc của ngày hôm qua hay hôm nay đâu.
- 10.3. Có lưu tâm đến thì ta có thể sống khoẻ mạnh.
- 10.4. Giao tiếp bị gián đoạn thì sẽ có vấn đề xảy ra.
- 10.5. Tổng kết nội dung.

6. Phương pháp giảng dạy

- Phương pháp thuyết trình;
- Phương pháp “Hỏi-Đáp”;
- Phương pháp “Làm việc nhóm”.

7. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Tham dự tối thiểu 80% số tiết học trên lớp.
- Thực hiện đầy đủ các bài tập nhóm/ bài tập và được đánh giá kết quả thực hiện.
- Tham dự kiểm tra giữa học kỳ.
- Tham dự thi kết thúc học phần.
- Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.

8. Tài liệu phục vụ cho học phần

8.1. Tài liệu bắt buộc

1. *Giáo trình Hankuko 4*, NXB Đại học Yon Sei, Hàn Quốc, 2009

8.2. Tài liệu tham khảo

1. *Giáo trình Hankuko 4*, NXB Đại học Quốc gia Seoul-Hàn Quốc, 1999
2. *Giáo trình Hankuko 4*, NXB Đại học Sogang
3. *Giáo trình Trung cấp 2*, NXB Đại học Kyung Hee, 2002

4. Giáo trình tiếng Hàn tổng hợp dành cho người Việt Nam (Tập 4 - Trung cấp), NXB Quỹ giao lưu quốc tế Hàn Quốc, 2009

5. Tài liệu trên Internet:

www.naver.com

www.google.com

www.youtube.com

www.topik.go.kr

<http://news.kbs.co.kr/>

<http://www.gnmbc.co.kr/>

http://pleasantonkorean.com/xenews/?document_srl=1225

9. Phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập

TT	Điểm thành phần	Hình thức đánh giá	Trọng số	CĐR
1	Chuyên cần	Điểm danh và bài tập	20%	
2	Giữa kỳ	Bài kiểm tra giữa kỳ	30%	CĐR tất cả các mục
3	Kết thúc học phần	Thi tự luận, thi trắc nghiệm, thi vấn đáp, bài tập lớn	50%	CĐR tất cả các mục

Giảng viên
(Ký tên)



ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
Trường Đại học Ngoại ngữ
Khoa: Nhật – Hàn – Thái
Bộ môn: Tiếng Hàn

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Tên học phần: **Nghe 5**
Chương trình đào tạo: **Cử nhân tiếng Hàn**
Người biên soạn: **Đỗ Thị Quỳnh Hoa**
Ngày ban hành: **2017**

1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: Nghe 5
- Mã học phần: 4170683
- Số tín chỉ: 2 TC
- Loại học phần: bắt buộc
- Học phần tiên quyết:
 - + Sinh viên đã hoàn thành học phần Nghe 4.
 - + Nắm được các kỹ năng và kiến thức tích lũy từ học kỳ IV.
 - + Sinh viên có một trình độ và vốn hiểu biết nhất định về ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp, đất nước học Hàn Quốc.
- Số giờ tín chỉ: 30, trong đó:
 - Lí thuyết : 30 tiết
 - Thực hành : 0 tiết

2. Thông tin về giảng viên:

Giảng viên:

- Họ và tên: Đỗ Thị Quỳnh Hoa
- Chức danh, học vị: Thạc sĩ
- Thời gian làm việc: Thứ hai, thứ sáu (8:00 - 11:00)
- Địa điểm làm việc: Khoa Nhật – Hàn – Thái, Trường Đại học Ngoại Ngữ - Đại học Đà Nẵng.
- Điện thoại: 0987 297 135
- Email: dothiquynhhoa87@gmail.com

3. Chuẩn đầu ra:

3.1 Chuẩn đầu ra 1 (Kiến thức)

- Hiểu và nắm bắt được các kiến thức thông qua các bài nghe có tính chuyên đề về các lĩnh vực ngôn ngữ, xã hội, văn hóa như: các yếu tố quyết định cách dùng kính ngữ hoặc cách xưng hô trong tiếng Hàn, sự thay đổi của nghề nghiệp theo thời đại, các ngày nghỉ trong quá khứ, Hangeul- chữ viết trong thời đại thông tin hóa, những thương gia thành phố Gaeseong, đồ gốm trắng men ngọc bách triều đại Goryeo, phong tục làm 49 ngày và để tang 3 năm, việc học tập và các học giả, đất của Hàn Quốc- bán đảo, tiêu chuẩn của sự giàu có trong triều đại Chosun.
- Nghe, ghi chép lại các ý chính và phát biểu lại được nội dung bài nghe có độ dài lớn (350-400 từ), nội dung phức tạp, chủ đề nghe thiên về ngôn ngữ, văn hóa xã hội và quan điểm cá nhân.
- Vận dụng vốn từ vựng và ngữ pháp đã học được trong học phần này để hỗ trợ và đáp ứng cho học phần thông dịch trong học kỳ sau.
- Hiểu biết và đưa ra được quan điểm của bản thân về đất nước, con người và văn hóa xã hội Hàn Quốc thông qua các dữ liệu nghe trong học phần này

3.2 Chuẩn đầu ra (Kỹ năng)

- Nắm bắt và nâng cao được các kỹ năng nghe: nghe phân tích, nghe tổng hợp, nghe phán đoán, nghe và điền vào chỗ trống, nghe và trả lời câu hỏi đúng - sai, nghe và thuật lại nội dung chính... với các văn bản nghe có độ dài từ 350-400 từ, nội dung phức tạp và đồng thời sinh viên có thể đưa ra quan điểm của mình về những vấn đề được nghe.
- Nghe hiểu, nắm được ý chính, biết phân tích và phán đoán được một bài diễn thuyết, các bài phát biểu tại hội thảo, hội đàm về lĩnh vực văn hóa, xã hội.
- Vận dụng các kiến thức tích lũy được về từ vựng và ngữ pháp thông qua học phần này để hỗ trợ cho các kỹ năng thực hành tiếng khác như Nói 5, Đọc 5 và Viết 5

3.3 Chuẩn đầu ra số 3 (Năng lực tự chủ và trách nhiệm) :

- Có năng lực lập kế hoạch làm việc hiệu quả
- Có khả năng thích nghi với môi trường làm việc năng động và áp lực cao.
- Trung thực, liêm chính, có tinh thần trách nhiệm cao trong mọi công việc được giao
- Có thái độ hành xử chuẩn mực, bảo đảm tính minh bạch và chịu trách nhiệm với thông tin được chuyển tải trong công tác biên phiên dịch.
- Luôn có ý thức học hỏi, trau dồi bồi dưỡng kiến thức chuyên môn, có tinh thần sáng tạo, luôn nỗ lực phấn đấu vươn lên để thành đạt trong sự nghiệp và cuộc sống.

4. Tóm tắt nội dung học phần

- Nội dung nghe đề cập đến các chủ đề như: ngôn ngữ và sinh hoạt, nghề nghiệp và công sở, sinh hoạt hàng ngày và văn hóa giải trí, khoa học và kỹ thuật, văn hóa đại chúng và nghệ thuật, truyền thống và sự thay đổi, cuộc sống và việc học tập, tự nhiên và môi trường, cá nhân và cộng đồng.

- Nội dung học phần là các bản tin hoặc các thước phim hoặc các shot chương trình giải trí trên đài truyền hình Hàn Quốc, qua đó nhằm hiểu sâu hơn về văn hóa, xã hội Hàn Quốc và làm quen với cách phát âm địa phương và phương ngữ.
- Nội dung học phần là các bài thi Nghe cấp 4/6 của bộ đề Nghe cấp 4 kỳ thi năng lực tiếng Hàn quốc tế (Topik).

5. Nội dung chi tiết của học phần

1. Ngôn ngữ và sinh hoạt

- 1.1. Việc học tiếng Hàn
- 1.2. Tiếng Hàn không khó mà rất dễ
- 1.3. Tổng kết nội dung

2. Nghề nghiệp và công sở

- 2.1. Quan điểm về nghề nghiệp
- 2.2. Ở công sở
- 2.3. Tổng kết nội dung

3. Sinh hoạt hàng ngày và văn hóa giải trí

- 3.1 Sinh hoạt hàng ngày của người Hàn Quốc hiện đại
- 3.2 Văn hóa giải trí của người hiện đại
- 3.3 Tổng kết nội dung

4. Khoa học và kỹ thuật

- 4.1 Internet và nhân loại
- 4.2 Khoa học và tương lai
- 4.3 Tổng kết nội dung

5. Sinh hoạt và kinh tế

- 5.1 Chỉ tiêu hàng ngày
- 5.2 Hoạt động kinh tế cá nhân
- 5.3 Tổng kết nội dung

6. Văn hóa đại chúng và nghệ thuật

- 6.1 Văn hóa đại chúng của Hàn Quốc
- 6.2 Nghệ thuật truyền thống của Hàn Quốc
- 6.3 Tổng kết nội dung

7. Truyền thống và sự thay đổi

- 7.1 Sự thay đổi của gia đình
- 7.2 Nghi lễ của Hàn Quốc
- 7.3 Tổng kết nội dung

8. Cuộc sống và việc học tập

- 8.1 Quan điểm giáo dục của người Hàn Quốc
- 8.2 Học tập suốt đời
- 8.3 Tổng kết nội dung

- 9. Tự nhiên và môi trường
 - 9.1 Nhân loại và tự nhiên
 - 9.2 Bảo vệ môi trường
 - 9.3 Tổng kết nội dung

- 10. Cá nhân và cộng đồng
 - 10.1. Tôi và những người hàng xóm
 - 10.2. Tôi trong thế giới
 - 10.3. Tổng kết nội dung

- 6. **Phương pháp giảng dạy**
 - Phương pháp thuyết trình;
 - Phương pháp “Hỏi-Đáp”;
 - Phương pháp “Làm việc nhóm”.

- 7. **Nhiệm vụ của sinh viên:**
 - Tham dự tối thiểu 80% số tiết học trên lớp.
 - Thực hiện đầy đủ các bài tập nhóm/ bài tập và được đánh giá kết quả thực hiện.
 - Tham dự kiểm tra giữa học kỳ.
 - Tham dự thi kết thúc học phần.
 - Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.

8. Tài liệu phục vụ cho học phần

8.1. Tài liệu bắt buộc

- 1. *Giáo trình Hankuko 5*, NXB Đại học Yon Sei, Hàn Quốc, 2009

8.2. Tài liệu tham khảo

- 1. *Giáo trình Hankuko 5*, NXB Đại học Quốc gia Seoul-Hàn Quốc, 1999
- 2. *Giáo trình Hankuko 5*, NXB Đại học Sogang
- 3. *Giáo trình Cao cấp 1*, NXB Đại học Kyung Hee, 2002
- 4. *Giáo trình tiếng Hàn tổng hợp dành cho người Việt Nam (Tập 5 – Cao cấp)*, NXB Quỹ giao lưu quốc tế Hàn Quốc, 2009
- 5. Tài liệu trên Internet:
 - www.naver.com
 - www.google.com
 - www.youtube.com
 - www.topik.or.kr
 - <http://news.kbs.co.kr/>
 - <http://www.gnmbc.co.kr/>
 - http://pleasantonkorean.com/xenews/?document_srl=1225

9. Phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập:

TT	Điểm thành phần	Hình thức đánh giá	Trọng số	CĐR
1	Chuyên cần	Điểm danh và bài tập	20%	
2	Giữa kỳ	Bài kiểm tra giữa kỳ	30%	CĐR tất cả các mục
3	Kết thúc học phần	Thi tự luận, thi trắc nghiệm, thi vấn đáp, bài tập lớn	50%	CĐR tất cả các mục

Giảng viên
(Ký tên)



ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
Trường Đại học Ngoại ngữ
Khoa: Nhật – Hàn – Thái
Bộ môn: Tiếng Hàn

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Tên học phần: **Nói 1**
Chương trình đào tạo: Chính quy
Người biên soạn: Nguyễn Ngọc Tuyền
Ngày ban hành: 2017

1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: Nói 1
- Mã học phần: 4170813
- Số tín chỉ: 3 TC
- Loại học phần: Bắt buộc
- Học phần tiên quyết:
- Số giờ tín chỉ: 45, trong đó:
 - Lí thuyết : 45
 - Thực hành : 0

2. Thông tin về giảng viên: (cập nhật theo học kỳ)

Giảng viên:

- Họ và tên: Nguyễn Ngọc Tuyền
- Chức danh, học vị: Thạc sĩ
- Thời gian làm việc: Thứ Hai, thứ Sáu (08:00 ~ 11:00)
- Địa điểm làm việc: Khoa Nhật – Hàn – Thái
- Điện thoại: 0906 588 475
- Email: tchya1984@gmail.com

3. Chuẩn đầu ra

3.1 Chuẩn đầu ra 1 (Kiến thức)

- Nhận biết, phát âm và học thuộc được toàn bộ chữ cái tiếng Hàn, phát âm chuẩn xác các từ tiếng Hàn.
- Hiểu và nắm được các kiến thức sơ đẳng ban đầu của tiếng Hàn về hệ thống từ loại, nguồn gốc, chức năng, vai trò của từ loại, cấu trúc câu...

- Nhận biết được các hiện tượng đồng hoá nguyên âm, đồng hoá phụ âm, quy tắc biến âm... và phát âm đúng từ.
- Hiểu và học thuộc được khoảng 900 từ tiếng Hàn và 50 điểm ngữ pháp căn bản.

3.2 Chuẩn đầu ra 2 (Kỹ năng)

- Phân biệt được âm bật hơi, âm căng, âm ma sát và phát âm được ba loại âm này.
- Thực hành nói được các dạng đọc bài – hỏi – trả lời, có thể thực hiện các bài nói, hội thoại ngắn gọn (khoảng 10 câu đơn), dễ hiểu, đúng ngữ âm, ngữ điệu, đúng mẫu câu.
- So sánh và đối chiếu được các điểm khác nhau và giống nhau giữa văn hoá Việt Nam và văn hoá Hàn Quốc thể hiện qua văn nói, ví dụ: văn hoá sử dụng kính ngữ, văn hoá chào hỏi...
- Vận dụng được từ vựng và ngữ pháp đã học được thông qua các học phần này hỗ trợ, nâng cao các kỹ năng thực hành tiếng khác như Đọc I, Viết I, và Nghe I.

3.3 Chuẩn đầu ra số 3 (Năng lực tự chủ và trách nhiệm) :

- Có năng lực lập kế hoạch làm việc hiệu quả
- Có khả năng thích nghi với môi trường làm việc năng động và áp lực cao.
- Trung thực, liêm chính, có tinh thần trách nhiệm cao trong mọi công việc được giao
- Có thái độ hành xử chuẩn mực, bảo đảm tính minh bạch và chịu trách nhiệm với thông tin được chuyển tải trong công tác biên phiên dịch.
- Luôn có ý thức học hỏi, trau dồi bồi dưỡng kiến thức chuyên môn, có tinh thần sáng tạo, luôn nỗ lực phấn đấu vươn lên để thành đạt trong sự nghiệp và cuộc sống.

4. Tóm tắt nội dung học phần (khoảng 150 từ)

- Học phần Nói 1 nhằm bước đầu giúp sinh viên làm quen với ngôn ngữ Hàn Quốc, giúp sinh viên nhận biết và thuộc hệ thống chữ cái tiếng Hàn, phát âm chuẩn xác các âm bật hơi, âm căng, âm ma sát..., do đó nội dung của học phần này là các mẫu văn nói với các cấu trúc ngữ pháp đơn giản, mỗi câu văn dài khoảng 15 từ, tập trung vào các chủ đề cơ bản như: chào hỏi, trường học, bạn bè, gia đình, ẩm thực, mua sắm, lịch sinh hoạt một ngày, điện thoại, thời tiết... Qua các bài học và thực hành, sinh viên sẽ dần dần được tiếp xúc và làm quen với văn hoá đời sống thường ngày của đất nước Hàn Quốc.

5. Nội dung chi tiết của học phần (tên các chương, mục, tiểu mục)

1. Chào hỏi

1.1 Xin chào!

1.2 Bạn là người nước nào?

1.3 Tôi không phải là nhân viên công ty.

1.4 Rất vui được gặp bạn.

1.5 Tổng kết nội dung.

2. Trường học và nhà
 - 2.1. Cái này là sách giáo khoa phải không?
 - 2.2. Bạn cũng có cả bản đồ à?
 - 2.3. Ngân hàng nằm ở đâu?
 - 2.4. Nhà bạn ở đâu?
 - 2.5. Tổng kết nội dung.
3. Gia đình và bạn bè
 - 3.1. Xem ảnh gia đình.
 - 3.2. Bố mẹ bạn đang ở đâu?
 - 3.3. Không khí cũng tốt và cũng yên ắng nữa.
 - 3.4. Tôi học Kinh tế học ở trường đại học.
 - 3.5. Tổng kết nội dung.
4. Ẩm thực
 - 4.1. Đi đến nhà hàng.
 - 4.2. Bạn thích ăn món gì?
 - 4.3. Tôi thích ăn bulgogi.
 - 4.4. Cho tôi xin nước ở đây.
 - 4.5. Tổng kết nội dung.
5. Sinh hoạt một ngày
 - 5.1. Bây giờ là mấy giờ rồi?
 - 5.2. Hôm nay là ngày mấy tháng mấy?
 - 5.3. Tôi thức dậy lúc 7 giờ.
 - 5.4. Bạn đã làm gì cùng với bạn của mình?
 - 5.5. Tổng kết nội dung.
6. Mua sắm
 - 6.1. Chúng ta hãy cùng đi mua quà nào!
 - 6.2. Tốt thì tốt nhưng hơi đắt.
 - 6.3. Bao nhiêu vậy ạ?
 - 6.4. Bớt đi ạ!
 - 6.5. Tổng kết nội dung.
7. Giao thông
 - 7.1. Xin lỗi cho tôi hỏi thăm đường.
 - 7.2. Mất khoảng 40 phút đi bằng tàu điện ngầm.
 - 7.3. Đồng người nên anh cẩn thận.
 - 7.4. Cho tôi dừng trước quầy trái cây.
 - 7.5. Tổng kết nội dung.
8. Điện thoại
 - 8.1. Xin cho tôi biết số điện thoại.

- 8.2 Có Jeong Min Cheol ở đây không ạ?
 8.3 Nếu trễ tôi sẽ gọi điện.
 8.4 Xin hãy chuyển máy cho Wei.
 8.5 Tổng kết nội dung.

9. Thời tiết và các mùa

- 9.1 Tôi thích mùa đông vì tôi có thể trượt tuyết.
 9.2 Trời hơi âm u mà...
 9.3 Trời có lẽ sẽ ấm hơn hôm nay.
 9.4 Người ta đang tập thể dục ở đằng ấy.
 9.5 Tổng kết nội dung.

10. Ngày lễ và kỳ nghỉ

- 10.1 Tôi định đi núi Seorak.
 10.2 Khi có thời gian tôi lại đi du lịch.
 10.3 Tôi không thể đi đến rạp phim thường xuyên.
 10.4 Tôi đi tản bộ và nghỉ ngơi ở nhà.
 10.5 Tổng kết nội dung.

6. Phương pháp giảng dạy

- Phương pháp thuyết trình;
- Phương pháp “Hỏi-Đáp”;
- Phương pháp “Làm việc nhóm”;

7. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Tham dự tối thiểu 80% số tiết học trên lớp.
- Thực hiện đầy đủ các bài tập nhóm/ bài tập và được đánh giá kết quả thực hiện.
- Tham dự kiểm tra giữa học kỳ.
- Tham dự thi kết thúc học phần.
- Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.

8. Tài liệu phục vụ cho học phần

8.1. Tài liệu bắt buộc

1. *Giáo trình Hanguo 1*, Đại học Yonsei, Hàn Quốc, 2009
- 2.

8.2. Tài liệu tham khảo

1. *Giáo trình Hanguo 1*, NXB Đại học Quốc gia Seoul, Hàn Quốc, 1999
2. *Giáo trình Hanguo 1*, NXB Đại học Sogang, Hàn Quốc
3. *Giáo trình Sơ cấp 1*, NXB Đại học Kyung Hee, 2002
4. *Giáo trình tiếng Hàn tổng hợp dành cho người Việt Nam (Tập 1 – Sơ cấp)*, NXB Quỹ giao lưu quốc tế Hàn Quốc, 2009

9. Phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập

TT	Điểm thành phần	Hình thức đánh giá	Trọng số	CDR
----	-----------------	--------------------	----------	-----

1	Chuyên cần	Điểm danh và bài tập	20%	
2	Giữa kỳ	Bài kiểm tra giữa kỳ	30%	CĐR tất cả các mục
3	Kết thúc học phần	Thi tự luận, thi trắc nghiệm, thi vấn đáp, bài tập lớn	50%	CĐR tất cả các mục

Giảng viên
(Ký tên)



ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
Trường Đại học Ngoại ngữ
Khoa: Nhật – Hàn – Thái
Bộ môn: Tiếng Hàn

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Tên học phần: **Nói 2**
Chương trình đào tạo: Chính quy
Người biên soạn: Nguyễn Ngọc Tuyền
Ngày ban hành: 2017

1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: Nói II
- Mã học phần: 4171633
- Số tín chỉ: 3 TC
- Loại học phần: Bắt buộc
- Học phần tiên quyết: Nói I
- Số giờ tín chỉ: 45, trong đó:
 - Lí thuyết : 45 tiết
 - Thực hành : 0 tiết

2. Thông tin về giảng viên: (cập nhật theo học kỳ)

Giảng viên:

- Họ và tên: Nguyễn Ngọc Tuyền
- Chức danh, học vị: Thạc sĩ
- Thời gian làm việc: Thứ Hai, thứ Sáu (08:00 ~ 11:00)
- Địa điểm làm việc: Khoa Nhật – Hàn – Thái
- Điện thoại: 0906 588 475
- Email: tchya1984@gmail.com

3. Chuẩn đầu ra:

3.1 Chuẩn đầu ra 1 (Kiến thức)

- Hiểu ý nghĩa và học thuộc được khoảng 1500 từ mới tiếng Hàn thông dụng liên quan đến các khía cạnh đời sống thường ngày như: đi ngân hàng, đi bệnh viện, dự tiệc, du lịch, mua sắm...
- Hiểu và sử dụng được 100 cấu trúc ngữ pháp mới, mẫu câu mới để tạo lập câu văn nói.

- Đối chiếu và so sánh được giữa hai nền văn hoá cũng như về đời sống, kinh tế, xã hội... của Việt Nam và Hàn Quốc.

3.2 Chuẩn đầu ra 2 (Kỹ năng)

- Thực hành nói được các bài nói, hội thoại ngắn khoảng 20 câu bao gồm cả câu đơn lẫn câu phức, câu ghép trình bày được suy nghĩ, quan điểm của mình về các chủ đề đơn giản như sở thích cá nhân, cuộc sống của bản thân...
- Rèn luyện được các sắc thái biểu đạt của từ, dùng từ chuẩn xác, ngữ điệu hợp tình thái.
- Vận dụng được các kiến thức về từ vựng và ngữ pháp đã học được thông qua học phần này để hỗ trợ, nâng cao các kỹ năng thực hành tiếng khác như Đọc II, Viết II, và Nghe II.

3.3 Chuẩn đầu ra số 3 (Năng lực tự chủ và trách nhiệm) :

- Có năng lực lập kế hoạch làm việc hiệu quả
- Có khả năng thích nghi với môi trường làm việc năng động và áp lực cao.
- Trung thực, liêm chính, có tinh thần trách nhiệm cao trong mọi công việc được giao
- Có thái độ hành xử chuẩn mực, bảo đảm tính minh bạch và chịu trách nhiệm với thông tin được chuyển tải trong công tác biên phiên dịch.
- Luôn có ý thức học hỏi, trau dồi bồi dưỡng kiến thức chuyên môn, có tinh thần sáng tạo, luôn nỗ lực phấn đấu vươn lên để thành đạt trong sự nghiệp và cuộc sống.

4 Tóm tắt nội dung học phần (khoảng 150 từ)

- Trên cơ sở những kiến thức sinh viên thu nhận được từ học phần Nói I, học phần Nói II tiếp tục cung cấp cho sinh viên những kiến thức ngữ âm học của tiếng Hàn để sinh viên hiểu và phát âm chính xác các từ tiếng Hàn. Đồng thời, với kiến thức nền ngữ âm học này, sinh viên sẽ phản ứng nhanh trước những hiện tượng biến âm khi kết hợp các tiếng với nhau.
- Nội dung bài dạy của học phần Nói II sẽ đi sâu vào các chủ đề như giới thiệu cụ thể về bản thân, gia đình; ẩm thực Hàn Quốc; chợ búa, văn hoá mời, phương tiện vận chuyển, các cơ quan cộng đồng, việc nhà... Trong những bài học này, sinh viên sẽ được tiếp xúc sâu hơn, cụ thể hơn, thực tế hơn về những sự vật, sự việc xảy ra trong đời sống hàng ngày ở Hàn Quốc. Từ đây, vốn từ vựng sinh viên thu nhận được qua các bài học sẽ mang tính thực tế hơn để sinh viên dễ áp dụng vào môi trường thực tại.
- Với khoảng 100 cấu trúc ngữ pháp và mẫu câu mới sẽ được giảng dạy trong học phần này, sinh viên có thể tạo được những câu văn nói với mức độ tự nhiên hơn, câu văn nói sẽ dài hơn, dùng từ ngữ chuẩn xác hơn và đúng ngữ điệu.

5 Nội dung chi tiết của học phần (tên các chương, mục, tiểu mục)

1. Giới thiệu

- 5.1 Nếu có việc cần thì cứ nói với tôi bất cứ lúc nào.
- 5.2 Anh làm việc ở công ty này được bao lâu rồi?
- 5.3 Bây giờ tôi đã thích ứng nhiều với cuộc sống ở Hàn Quốc rồi.
- 5.4 Được gặp gia đình và bạn bè vậy chắc anh đã vui lắm.
- 5.5 Tổng kết nội dung.

2. Âm thực Hàn Quốc

- 2.1 Bạn từng ăn món canh seolleongtang bao giờ chưa?
- 2.2 Bạn có bao giờ ăn món gà xào dakgalbi chưa?
- 2.3 Món canh kimchi chế biến như thế nào vậy?
- 2.4 Không được bụng chén cơm lên ăn.
- 2.5 Tổng kết nội dung.

3. Chợ búa

- 3.1. Hàng hoá tốt thì tốt thật nhưng giá thành lại đắt quá.
- 3.2. Tôi mặc thử cái này có được không ạ?
- 3.3. Tôi sẽ thanh toán bằng card.
- 3.4. Xem quảng cáo thì thấy loại 100.000Won có vẻ tốt đấy.
- 3.5. Tổng kết nội dung.

4. Văn hoá mời

- 4.1. Tôi định chỉ mời một vài người đến cùng dùng cơm tối thôi.
- 4.2. Anh quyết định mời chung hay mời riêng đi.
- 4.3. Chắc bạn sẽ bận bịu nhiều vì lo chuẩn bị cho đám cưới nhỉ!
- 4.4. Hoa thì tôi sẽ mua và đem tới.
- 4.5. Tổng kết nội dung.

5. Giao thông

- 5.1. Bạn có biết làm thế nào để đến công viên giải trí không?
- 5.2. Muốn đến cung điện Gyeongbuk thì phải đi xe buýt số mấy?
- 5.3. Bạn phải đi ra ngoài rồi sau đó mới vào lại.
- 5.4. Thấy có vẻ gần mà phải đi xe buýt sao ạ?
- 5.5. Tổng kết nội dung.

6. Công trình công cộng

- 6.1 Tôi đến đây vì muốn tìm hiểu về tôn giáo ở Hàn Quốc.
- 6.2 Có vẻ đã giảm xuống so với tuần trước.
- 6.3 Không mất tiền nhưng tôi sẽ đăng ký phí bảo hiểm.
- 6.4 Không nộp giấy chứng nhận học lại thì không được.
- 6.5 Tổng kết nội dung.

7. Điện thoại

- 7.1 Bạn ấy rủ đi xem kịch đấy, bạn có đi cùng không?
- 7.2 Chắc phải điện thoại để hỏi xem thử là ở đâu mới được.
- 7.3 Tôi không thể giữ đúng lời hứa mất rồi.

- 7.4 Xin bác nhấn lại giúp khi nào bạn ấy về thì điện thoại ngay cho cháu ạ.
7.5 Tổng kết nội dung.

8. Bệnh viện

- a. Nếu không đỡ thì trở lại nhé.
b. Cổ họng thì đau, nước mũi cũng chảy nữa.
c. Để mua thuốc cần phải có đơn thuốc bác sĩ.
d. Bạn không biết là bệnh nhân đông như thế nào đâu.
e. Tổng kết nội dung.

9. Du lịch

- 9.1 Nhớ nhất là biển Donghae mà tôi đã đi vào mùa hè vừa rồi.
9.2 Gyeongju vốn là thủ đô của nước Shilla đúng không?
9.3 Không có khách sạn nào có view đẹp bằng khách sạn chúng tôi đâu ạ.
9.4 Tôi đi vào mùa đông nhưng thấy ở đó ấm hơn Hàn Quốc.
9.5 Tổng kết nội dung.

10. Việc trong nhà

- 10.1 Tiền đặt cọc càng ít càng tốt ạ.
10.2 Cứ tưởng sử dụng dịch vụ chuyển nhà bao gồm đóng gói thì không phải làm gì chứ!
10.3 Hay chúng ta vừa nghe nhạc vừa dọn dẹp nhé?
10.4 Cho đến thứ ba sẽ giải quyết xong nên lúc đó bạn hãy trở lại ạ.
10.5 Tổng kết nội dung.

6. Phương pháp giảng dạy

- Phương pháp thuyết trình;
- Phương pháp “Hỏi-Đáp”;
- Phương pháp “Làm việc nhóm”.

7. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Tham dự tối thiểu 80% số tiết học trên lớp.
- Thực hiện đầy đủ các bài tập nhóm/ bài tập và được đánh giá kết quả thực hiện.
- Tham dự kiểm tra giữa học kỳ.
- Tham dự thi kết thúc học phần.
- Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.

8. Tài liệu phục vụ cho học phần

8.1. Tài liệu bắt buộc

1. Giáo trình *Hangugo 2*, Đại học Yonsei, Hàn Quốc, 2009

8.2. Tài liệu tham khảo

1. *Giáo trình Hangugo 2*, NXB Đại học Quốc gia Seoul, Hàn Quốc, 1999
2. *Giáo trình Hangugo 2*, NXB Đại học Sogang, Hàn Quốc
3. *Giáo trình Sơ cấp 2*, NXB Đại học Kyung Hee, 2002
4. Giáo trình tiếng Hàn tổng hợp dành cho người Việt Nam (Tập 2 – Sơ cấp), NXB Quỹ giao lưu quốc tế Hàn Quốc, 2009

9. Phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập

TT	Điểm thành phần	Hình thức đánh giá	Trọng số	CĐR
1	Chuyên cần	Điểm danh và bài tập	20%	
2	Giữa kỳ	Bài kiểm tra giữa kỳ	30%	CĐR tất cả các mục
3	Kết thúc học phần	Thi tự luận, thi trắc nghiệm, thi vấn đáp, bài tập lớn	50%	CĐR tất cả các mục

Giảng viên
(Ký tên)



ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
Trường Đại học Ngoại ngữ
Khoa: Nhật – Hàn – Thái
Bộ môn: Tiếng Hàn

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Tên học phần: **Nói 3**
Chương trình đào tạo: Chính quy
Người biên soạn: Nguyễn Ngọc Tuyền
Ngày ban hành: 2017

1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: Nói 3
- Mã học phần: 4170603
- Số tín chỉ: 03
- Loại học phần: Bắt buộc
- Học phần tiên quyết: Nói II
- Số giờ tín chỉ: 45, trong đó:
 - Lí thuyết : 45 tiết
 - Thực hành : 0 tiết

2. Thông tin về giảng viên: (cập nhật theo học kỳ)

Giảng viên:

- Họ và tên: Nguyễn Ngọc Tuyền
- Chức danh, học vị: Thạc sĩ
- Thời gian làm việc: Thứ Hai, thứ Sáu (08:00 ~ 11:00)
- Địa điểm làm việc: Khoa Nhật – Hàn – Thái
- Điện thoại: 0906 588 475
- Email: tchya1984@gmail.com

3. Chuẩn đầu ra:

3.1 Chuẩn đầu ra 1 (Kiến thức)

- Nâng cao được vốn kiến thức về ngữ âm, vốn từ vựng tiếng Hàn, năng lực diễn đạt khẩu ngữ, phản xạ nhanh trong thực hành giao tiếp tiếng Hàn.
- Hiểu và sử dụng được 80 cấu trúc ngữ pháp mới, và 700 từ mới thông dụng tiếng Hàn, những cách nói riêng, đặc trưng trong khẩu ngữ tùy thuộc từng hoàn cảnh giao tiếp cụ thể liên quan đến các chủ đề như sở thích, sinh hoạt ngày thường, sức khỏe, văn hoá hội họp, văn hoá xin lỗi, nhờ vả và từ chối...

- Tích lũy thêm kiến thức về những hoạt động trong đời sống văn hoá tinh thần, đời sống văn hoá vật chất của người Hàn Quốc. Từ đó, sinh viên hiểu thêm được những yếu tố văn hoá tác động vào trong ngôn ngữ tiếng Hàn.

3.2 Chuẩn đầu ra 2 (Kỹ năng)

- Sinh viên có thể sử dụng các từ mới, điểm ngữ pháp mới để thực hiện các bài nói trình bày suy nghĩ của mình về các chủ đề trong học phần, hoặc thực hiện các bài hội thoại ngắn khoảng 20 câu với phát âm chuẩn và biểu lộ được sắc thái biểu cảm khi Nói.
- Sinh viên có khả năng tạo ra nhiều cách biểu đạt khác nhau trong cùng một nội dung nói, giao tiếp.
- Có thể phản xạ nhanh và vận dụng được văn hóa Hàn trong giao tiếp.
- Có khả năng phân biệt được những khác biệt giữa văn nói và văn viết.
- Sinh viên có thể cảm nhận được sắc thái biểu cảm của các hình thức thán từ.
- Thông qua học phần này sinh viên được hỗ trợ, nâng cao các kỹ năng thực hành tiếng khác như Đọc III, Viết III, và Nghe III.

3.3 Chuẩn đầu ra số 3 (Năng lực tự chủ và trách nhiệm) :

- Có năng lực lập kế hoạch làm việc hiệu quả
- Có khả năng thích nghi với môi trường làm việc năng động và áp lực cao.
- Trung thực, liêm chính, có tinh thần trách nhiệm cao trong mọi công việc được giao
- Có thái độ hành xử chuẩn mực, bảo đảm tính minh bạch và chịu trách nhiệm với thông tin được chuyển tải trong công tác biên phiên dịch.
- Luôn có ý thức học hỏi, trau dồi bồi dưỡng kiến thức chuyên môn, có tinh thần sáng tạo, luôn nỗ lực phấn đấu vươn lên để thành đạt trong sự nghiệp và cuộc sống.

4. Tóm tắt nội dung học phần (khoảng 150 từ)

- Nội dung bài dạy của học phần Nói III sẽ đi sâu vào các chủ đề như: sinh hoạt theo sở thích cá nhân, cuộc sống thường ngày, sức khỏe, phát biểu cảm tưởng, đời sống văn hoá tinh thần của người Hàn Quốc.... Cũng như nội dung dạy trong học phần Nói II, sinh viên sẽ được tiếp xúc với các từ ngữ tiếng Hàn, các cách nói thực tế, thường dùng trong đời sống hằng ngày ở Hàn Quốc.
- Sinh viên sẽ được cung cấp thêm nhiều điểm ngữ pháp mới được sử dụng nhiều trong việc tạo câu văn nói để có thể nói được tự nhiên hơn, câu nói được dài và lưu loát hơn.

5. Nội dung chi tiết của học phần (tên các chương, mục, tiểu mục)

1. Sinh hoạt theo sở thích

1.1 Sở thích của bạn là gì?

1.2 Thỉnh thoảng tôi cũng vẽ tranh phong cảnh.

- 1.3 Bạn sẽ tham gia vào câu lạc bộ nào?
- 1.4 Nghe nói người ta đi leo núi là nhiều nhất.
- 1.5 Tổng kết nội dung.
2. Cuộc sống hàng ngày
 - 2.1 Tôi là Riae mới chuyển đến ở nhà phía trước.
 - 2.2 Hãy cắt ngắn tóc cho tôi.
 - 2.3 Tôi xem qua quảng cáo và đến đây.
 - 2.4 Điện thoại không gọi được.
 - 2.5 Tổng kết nội dung.
3. Sức khỏe
 - 3.1 Phải khỏe mạnh thì việc gì cũng có thể làm được.
 - 3.2 Nếu muốn duy trì sức khỏe thì phải nỗ lực chứ.
 - 3.3 Kimchi hay tương đậu nành duenjang đều là những thực phẩm bổ dưỡng tiêu biểu.
 - 3.4 Người ta nói rằng việc ăn không quá nhiều cũng rất quan trọng.
 - 3.5 Tổng kết nội dung.
4. Buổi biểu diễn và cảm nhận
 - 4.1 Thay vì mua vé thì bạn hãy trả tiền bữa tối nhé.
 - 4.2 Vì có bạn rủ coi ‘Chuyện nàng Chun Hyang’ nên tôi định đặt vé.
 - 4.3 Cảnh cuối cùng quả rất ấn tượng.
 - 4.4 Thật sự rất đáng để coi đấy.
 - 4.5 Tổng kết nội dung.
5. Con người
 - 5.1 Bạn ấy đã xuất hiện trên chương trình thời sự hôm qua đấy.
 - 5.2 Bạn quả đã gặp một bà chủ nhà trọ tốt.
 - 5.3 Đóng góp một số tiền lớn thật không phải là việc dễ dàng.
 - 5.4 Tôi muốn trở thành một người giống như thầy giáo vậy.
 - 5.5 Tổng kết nội dung.
6. Văn hóa hội họp
 - 6.1 Cháu sẽ đến chào bà trước đã ạ.
 - 6.2 Bạn ấy nhờ mình gửi lời hỏi thăm đến bạn.

6.3 Sẽ tổ chức buổi chào mừng tân sinh viên, bạn có thể đến dự không?

6.4 Đơn giản uống trà hay gì đấy thôi.

6.5 Tổng kết nội dung.

7. Lỗi lầm và xin lỗi

7.1 Thay vì nộp bài tập, tôi đã nộp nhầm tờ nhật ký.

7.2 Các bạn cùng nhà trọ cũng giống như người trong gia đình thôi mà.

7.3 Tôi lại thấy có lỗi hơn.

7.4 Người ta cũng biểu hiện sự biết lỗi bằng những cách khác.

7.5 Tổng kết nội dung.

8. Cuộc sống ở trường

8.1 Hãy cùng thảo luận nào.

8.2 Chúng ta cùng trao đổi ngôn ngữ nhé?

8.3 Không biết chừng lại tâm sự với bạn thân cũng nên.

8.4 Tôi muốn nhập học vào trường đại học ở Hàn Quốc.

8.5 Tổng kết nội dung.

9. Nhờ vả và từ chối

9.1 Xin lỗi nhưng tôi có thể nhờ bạn mua ít đồ uống được không?

9.2 Bạn có thể chụp hình giúp tôi được không?

9.3 Phải làm sao đây? Có vẻ hơi khó thật.

9.4 Hình như hơi phiền phức đấy.

9.5 Tổng kết nội dung.

10. Ngày hôm qua và ngày hôm nay

10.1 Tôi đã thường hay đi xem phim.

10.2 10 năm trước thì như thế nào nhỉ?

10.3 Nếu trước đây không đến Hàn Quốc thì giờ sẽ ra sao nhỉ?

10.4 Việc nhà thì đương nhiên rồi, nhưng nghe nói robot còn chăm sóc cả em bé nữa.

10.5 Tổng kết nội dung.

6. **Phương pháp giảng dạy**

- Phương pháp thuyết trình;
- Phương pháp “Hỏi-Đáp”;
- Phương pháp “Làm việc nhóm”.

7. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Tham dự tối thiểu 80% số tiết học trên lớp.
- Thực hiện đầy đủ các bài tập nhóm/ bài tập và được đánh giá kết quả thực hiện.
- Tham dự kiểm tra giữa học kỳ.
- Tham dự thi kết thúc học phần.
- Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.

8. Tài liệu phục vụ cho học phần

8.1. Tài liệu bắt buộc

Giáo trình *Hangugo 3*, Đại học Yonsei, Hàn Quốc, 2009

8.2. Tài liệu tham khảo

1. *Giáo trình Hangugo 3*, NXB Đại học Quốc gia Seoul, Hàn Quốc, 1999
2. *Giáo trình Hangugo 3*, NXB Đại học Sogang, Hàn Quốc
3. *Giáo trình Trung cấp 3*, NXB Đại học Kyung Hee, 2002
4. Giáo trình tiếng Hàn tổng hợp dành cho người Việt Nam (Tập 3 – Trung cấp), NXB Quỹ giao lưu quốc tế Hàn Quốc, 2009

9. Phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập

TT	Điểm thành phần	Hình thức đánh giá	Trọng số	CĐR
1	Chuyên cần	Điểm danh và bài tập	20%	
2	Giữa kỳ	Bài kiểm tra giữa kỳ	30%	CĐR tất cả các mục
3	Kết thúc học phần	Thi tự luận, thi trắc nghiệm, thi vấn đáp, bài tập lớn	50%	CĐR tất cả các mục

Giảng viên
(Ký tên)



ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
Trường Đại học Ngoại ngữ
Khoa: Nhật – Hàn – Thái
Bộ môn: Tiếng Hàn

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Tên học phần: **Nói 4**
Chương trình đào tạo: Chính quy
Người biên soạn: Nguyễn Ngọc Tuyền
Ngày ban hành: 2017

1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: Nói 4
- Mã học phần: 4170653
- Số tín chỉ: 3 TC
- Loại học phần: Bắt buộc
- Học phần tiên quyết: Nói III
- Số giờ tín chỉ: 45, trong đó:
 - Lí thuyết : 45 tiết
 - Thực hành : 0 tiết

2. Thông tin về giảng viên: (cập nhật theo học kỳ)

Giảng viên:

- Họ và tên: Nguyễn Ngọc Tuyền
- Chức danh, học vị: Thạc sĩ
- Thời gian làm việc: Thứ 2, thứ 6 (8:00-11:00)
- Địa điểm làm việc: Khoa Nhật – Hàn – Thái
- Điện thoại: 0906 588 475
- Email: tchya1984@gmail.com

3. Chuẩn đầu ra:

3.1 Chuẩn đầu ra 1 (Kiến thức)

- Hiểu và nắm được kiến thức lý luận và phương pháp cơ bản trong khẩu ngữ.
- Hiểu và vận dụng được 80 cấu trúc ngữ pháp mới, và khoảng 600 từ mới thông dụng, những cách nói riêng, đặc trưng trong khẩu ngữ tiếng Hàn tùy thuộc vào từng hoàn cảnh giao tiếp cụ thể liên quan đến các chủ đề như đời sống cá nhân, tính cách, vấn đề thường ngày, tri thức và xã hội...

- Hiểu biết thêm về những hoạt động trong đời sống văn hoá tinh thần, đời sống văn hoá vật chất của người Hàn Quốc. Từ đó, sinh viên hiểu thêm những yếu tố văn hoá tác động vào trong ngôn ngữ tiếng Hàn.
- Hình thành bản lĩnh tự tin, quyết đoán cho sinh viên khi giao tiếp, thuyết trình
-

3.2 Chuẩn đầu ra 2 (Kỹ năng)

- Sử dụng được các từ mới, các cấu trúc ngữ pháp mới để thực hiện các bài hội thoại dài khoảng 30 câu hoặc các bài nói trình bày suy nghĩ của mình về các chủ đề trong học phần với phát âm chuẩn xác, tạo được sắc thái biểu cảm tự nhiên trong khi Nói.
- Tăng cường khả năng diễn đạt và trình bày các vấn đề liên quan đến ngôn ngữ, văn hóa xã hội, kinh tế, đời sống tinh thần, ... một cách logic và biện chứng.
- Vận dụng được các kiến thức về từ vựng và ngữ pháp được học qua học phần này để hỗ trợ, nâng cao các kỹ năng thực hành tiếng khác như Đọc IV, Viết IV, và Nghe IV.

3.3 Chuẩn đầu ra số 3 (Năng lực tự chủ và trách nhiệm) :

- Có năng lực lập kế hoạch làm việc hiệu quả
- Có khả năng thích nghi với môi trường làm việc năng động và áp lực cao.
- Trung thực, liêm chính, có tinh thần trách nhiệm cao trong mọi công việc được giao
- Có thái độ hành xử chuẩn mực, bảo đảm tính minh bạch và chịu trách nhiệm với thông tin được chuyển tải trong công tác biên phiên dịch.
- Luôn có ý thức học hỏi, trau dồi bồi dưỡng kiến thức chuyên môn, có tinh thần sáng tạo, luôn nỗ lực phấn đấu vươn lên để thành đạt trong sự nghiệp và cuộc sống.

4. Tóm tắt nội dung học phần (khoảng 150 từ)

- Nội dung bài dạy của học phần Nói IV sẽ đi sâu vào các chủ đề như: đời sống cá nhân, tính cách con người, văn hoá hiện đại Hàn Quốc, thời gian và sự biến đổi, tri thức và xa hội, mê tín, đời sống kinh tế, lễ lạc và lễ tết...
- Ngoài ra, ở học phần Nói IV, sinh viên không chỉ được thực hiện những bài nói riêng về các chủ đề trong nội dung giảng dạy mà còn được khuyến khích thực hiện các bài phát biểu ở các nội dung mở do sinh viên tự chọn và nghiên cứu.
- Sinh viên sẽ được cung cấp thêm nhiều cấu trúc ngữ pháp và mẫu câu mới được sử dụng nhiều trong việc tạo câu văn nói để có thể nói được tự nhiên hơn, câu nói được dài và lưu loát hơn.

5. Nội dung chi tiết của học phần (tên các chương, mục, tiểu mục)

1. Cuộc sống của tôi

- 1.1. Sống một thời gian rồi cũng thích ứng dần.
- 1.2. Đó là người không khác gì cha mẹ tôi.

- 1.3. Hãy lập kế hoạch để không lãng phí thời gian.
 - 1.4. Sống phải biết giúp đỡ người khác.
 - 1.5. Tổng kết nội dung.
2. Tính cách của con người
- 2.6. Không biết là do nhút nhát hay sao mà ít nói quá.
 - 2.7. Chỉ có trí tưởng tượng phong phú thôi thì làm được gì?
 - 2.8. Nếu đã bắt tay vào làm việc thì sẽ làm tới cùng.
 - 2.9. Không chịu nghe theo.
 - 2.10. Tổng kết nội dung.
3. Vấn đề trong cuộc sống hàng ngày
- 3.1. Tôi muốn hoàn hảo.
 - 3.2. Ôn ào như thế thì làm sao mà nghỉ ngơi được.
 - 3.3. Ít ra cũng phải có thể ngủ được chứ.
 - 3.4. Phải trả lại một nửa tiền thuê nhà chứ.
 - 3.5. Tổng kết nội dung.
4. Văn hóa hiện đại Hàn Quốc
- 4.6. Đi karaoke để giải tỏa căng thẳng chứ?
 - 4.7. Giờ đây tôi cũng đã quen với những món ăn nóng rồi.
 - 4.8. Thật khó để hiểu câu đó nghĩa là gì.
 - 4.9. Dù sẽ bận nhưng vẫn tham gia vào câu lạc bộ của những người cùng sở thích à?
 - 4.10. Tổng kết nội dung.
5. Thời gian và sự thay đổi
- 5.1. Kỹ thuật mỗi ngày một phát triển.
 - 5.2. Bây giờ nếu vợ chồng không cùng đi làm thì cuộc sống sẽ khó khăn nhiều.
 - 5.6. Nghe nói vì camera giám sát mà nhiều người bị căng thẳng đấy.
 - 5.7. Thường nếu ở lâu một chỗ thì không thể nhận ra sự thay đổi.
 - 5.8. Tổng kết nội dung.
6. Tri thức và xã hội
- 6.6. Có thể phạm phải sai lầm bởi thông tin sai lệch.
 - 6.7. Không phân biệt phim truyền hình hay là tin tức, tôi xem đủ cả.
 - 6.8. Cảm giác như đang mặt đối mặt chuyện trò với nhau vậy.
 - 6.9. Nếu đọc báo thì kiến thức chung sẽ trở nên phong phú hơn.
 - 6.10. Tổng kết nội dung.
7. Sự mê tín
- 7.1. Hề tôi xem trận bóng đá nào thì trận đó mình lại thua.
 - 7.2. Không được viết tên bằng bút màu đỏ à?
 - 7.3. Thử vào cafe tử vi một lần không?
 - 7.4. Hôm nay tôi đã mơ một giấc mơ tốt.
 - 7.5. Tổng kết nội dung.

8. Sinh hoạt kinh tế

- 6.6. Chúc mừng cô đã giành được giải thưởng tiết kiệm.
- 6.7. Gửi tiết kiệm vào ngân hàng là tốt nhất.
- 6.8. Tôi đã rất bối rối vì không thanh toán bằng thẻ tín dụng được.
- 6.9. Nếu xem quảng cáo thì chắc chắn là muốn mua sản phẩm rồi.
- 6.10. Tổng kết nội dung.

9. Ngày lễ và lễ hội

- 9.6. Là lời cầu chúc nhận được nhiều phúc lành đầy mà.
- 9.7. Đường cao tốc tập nập xe cộ trong dịp Tết Trung thu.
- 9.8. Tôi vừa đi dự lễ hội Tết Doan Ngo tổ chức ở Kangneung về.
- 9.9. Hàn Quốc xem ra có nhiều ngày lễ trong tháng 5.
- 9.10. Tổng kết nội dung.

10. Những người sống qua thời hiện đại

- 10.6. Tôi trở nên có thói quen nhìn đồng hồ liên tục.
- 10.7. Chủ nghĩa vật chất vạn năng đâu phải là việc của ngày hôm qua hay hôm nay đâu.
- 10.8. Có lưu tâm đến thì ta có thể sống khoẻ mạnh.
- 10.9. Giao tiếp bị gián đoạn thì sẽ có vấn đề xảy ra.
- 10.10. Tổng kết nội dung.

6. Phương pháp giảng dạy

- Phương pháp thuyết trình;
- Phương pháp “Hỏi-Đáp”;
- Phương pháp “Làm việc nhóm

7. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Tham dự tối thiểu 80% số tiết học trên lớp.
- Thực hiện đầy đủ các bài tập nhóm/ bài tập và được đánh giá kết quả thực hiện.
- Tham dự kiểm tra giữa học kỳ.
- Tham dự thi kết thúc học phần.
- Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.

8. Tài liệu phục vụ cho học phần

8.1. Tài liệu bắt buộc

Giáo trình *Hangugo 4*, Đại học Yonsei, Hàn Quốc, 2009

8.2. Tài liệu tham khảo

1. *Giáo trình Hangugo 4*, NXB Đại học Quốc gia Seoul, Hàn Quốc, 1999
2. *Giáo trình Hangugo 4*, NXB Đại học Sogang, Hàn Quốc
3. *Giáo trình Trung cấp 4*, NXB Đại học Kyung Hee, 2002
4. Giáo trình tiếng Hàn tổng hợp dành cho người Việt Nam (Tập 4 – Trung cấp), NXB Quỹ giao lưu quốc tế Hàn Quốc, 2009

9. Phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập

TT	Điểm thành phần	Hình thức đánh giá	Trọng số	CDR
1	Chuyên cần	Điểm danh và bài tập	20%	
2	Giữa kỳ	Bài kiểm tra giữa kỳ	30%	CDR tất cả các mục
3	Kết thúc học phần	Thi tự luận, thi trắc nghiệm, thi vấn đáp, bài tập lớn	50%	CDR tất cả các mục

Giảng viên
(Ký tên)



ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
Trường Đại học Ngoại ngữ
Khoa: Nhật – Hàn – Thái
Bộ môn: Tiếng Hàn

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Tên học phần: **Nói 5**
Chương trình đào tạo: Chính quy
Người biên soạn: Nguyễn Ngọc Tuyên
Ngày ban hành: 2017

1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: Nói 5
- Mã học phần: 4170693
- Số tín chỉ: 3 TC
- Loại học phần: Bắt buộc
- Học phần tiên quyết: Nói 4
- Số giờ tín chỉ: 45, trong đó:
 - Lí thuyết : 45 tiết
 - Thực hành : 0 tiết

2. Thông tin về giảng viên: (cập nhật theo học kỳ)

Giảng viên:

- Họ và tên: Nguyễn Ngọc Tuyên
- Chức danh, học vị: Thạc sĩ
- Thời gian làm việc: Thứ 2, thứ 6 (8:00 – 11:00)
- Địa điểm làm việc: Khoa Nhật – Hàn – Thái
- Điện thoại: 0906 588 475
- Email: tchya1984@gmail.com

3. Chuẩn đầu ra

3.1 Chuẩn đầu ra 1 (Kiến thức)

- Hiểu và vận dụng được kiến thức lý luận và phương pháp cơ bản trong khẩu ngữ để phát âm chính xác.

- Hiểu và vận dụng được 50 cấu trúc ngữ pháp mới, và khoảng 600 từ mới thông dụng, những cách nói riêng, đặc trưng trong khẩu ngữ tiếng Hàn tùy thuộc vào từng hoàn cảnh giao tiếp cụ thể liên quan đến các chủ đề như đời sống cá nhân, cộng đồng, các vấn đề kinh tế gắn gũi với sinh hoạt thường ngày, ngôn ngữ trong sinh hoạt, nghề nghiệp, công sở, văn hóa giải trí, khoa học kỹ thuật, kinh tế, văn hóa đại chúng, nghệ thuật, giá trị truyền thống, môi trường, cộng đồng...

-

3.2 Chuẩn đầu ra 2 (Kỹ năng)

- Sử dụng được đa dạng các cấu trúc thể hiện sắc thái biểu cảm tự nhiên trong khi nói tiếng Hàn.
- Hiểu và vận dụng được các từ mới, các cấu trúc ngữ pháp mới để thực hiện bài phát biểu bằng tiếng Hàn trong vòng 05 phút để trình bày những suy nghĩ của bản thân mình về các chủ đề nằm trong học phần với phát âm chuẩn xác, tạo được sắc thái biểu cảm tự nhiên trong khi Nói.
- Diễn đạt và trình bày được các vấn đề kinh tế, ngôn ngữ trong sinh hoạt, nghề nghiệp, công sở, văn hóa giải trí, khoa học kỹ thuật, văn hóa đại chúng, nghệ thuật, giá trị truyền thống, môi trường, cộng đồng... một cách logic và biện chứng.
- Vận dụng các kiến thức đã học về ngữ pháp và từ vựng thông qua học phần này để hỗ trợ, nâng cao các kỹ năng thực hành tiếng khác như Đọc V, Viết V, và Nghe V.

3.3 Chuẩn đầu ra số 3 (Năng lực tự chủ và trách nhiệm) :

- Có năng lực lập kế hoạch làm việc hiệu quả
- Có khả năng thích nghi với môi trường làm việc năng động và áp lực cao.
- Trung thực, liêm chính, có tinh thần trách nhiệm cao trong mọi công việc được giao
- Có thái độ hành xử chuẩn mực, bảo đảm tính minh bạch và chịu trách nhiệm với thông tin được chuyển tải trong công tác biên phiên dịch.
- Luôn có ý thức học hỏi, trau dồi bồi dưỡng kiến thức chuyên môn, có tinh thần sáng tạo, luôn nỗ lực phấn đấu vươn lên để thành đạt trong sự nghiệp và cuộc sống.

4. Tóm tắt nội dung học phần (khoảng 150 từ)

- Nội dung bài dạy của học phần Nói V sẽ đi sâu vào các chủ đề như: ngôn ngữ trong sinh hoạt, nghề nghiệp, công sở, văn hóa giải trí, khoa học kỹ thuật, kinh tế, văn hóa đại chúng, nghệ thuật, giá trị truyền thống, môi trường, cộng đồng...
- Ngoài ra, ở học phần Nói V, sinh viên không chỉ được thực hiện những bài nói riêng về các chủ đề trong nội dung giảng dạy mà còn được khuyến khích thực hiện các bài phát biểu ở các nội dung mở do sinh viên tự chọn và nghiên cứu.
- Sinh viên sẽ được cung cấp thêm nhiều cấu trúc ngữ pháp mới và mẫu câu mới được sử dụng nhiều trong việc tạo câu văn nói để có thể nói được tự nhiên hơn, câu nói được dài và lưu loát hơn.

5. Nội dung chi tiết của học phần (tên các chương, mục, tiểu mục)

1. Ngôn ngữ và sinh hoạt
 - 1.1 Việc học tiếng Hàn
 - 1.2 Tiếng Hàn không khó mà rất dễ
 - 1.3 Tổng kết nội dung.
2. Nghề nghiệp và công sở
 - 2.1 Quan điểm về nghề nghiệp
 - 2.2 Ở công sở
 - 2.3 Tổng kết nội dung.
3. Sinh hoạt hàng ngày và văn hóa giải trí
 - 3.1 Sinh hoạt hàng ngày của người Hàn Quốc hiện đại
 - 3.2 Văn hóa giải trí của người hiện đại
 - 3.3 Tổng kết nội dung.
4. Khoa học và kỹ thuật
 - 4.1 Internet và nhân loại
 - 4.2 Khoa học và tương lai
 - 4.3 Tổng kết nội dung.
5. Sinh hoạt và kinh tế
 - 5.1 Chỉ tiêu hàng ngày
 - 5.2 Hoạt động kinh tế cá nhân
 - 5.3 Tổng kết nội dung.
6. Văn hóa đại chúng và nghệ thuật
 - 6.1 Văn hóa đại chúng của Hàn Quốc
 - 6.2 Nghệ thuật truyền thống của Hàn Quốc
 - 6.3 Tổng kết nội dung.
7. Truyền thống và sự thay đổi
 - 7.1 Sự thay đổi của gia đình
 - 7.2 Nghi lễ của Hàn Quốc
 - 7.3 Tổng kết nội dung.
8. Cuộc sống và việc học tập

8.1 Quan điểm giáo dục của người Hàn Quốc

8.2 Học tập suốt đời

8.3 Tổng kết nội dung.

9. Tự nhiên và môi trường

9.1 Nhân loại và tự nhiên

9.2 Bảo vệ môi trường

9.3 Tổng kết nội dung.

10. Cá nhân và cộng đồng

10.1 Tôi và những người hàng xóm

10.2 Tôi trong thế giới

10.3 Tổng kết nội dung.

6. Phương pháp giảng dạy

- Phương pháp thuyết trình;
- Phương pháp “Hỏi-Đáp”;
- Phương pháp “Làm việc nhóm”.

7. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Tham dự tối thiểu 80% số tiết học trên lớp.
- Thực hiện đầy đủ các bài tập nhóm/ bài tập và được đánh giá kết quả thực hiện.
- Tham dự kiểm tra giữa học kỳ.
- Tham dự thi kết thúc học phần.
- Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.

8. Tài liệu phục vụ cho học phần

8.1. Tài liệu bắt buộc

Giáo trình Hanguo 5, Đại học Yonsei, Hàn Quốc, 2009

8.2. Tài liệu tham khảo

- *Giáo trình Hanguo 5*, NXB Đại học Quốc gia Seoul, Hàn Quốc, 1999

- *Giáo trình Hanguo 5*, NXB Đại học Sogang, Hàn Quốc

- *Giáo trình Cao cấp 5*, NXB Đại học Kyung Hee, 2002

- Giáo trình tiếng Hàn tổng hợp dành cho người Việt Nam (Tập 5 – Cao cấp), NXB Quỹ giao lưu quốc tế Hàn Quốc, 2009

9. Phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập

TT	Điểm thành phần	Hình thức đánh giá	Trọng số	CDR
1	Chuyên cần	Điểm danh và bài tập	20%	
2	Giữa kỳ	Bài kiểm tra giữa kỳ	30%	CDR tất cả các mục
3	Kết thúc học phần	Thi tự luận, thi trắc nghiệm, thi vấn đáp, bài tập lớn	50%	CDR tất cả các mục

Giảng viên
(Ký tên)



ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
Trường Đại học Ngoại ngữ
Khoa: Nhật – Hàn – Thái
Bộ môn: Tiếng Hàn

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Tên học phần: **ĐỌC 1**
Chương trình đào tạo: Chính quy
Người biên soạn: Nguyễn Thị Phương Thu
Ngày ban hành: 2017

1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: Đọc 1
- Mã học phần: 4170523
- Số tín chỉ: 2 TC
- Loại học phần: Bắt buộc
- Học phần tiên quyết:
 - + Học phần này được giảng dạy cho sinh viên bắt đầu học tiếng Hàn.
 - + Sinh viên có một trình độ nhất định về ngôn ngữ học nói chung và tiếng Việt nói riêng.
- Số giờ tín chỉ: 30, trong đó:
 - Lý thuyết : 30 tiết
 - Thực hành : 0 tiết

2. Thông tin về giảng viên: (cập nhật theo từng học kỳ)

Giảng viên:

- Họ và tên: Nguyễn Thị Phương Thu
- Chức danh, học vị: Thạc sĩ
- Thời gian làm việc: Thứ 2, thứ 6 (8:00 - 11:00)
- Địa điểm làm việc: Khoa Nhật – Hàn – Thái, Trường Đại học Ngoại Ngữ - Đại học Đà Nẵng.
- Điện thoại: 0936-128-179
- Email: phuongthudn88@gmail.com

3. Chuẩn đầu ra

Chuẩn đầu ra 1 (Kiến thức):

- Biết nghĩa và hoàn cảnh sử dụng của 500 từ tiếng Hàn ở trình độ sơ cấp với các chủ đề quen thuộc trong cuộc sống như tự giới thiệu bản thân, gia đình, sở thích, thời tiết...

- Hiểu được hoàn cảnh sử dụng của 80 cấu trúc ngữ pháp tiếng Hàn thông qua việc đọc hiểu các đoạn hội thoại bằng tiếng Hàn.
- Hiểu văn hóa, xã hội Hàn Quốc thông qua nội dung của các đoạn hội thoại.
- Hình thành sự hứng thú, quan tâm đối với ngôn ngữ Hàn.

Chuẩn đầu ra 2 (Kĩ năng):

- Biết cách phát âm và ngữ điệu đúng của các từ, câu tiếng Hàn thông qua việc luyện tập đọc theo giáo viên.
- Đọc đúng, trôi chảy, đúng ngữ âm, ngữ điệu một đoạn văn hoặc bài đối thoại khoảng 50 từ, hiểu nội dung, trả lời đúng câu hỏi mà giảng viên yêu cầu.
- Vận dụng những kiến thức đã học để tìm hiểu thêm trong sách báo, internet, và áp dụng vào giao tiếp với người bản xứ.
- Nâng cao các kỹ năng thực hành tiếng khác như Nói I, Viết I, và Nghe I.

Chuẩn đầu ra số 3 (Năng lực tự chủ và trách nhiệm) :

- Có năng lực lập kế hoạch làm việc hiệu quả
- Có khả năng thích nghi với môi trường làm việc năng động và áp lực cao.
- Trung thực, liêm chính, có tinh thần trách nhiệm cao trong mọi công việc được giao
- Có thái độ hành xử chuẩn mực, bảo đảm tính minh bạch và chịu trách nhiệm với thông tin được chuyển tải trong công tác biên phiên dịch.
- Luôn có ý thức học hỏi, trau dồi bồi dưỡng kiến thức chuyên môn, có tinh thần sáng tạo, luôn nỗ lực phấn đấu vươn lên để thành đạt trong sự nghiệp và cuộc sống.

4. Tóm tắt nội dung học phần (khoảng 150 từ)

- Nội dung học phần này gồm có 10 bài với các chủ đề trọng tâm về đời sống sinh hoạt hàng ngày ở Hàn Quốc. Mỗi bài gồm có 5 đề mục nhỏ, mỗi đề mục nhỏ có từ 1 đến 2 bài đọc hiểu, đề mục thứ 5 là phần tổng kết nội dung. Học phần này hướng dẫn sinh viên phương pháp học môn Đọc 1, nội dung học phần nhằm giới thiệu cho sinh viên những kiến thức cơ bản về đất nước, vị trí địa lý và diện tích của Hàn Quốc, con người và văn hóa Hàn Quốc như: tên gọi của người Hàn Quốc, lễ nghĩa khi chào hỏi, ăn uống, cách xưng hô của người Hàn Quốc, hệ thống số đếm Hàn Quốc, phương tiện giao thông...

- Đọc trôi chảy và hiểu nội dung trong các bài đọc với chủ đề: chào hỏi, cuộc sống ở trường học, gia đình, bạn bè, ẩm thực, giao thông, thời tiết, ngày lễ, nghỉ hè...

5. Nội dung chi tiết của học phần (tên các chương, mục, tiểu mục)

1. Chào hỏi

- 1.1. Xin chào!
- 1.2. Bạn là người nước nào?
- 1.3. Tôi không phải là nhân viên công ty.
- 1.4. Rất vui được gặp bạn.
- 1.5. Tổng kết nội dung.

2. Trường học và nhà
 - 2.1. Cái này là sách giáo khoa phải không?
 - 2.2. Bạn cũng có cả bản đồ à?
 - 2.3. Ngân hàng nằm ở đâu?
 - 2.4. Nhà bạn ở đâu?
 - 2.5. Tổng kết nội dung.
3. Gia đình và bạn bè
 - 3.1. Xem ảnh gia đình.
 - 3.2. Bố mẹ bạn đang ở đâu?
 - 3.3. Không khí cũng tốt và cũng yên ắng nữa.
 - 3.4. Tôi học Kinh tế học ở trường đại học.
 - 3.5. Tổng kết nội dung.
4. Ẩm thực
 - 4.1. Đi đến nhà hàng.
 - 4.2. Bạn thích ăn món gì?
 - 4.3. Tôi thích ăn bulgogi.
 - 4.4. Cho tôi xin nước ở đây.
 - 4.5. Tổng kết nội dung.
5. Sinh hoạt một ngày
 - 5.1. Bây giờ là mấy giờ rồi?
 - 5.2. Hôm nay là ngày mấy tháng mấy?
 - 5.3. Tôi thức dậy lúc 7 giờ.
 - 5.4. Bạn đã làm gì cùng với bạn của mình?
 - 5.5. Tổng kết nội dung.
6. Mua sắm
 - 6.1. Chúng ta hãy cùng đi mua quà nào!
 - 6.2. Tốt thì tốt nhưng hơi đắt.
 - 6.3. Bao nhiêu vậy ạ?
 - 6.4. Bớt đi ạ!
 - 6.5. Tổng kết nội dung.
7. Giao thông
 - 7.1. Xin lỗi cho tôi hỏi thăm đường.
 - 7.2. Mất khoảng 40 phút đi bằng tàu điện ngầm.
 - 7.3. Đồng người nên anh cẩn thận.
 - 7.4. Cho tôi dừng trước quầy trái cây.

7.5. Tổng kết nội dung.

8. Điện thoại

- 5.6. Xin cho tôi biết số điện thoại.
- 5.7. Có Jeong Min Cheol ở đây không ạ?
- 5.8. Nếu trẻ tôi sẽ gọi điện.
- 5.9. Xin hãy chuyển máy cho Wei.
- 5.10. Tổng kết nội dung.

9. Thời tiết và các mùa

- 9.1. Tôi thích mùa đông vì tôi có thể trượt tuyết.
- 9.2. Trời hơi âm u mà...
- 9.3. Trời có lẽ sẽ ấm hơn hôm nay.
- 9.4. Người ta đang tập thể dục ở đằng ấy.
- 9.5. Tổng kết nội dung.

10. Ngày lễ và kỳ nghỉ

- 10.1. Tôi định đi núi Seorak.
- 10.2. Khi có thời gian tôi lại đi du lịch.
- 10.3. Tôi không thể đi đến rạp phim thường xuyên.
- 10.4. Tôi đi tản bộ và nghỉ ngơi ở nhà.
- 10.5. Tổng kết nội dung.

6. Phương pháp giảng dạy

- Phương pháp thuyết trình;
- Phương pháp “Hỏi-Đáp”;
- Phương pháp “Làm việc nhóm”;

7. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Tham dự tối thiểu 80% số tiết học trên lớp.
- Thực hiện đầy đủ các bài tập nhóm/ bài tập và được đánh giá kết quả thực hiện.
- Tham dự kiểm tra giữa học kỳ.
- Tham dự thi kết thúc học phần.
- Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.

8. Tài liệu phục vụ cho học phần

8.1. Tài liệu bắt buộc

1. *Giáo trình Hankuko 1*, NXB Đại học Yon Sei, Hàn Quốc, 2009

8.2. Tài liệu tham khảo

1. *Giáo trình Hankuko 1*, NXB Đại học Quốc gia Seoul-Hàn Quốc, 1999

2. *Giáo trình Hankuko 1*, NXB Đại học Sogang
3. *Giáo trình Sơ cấp 1*, NXB Đại học Kyung Hee, 2002

9. Phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập

TT	Điểm thành phần	Hình thức đánh giá	Trọng số	CĐR
1	Chuyên cần	Điểm danh và bài tập	20%	
2	Giữa kỳ	Bài kiểm tra giữa kỳ	30%	CĐR tất cả các mục
3	Kết thúc học phần	Thi tự luận, thi trắc nghiệm, thi vấn đáp, bài tập lớn	50%	CĐR tất cả các mục

Giảng viên
(Ký tên)



ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
Trường Đại học Ngoại ngữ
Khoa: Nhật – Hàn – Thái
Bộ môn: tiếng Hàn

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Tên học phần: **ĐỌC 2**
Chương trình đào tạo: Chính quy
Người biên soạn: Nguyễn Thị Phương Thu
Ngày ban hành: 2017

1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: Đọc 2
- Mã học phần: 4171643
- Số tín chỉ: 2 TC
- Loại học phần: Bắt buộc
- Học phần tiên quyết:
 - + Sinh viên đã học xong chương trình học phần Đọc 1
 - + Sinh viên được trang bị và nắm vững vốn kiến thức cơ bản về ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp
- Số giờ tín chỉ: 30, trong đó:
 - Lí thuyết : 30 tiết
 - Thực hành : 0 tiết

2. Thông tin về giảng viên: (cập nhật theo từng học kỳ)

Giảng viên:

- Họ và tên: Nguyễn Thị Phương Thu
- Chức danh, học vị: Thạc sĩ
- Thời gian làm việc: Thứ 2, thứ 6 (8:00 - 11:00)
- Địa điểm làm việc: Khoa Nhật – Hàn – Thái, Trường Đại học Ngoại Ngữ - Đại học Đà Nẵng.
- Điện thoại: 0936-128-179
- Email: phuongthudn88@gmail.com

3. Chuẩn đầu ra

Chuẩn đầu ra 1 (Kiến thức)

- Hiểu nghĩa và hoàn cảnh sử dụng của 800 từ tiếng hàn cùng 80 ngữ pháp ở mức độ sơ cấp xoay quanh các chủ đề bưu điện, điện thoại, báo chí, thư tín, thi cử, ngày nghỉ, nhật ký,

du lịch, dự báo thời tiết, ngày nghỉ, trung tâm nghệ thuật,...thông qua việc đọc hiểu nội dung của các đoạn văn bản tiếng Hàn.

- Tiếp cận các mẫu câu phức, câu ghép trong tiếng Hàn, phân tích và hiểu được nội dung câu trong các đoạn văn, đoạn hội thoại.
- Tiếp tục tập đọc, phát âm các câu tiếng Hàn, nắm được cách đọc, ngắt câu và ngữ điệu của những câu văn dài.
- Tạo sự hứng thú, quan tâm đến văn hóa, con người, xã hội Hàn Quốc thông qua nội dung của các đoạn văn.

Chuẩn đầu ra 2 (Kỹ năng)

- Đọc đúng, lưu loát, trôi chảy, đúng ngữ âm, ngữ điệu của một bài đọc có độ dài khoảng 300 từ trong đó lượng từ mới không quá 3%, hiểu nội dung, trả lời đúng câu hỏi mà giảng viên yêu cầu.
- Tự phân tích các cấu trúc câu ngắn, nhận biết cấu trúc đoạn văn, cấu trúc văn bản, văn phong, ngôn ngữ đặc trưng.
- Nâng cao các kỹ năng thực hành tiếng khác như Nói II, Nghe II, Viết II.
- Vận dụng những kiến thức đã học để tìm hiểu thêm trong sách báo, internet, và áp dụng vào giao tiếp với người bản xứ.
- Đạt trình độ Đọc hiểu tiếng Hàn sơ cấp 2/6 Kỳ thi Năng lực tiếng Hàn quốc tế TOPIK.

Chuẩn đầu ra số 3 (Năng lực tự chủ và trách nhiệm) :

- Có năng lực lập kế hoạch làm việc hiệu quả
- Có khả năng thích nghi với môi trường làm việc năng động và áp lực cao.
- Trung thực, liêm chính, có tinh thần trách nhiệm cao trong mọi công việc được giao
- Có thái độ hành xử chuẩn mực, bảo đảm tính minh bạch và chịu trách nhiệm với thông tin được chuyển tải trong công tác biên phiên dịch.
- Luôn có ý thức học hỏi, trau dồi bồi dưỡng kiến thức chuyên môn, có tinh thần sáng tạo, luôn nỗ lực phấn đấu vươn lên để thành đạt trong sự nghiệp và cuộc sống.

4. Tóm tắt nội dung học phần (khoảng 150 từ)

- Nội dung học phần này gồm có 10 bài với các chủ đề trọng tâm về đời sống sinh hoạt hàng ngày ở Hàn Quốc. Mỗi bài gồm có 5 đề mục nhỏ, mỗi đề mục nhỏ có từ 1 đến 2 bài đọc hiểu, đề mục thứ 5 là phần tổng kết nội dung. Học phần này hướng dẫn sinh viên phương pháp học môn Đọc 2, đọc trôi chảy và hiểu nội dung trong các bài đọc với chủ đề: giao tiếp, bệnh viện, giao thông, chợ, ẩm thực, phong tục lễ tết, đặt vé,...

5. Nội dung chi tiết của học phần (tên các chương, mục, tiểu mục)

1. Giới thiệu

- 1.1. Nếu có việc cần thì cứ nói với tôi bất cứ lúc nào.
- 1.2. Anh làm việc ở công ty này được bao lâu rồi?
- 1.3. Bây giờ tôi đã thích ứng nhiều với cuộc sống ở Hàn Quốc rồi.

- 1.4. Được gặp gia đình và bạn bè vậy chắc anh đã vui lắm.
- 1.5. Tổng kết nội dung.

6 Âm thực Hàn Quốc

- 6.1. Bạn từng ăn món canh seolleongtang bao giờ chưa?
- 6.2. Bạn có bao giờ ăn món gà xào dakgalbi chưa?
- 6.3. Món canh kimchi chế biến như thế nào vậy?
- 6.4. Không được bụng chén cơm lên ăn.
- 6.5. Tổng kết nội dung.

3. Chợ búa

- 3.1. Hàng hoá tốt thì tốt thật nhưng giá thành lại đắt quá.
- 3.2. Tôi mặc thử cái này có được không ạ?
- 3.3. Tôi sẽ thanh toán bằng card.
- 3.4. Xem quảng cáo thì thấy loại 100.000Won có vẻ tốt đấy.
- 3.5. Tổng kết nội dung.

4. Văn hoá mời

- 3.3. Tôi định chỉ mời một vài người đến cùng dùng cơm tối thôi.
- 3.4. Anh quyết định mời chung hay mời riêng đi.
- 3.5. Chắc bạn sẽ bận bịu nhiều vì lo chuẩn bị cho đám cưới nhỉ!
- 3.6. Hoa thì tôi sẽ mua đem tới.
- 3.7. Tổng kết nội dung

4 Giao thông

- 4.3. Bạn có biết làm thế nào để đến công viên giải trí không?
- 4.4. Muốn đến cung điện Gyeongbuk thì phải đi xe buýt số mấy?
- 4.5. Bạn phải đi ra ngoài rồi sau đó mới vào lại.
- 4.6. Thấy có vẻ gần mà phải đi xe buýt sao ạ?
- 4.7. Tổng kết nội dung.

5 Công trình công cộng

- 5.3. Tôi đến đây vì muốn tìm hiểu về tôn giáo ở Hàn Quốc.
- 5.4. Có vẻ đã giảm xuống so với tuần trước.
- 5.5. Không mất tiền nhưng tôi sẽ đăng ký phí bảo hiểm.
- 5.6. Không nộp giấy chứng nhận học lại thì không được.
- 5.7. Tổng kết nội dung.

6 Điện thoại

- 6.3. Bạn ấy rủ đi xem kịch đấy, bạn có đi cùng không?

- 6.4 Chắc phải điện thoại để hỏi xem thử là ở đâu mới được.
- 6.5 Tôi không thể giữ đúng lời hứa mất rồi.
- 6.6 Xin bác nhấn lại giúp khi nào bạn ấy về thì điện thoại ngay cho cháu ạ.
- 6.7 Tổng kết nội dung.

7 Bệnh viện

- 7.3 Nếu không đỡ thì trở lại nhé.
- 7.4 Cổ họng thì đau, nước mũi cũng chảy nữa.
- 7.5 Để mua thuốc cần phải có đơn thuốc bác sĩ.
- 7.6 Bạn không biết là bệnh nhân đông như thế nào đâu.
- 7.7 Tổng kết nội dung.

8 Du lịch

- 8.3 Nhớ nhất là biển Donghae mà tôi đã đi vào mùa hè vừa rồi.
- 8.4 Gyeongju vốn là thủ đô của nước Shilla đúng không?
- 8.5 Không có khách sạn nào có view đẹp bằng khách sạn chúng tôi đâu ạ.
- 8.6 Tôi đi vào mùa đông nhưng thấy ở đó ấm hơn Hàn Quốc.
- 8.7 Tổng kết nội dung.

9 Việc trong gia đình

- 9.3 Tiền đặt cọc càng ít càng tốt ạ.
- 9.4 Cứ tưởng sử dụng dịch vụ chuyển nhà bao gồm đóng gói thì không phải làm gì chứ!
- 9.5 Hay chúng ta vừa nghe nhạc vừa dọn dẹp nhé?
- 9.6 Cho đến thứ ba sẽ giải quyết xong nên lúc đó bạn hãy trở lại ạ.
- 9.7 Tổng kết nội dung.

6. Phương pháp giảng dạy

Phương pháp thuyết trình;
 Phương pháp “Hỏi-Đáp”;
 Phương pháp “Làm việc nhóm”;

7. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Tham dự tối thiểu 80% số tiết học trên lớp.
- Thực hiện đầy đủ các bài tập nhóm/ bài tập và được đánh giá kết quả thực hiện.
- Tham dự kiểm tra giữa học kỳ.
- Tham dự thi kết thúc học phần.

8. Tài liệu phục vụ cho học phần

8.1. Tài liệu bắt buộc

1. *Giáo trình Hankuko* 2, NXB Đại học Yon Sei, Hàn Quốc, 2009

8.2. Tài liệu tham khảo

1. *Giáo trình Hankuko 2*, NXB Đại học Quốc gia Seoul-Hàn Quốc, 1999
2. *Giáo trình Hankuko 2*, NXB Đại học Sogang
3. *Giáo trình Sơ cấp 2*, NXB Đại học Kyung Hee, 2002

9. Phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập

TT	Điểm thành phần	Hình thức đánh giá	Trọng số	CĐR
1	Chuyên cần	Điểm danh và bài tập	20%	
2	Giữa kỳ	Bài kiểm tra giữa kỳ	30%	CĐR tất cả các mục
3	Kết thúc học phần	Thi tự luận, thi trắc nghiệm, thi vấn đáp, bài tập lớn	50%	CĐR tất cả các mục

Giảng viên
(Ký tên)



ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
Trường Đại học Ngoại ngữ
Khoa: Nhật – Hàn – Thái
Bộ môn: Tiếng Hàn

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Tên học phần: **ĐỌC 3**
Chương trình đào tạo: Chính quy
Người biên soạn: Nguyễn Thị Phương Thu
Ngày ban hành: 2017

1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: Đọc 3
- Mã học phần: 4170613
- Số tín chỉ: 3 TC
- Loại học phần: Bắt buộc
- Học phần tiên quyết:
 - + Sinh viên đã học xong chương trình học phần Đọc 2
 - + Sinh viên nắm được các kiến thức và kỹ năng đã học trong các học kì trước
 - + Sinh viên được trang bị và nắm vững vốn kiến thức cơ bản về ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp
- Số giờ tín chỉ: 45, trong đó:
 - Lí thuyết : 45 tiết
 - Thực hành : 0 tiết

2. Thông tin về giảng viên: (cập nhật theo từng học kỳ)

Giảng viên:

- Họ và tên: Nguyễn Thị Phương Thu
- Chức danh, học vị: Thạc sĩ
- Thời gian làm việc: Thứ 2, thứ 6 (8:00 - 11:00)
- Địa điểm làm việc: Khoa Nhật – Hàn – Thái, Trường Đại học Ngoại Ngữ - Đại học Đà Nẵng.
- Điện thoại: 0936-128-179
- Email: phuongthudn88@gmail.com

3. Mục tiêu học phần

Chuẩn đầu ra 1 (Kiến thức)

- Hiểu và sử dụng được các từ và ngữ pháp ở mức độ trung cấp với các chủ đề thân thuộc trong cuộc sống hàng ngày ví dụ như cách duy trì các mối quan hệ trong xã hội, các sử dụng các thiết bị công cộng.
- Thông qua việc đọc các đoạn hội thoại, văn bản có nội dung với chủ đề nêu trên, sinh viên có thể hiểu rõ hơn hoàn cảnh, cách sử dụng của khoảng 500 từ mới và 50 cấu trúc ngữ pháp ngữ pháp mới.
- Đạt được kiến thức nâng cao về ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp, ngữ nghĩa và được tiếp cận với quán dụng ngữ, thành ngữ tiếng Hàn.
- Có những hiểu biết cơ bản về ngôn ngữ, đất nước, con người và văn hóa xã hội Hàn Quốc thông qua các bài Đọc hiểu được học trong học phần này.
- Qua học phần Đọc 3, sinh viên tiếp tục được nuôi dưỡng niềm yêu thích, ham mê học tiếng Hàn, yêu con người và đất nước, văn hóa Hàn Quốc.
- Nuôi dưỡng đức tính tự tin trong giao tiếp tiếng Hàn, cẩn thận, trung thực, ý thức trách nhiệm trong công việc, ý thức và đạo đức nghề nghiệp biên phiên dịch.

Chuẩn đầu ra 2 (Kỹ năng)

- Đọc đúng, trôi chảy, đúng ngữ âm, ngữ điệu của một bài đọc có độ dài khoảng 350-400 từ trong đó lượng từ mới không quá 5%, hiểu nội dung, trả lời đúng câu hỏi mà giảng viên yêu cầu.
- Tạo kỹ năng tự phân tích các cấu trúc câu khó và dài, nhận biết cấu trúc đoạn văn, cấu trúc văn bản, văn phong, ngôn ngữ đặc trưng của các văn bản và bài hội thoại có độ dài lớn hơn và nội dung khó hơn, phức tạp khác nhau.
- Sinh viên có thể nhận biết được đặc trưng của văn viết, nhận rõ sự khác nhau giữa văn viết và văn nói cũng như nhận biết được quan điểm, ý định của tác giả bài viết.
- Sinh viên có kỹ năng đọc hiểu ở hai dạng thức: đọc kỹ và đọc lướt.
- Thông qua học phần này sinh viên được hỗ trợ, nâng cao các kỹ năng thực hành tiếng khác như Nói III, Viết III, và Nghe III.
- Sinh viên có thể chủ động vận dụng những kiến thức đã học để tìm hiểu thêm trong sách báo, internet, và áp dụng vào giao tiếp với người bản xứ.
- Kết thúc học phần, sinh viên đạt trình độ Đọc hiểu tiếng Hàn 2/6 sơ cấp 2 (Kỳ thi năng lực tiếng Hàn quốc tế - Topik).

Chuẩn đầu ra số 3 (Năng lực tự chủ và trách nhiệm) :

- Có năng lực lập kế hoạch làm việc hiệu quả
- Có khả năng thích nghi với môi trường làm việc năng động và áp lực cao.
- Trung thực, liêm chính, có tinh thần trách nhiệm cao trong mọi công việc được giao
- Có thái độ hành xử chuẩn mực, bảo đảm tính minh bạch và chịu trách nhiệm với thông tin được chuyển tải trong công tác biên phiên dịch.

- Luôn có ý thức học hỏi, trau dồi bồi dưỡng kiến thức chuyên môn, có tinh thần sáng tạo, luôn nỗ lực phấn đấu vươn lên để thành đạt trong sự nghiệp và cuộc sống.

4. Tóm tắt nội dung học phần (khoảng 150 từ)

Nội dung học phần này gồm có 10 bài với các chủ đề trọng tâm về đời sống sinh hoạt hàng ngày ở Hàn Quốc. Mỗi bài gồm có 5 đề mục nhỏ, mỗi đề mục nhỏ có từ 1 đến 2 bài đọc hiểu, đề mục thứ 5 là phần tổng kết nội dung. Học phần này hướng dẫn sinh viên phương pháp học môn Đọc 3, đọc trôi chảy và hiểu rõ nghĩa trong các bài đọc hiểu với chủ đề: kì nghỉ, dự báo thời tiết, cuộc sống sinh viên, bất động sản, thuê nhà, giao thông,...

5. Nội dung chi tiết của học phần (tên các chương, mục, tiểu mục)

1. Sinh hoạt theo sở thích
 - 1.1 Sở thích của bạn là gì?
 - 1.2 Thỉnh thoảng tôi cũng vẽ tranh phong cảnh.
 - 1.3 Bạn sẽ tham gia vào câu lạc bộ nào?
 - 1.4 Nghe nói người ta đi leo núi là nhiều nhất.
 - 1.5 Tổng kết nội dung.
2. Cuộc sống hàng ngày
 - 2.1 Tôi là Riae mới chuyển đến ở nhà phía trước.
 - 2.2 Hãy cắt ngắn tóc cho tôi.
 - 2.3 Tôi xem qua quảng cáo và đến đây.
 - 2.4 Điện thoại không gọi được.
 - 2.5 Tổng kết nội dung.
3. Sức khỏe
 - 3.1 Phải khỏe mạnh thì việc gì cũng có thể làm được.
 - 3.2 Nếu muốn duy trì sức khỏe thì phải nỗ lực chứ.
 - 3.3 Kimchi hay tương đậu nành duenjang đều là những thực phẩm bổ dưỡng tiêu biểu.
 - 3.4 Người ta nói rằng việc ăn không quá nhiều cũng rất quan trọng.
 - 3.5 Tổng kết nội dung.
4. Buổi biểu diễn và cảm nhận
 - 4.1 Thay vì mua vé thì bạn hãy trả tiền bữa tối nhé.
 - 4.2 Vì có bạn rủ coi 'Chuyện nàng Chun Hyang' nên tôi định đặt vé.
 - 4.3 Cảnh cuối cùng quả rất ấn tượng.
 - 4.4 Thật sự rất đáng để coi đấy.
 - 4.5 Tổng kết nội dung.

5. Con người

- 5.1 Bạn ấy đã xuất hiện trên chương trình thời sự hôm qua đấy.
- 5.2 Bạn quả đã gặp một bà chủ nhà trọ tốt.
- 5.3 Đóng góp một số tiền lớn thật không phải là việc dễ dàng.
- 5.4 Tôi muốn trở thành một người giống như thầy giáo vậy.
- 5.5 Tổng kết nội dung.

6. Văn hóa hội họp

- 6.1 Cháu sẽ đến chào bà trước đã ạ.
- 6.2 Bạn ấy nhờ mình gửi lời hỏi thăm đến bạn.
- 6.3 Sẽ tổ chức buổi chào mừng tân sinh viên, bạn có thể đến dự không?
- 6.4 Đơn giản uống trà hay gì đấy thôi.
- 6.5 Tổng kết nội dung.

7. Lỗi lầm và xin lỗi

- 7.1 Thay vì nộp bài tập, tôi đã nộp nhầm tờ nhật ký.
- 7.2 Các bạn cùng nhà trọ cũng giống như người trong gia đình thôi mà.
- 7.3 Tôi lại thấy có lỗi hơn.
- 7.4 Người ta cũng biểu hiện sự biết lỗi bằng những cách khác.
- 7.5 Tổng kết nội dung.

8. Cuộc sống ở trường

- 8.1 Hãy cùng thảo luận nào.
- 8.2 Chúng ta cùng trao đổi ngôn ngữ nhé?
- 8.3 Không biết chừng lại tâm sự với bạn thân cũng nên.
- 8.4 Tôi muốn nhập học vào trường đại học ở Hàn Quốc.
- 8.5 Tổng kết nội dung.

9. Nhờ vả và từ chối

- 9.1 Xin lỗi nhưng tôi có thể nhờ bạn mua ít đồ uống được không?
- 9.2 Bạn có thể chụp hình giúp tôi được không?
- 9.3 Phải làm sao đây? Có vẻ hơi khó thật.
- 9.4 Hình như hơi phiền phức đấy.
- 9.5 Tổng kết nội dung.

10. Ngày hôm qua và ngày hôm nay

- 10.1 Tôi đã thường hay đi xem phim.
- 10.2 10 năm trước thì như thế nào nhỉ?
- 10.3 Nếu trước đây không đến Hàn Quốc thì giờ sẽ ra sao nhỉ?
- 10.4 Việc nhà thì đương nhiên rồi, nhưng nghe nói robot còn chăm sóc cả em bé nữa.

10.5 Tổng kết nội dung

6. Phương pháp giảng dạy

Phương pháp thuyết trình;

Phương pháp “Hỏi-Đáp”;

Phương pháp “Làm việc nhóm”;

7. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Tham dự tối thiểu 80% số tiết học trên lớp.
- Thực hiện đầy đủ các bài tập nhóm/ bài tập và được đánh giá kết quả thực hiện.
- Tham dự kiểm tra giữa học kỳ.
- Tham dự thi kết thúc học phần.
- Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.

8. Tài liệu phục vụ cho học phần

8.1. Tài liệu bắt buộc

1. *Giáo trình Hankuko 3*, NXB Đại học Yon Sei, Hàn Quốc, 2009

8.2. Tài liệu tham khảo

1. *Giáo trình Hankuko 3*, NXB Đại học Quốc gia Seoul-Hàn Quốc, 1999
2. *Giáo trình Hankuko 3*, NXB Đại học Sogang
3. *Giáo trình Trung cấp 1*, NXB Đại học Kyung Hee, 2002

9. Phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập

TT	Điểm thành phần	Hình thức đánh giá	Trọng số	CĐR
1	Chuyên cần	Điểm danh và bài tập	20%	
2	Giữa kỳ	Bài kiểm tra giữa kỳ	30%	CĐR tất cả các mục
3	Kết thúc học phần	Thi tự luận, thi trắc nghiệm, thi vấn đáp, bài tập lớn	50%	CĐR tất cả các mục

Giảng viên
(Ký tên)



ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
Trường Đại học Ngoại ngữ
Khoa: Nhật – Hàn – Thái
Bộ môn: tiếng Hàn

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Tên học phần: **ĐỌC 4**
Chương trình đào tạo: Chính quy
Người biên soạn: Nguyễn Thị Phương Thu
Ngày ban hành: 2017

1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: Đọc 4
- Mã học phần: 4170663
- Số tín chỉ: 2 TC
- Loại học phần: Bắt buộc
- Học phần tiên quyết:
 - + Sinh viên đã học xong chương trình học phần Đọc 3
 - + Sinh viên nắm được các kiến thức và kỹ năng đã học trong các học kỳ trước.
 - + Sinh viên được trang bị và nắm vững vốn kiến thức cơ bản về ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp
- Số giờ tín chỉ: 30, trong đó:
 - Lí thuyết : 30 tiết
 - Thực hành : 0 tiết

2. Thông tin về giảng viên: (cập nhật theo từng học kỳ)

Giảng viên:

- Họ và tên: Nguyễn Thị Phương Thu
- Chức danh, học vị: Thạc sĩ
- Thời gian làm việc: Thứ 2, thứ 6 (8:00 - 11:00)
- Địa điểm làm việc: Khoa Nhật – Hàn – Thái, Trường Đại học Ngoại Ngữ - Đại học Đà Nẵng.
- Điện thoại: 0936-128-179
- Email: phuongthudn88@gmail.com

3. Chuẩn đầu ra

Chuẩn đầu ra 1 (Kiến thức)

- Tiếp thu kiến thức về một số văn phong, văn bản cùng các bài hội thoại theo chủ đề ví dụ như duy trì mối quan hệ trong cuộc sống, cách sử dụng các thiết bị công cộng, những nội dung cần thiết khi làm việc...
- Hiểu và vận dụng được 300 từ mới và 80 cấu trúc ngữ pháp mới thông qua việc đọc các đoạn hội thoại, văn bản có độ dài lớn, từ vựng và cấu trúc khó, nội dung phức tạp xoay quanh các chủ đề nêu trên.
- Hiểu biết sâu sắc về ngôn ngữ, đất nước, con người và văn hóa xã hội Hàn Quốc thông qua các bài Đọc hiểu được học trong học phần này.
- Qua học phần Đọc 4, sinh viên tiếp tục được nuôi dưỡng niềm yêu thích, ham mê học tiếng Hàn, yêu con người và đất nước, văn hóa Hàn Quốc.
- Nuôi dưỡng sự tự tin trong giao tiếp tiếng Hàn, cẩn thận, trung thực, ý thức trách nhiệm trong công việc, ý thức và đạo đức nghề nghiệp biên phiên dịch

Chuẩn đầu ra 2 (Kỹ năng)

- Đọc đúng, lưu loát, trôi chảy, đúng ngữ âm, ngữ điệu của một bài đọc có độ dài khoảng 400-500 từ trở lên, hiểu nội dung, trả lời đúng câu hỏi mà giảng viên yêu cầu.
- Xác định được kiểu loại văn bản và có hướng đọc văn bản phù hợp nhất. Nắm được nội dung và có cách ghi chú lại nội dung văn bản.
- Tạo kỹ năng phỏng đoán, xây dựng giả thiết về nội dung văn bản, bình luận và đưa ra quan điểm cá nhân về vấn đề đặt ra trong văn bản.
- Sinh viên có thể chủ động vận dụng những kiến thức đã học để tìm hiểu thêm trong sách báo, internet, và áp dụng vào giao tiếp với người bản xứ.
- Thông qua học phần này sinh viên được hỗ trợ, nâng cao các kỹ năng thực hành tiếng khác như Nói IV, Viết IV, và Nghe IV.
- Sinh viên có thể tự hoàn thiện các kỹ năng đọc để áp dụng các kiến thức, kỹ năng này chuẩn bị cho học phần Đọc 5, và Biên dịch ở những kì sau.
- Kết thúc học phần, sinh viên đạt trình độ Đọc hiểu tiếng Hàn 3/6 trung cấp 1 (Kỳ thi năng lực tiếng Hàn quốc tế - Topik).

Chuẩn đầu ra số 3 (Năng lực tự chủ và trách nhiệm) :

- Có năng lực lập kế hoạch làm việc hiệu quả
- Có khả năng thích nghi với môi trường làm việc năng động và áp lực cao.
- Trung thực, liêm chính, có tinh thần trách nhiệm cao trong mọi công việc được giao
- Có thái độ hành xử chuẩn mực, bảo đảm tính minh bạch và chịu trách nhiệm với thông tin được chuyển tải trong công tác biên phiên dịch.
- Luôn có ý thức học hỏi, trau dồi bồi dưỡng kiến thức chuyên môn, có tinh thần sáng tạo, luôn nỗ lực phấn đấu vươn lên để thành đạt trong sự nghiệp và cuộc sống.

4. Tóm tắt nội dung học phần (khoảng 150 từ)

- Nội dung học phần này gồm có 10 bài với các chủ đề trọng tâm về đời sống sinh hoạt hàng ngày ở Hàn Quốc. Mỗi bài gồm có 5 đề mục nhỏ, mỗi đề mục nhỏ có từ 1 đến 2 bài đọc hiểu, đề mục thứ 5 là phần tổng kết nội dung. Học phần này hướng dẫn sinh viên phương pháp học môn Đọc 4, đọc trôi chảy và hiểu rõ nghĩa trong các bài đọc hiểu với chủ đề: tính cách, vấn đề trong cuộc sống hàng ngày, văn hóa hiện đại Hàn Quốc, thời gian và sự thay đổi, tri thức và xã hội, sự mê tín, sinh hoạt kinh tế, ngày lễ và lễ hội, những người sống qua thời hiện đại.
- Nội dung học phần đề cập đến những kiến thức sâu hơn về đất nước, con người và văn hóa Hàn Quốc như: hoạt động khi nhàn rỗi của người Hàn, trò chơi dân gian, vua Se Jong, văn hóa hội họp, lễ nghi qua ngôn ngữ, quá khứ và hiện tại của sông Hàn...

5. Nội dung chi tiết của học phần (tên các chương, mục, tiểu mục)

1. Cuộc sống của tôi
 - 1.1 Sống một thời gian rồi cũng thích ứng dần.
 - 1.2 Đó là người không khác gì cha mẹ tôi.
 - 1.3 Hãy lập kế hoạch để không lãng phí thời gian.
 - 1.4 Sống phải biết giúp đỡ người khác.
 - 1.5 Tổng kết nội dung.
2. Tính cách của con người
 - 2.1 Không biết là do nhút nhát hay sao mà ít nói quá.
 - 2.2 Chỉ có trí tưởng tượng phong phú thôi thì làm được gì?
 - 2.3 Nếu đã bắt tay vào làm việc thì sẽ làm tới cùng.
 - 2.4 Không chịu nghe theo.
 - 2.5 Tổng kết nội dung.
3. Vấn đề trong cuộc sống hàng ngày
 - 3.1 Tôi muốn hoàn hảo.
 - 3.2 Ôn ào như thế thì làm sao mà nghỉ ngơi được.
 - 3.3 Ít ra cũng phải có thể ngủ được chứ.
 - 3.4 Phải trả lại một nửa tiền thuê nhà chứ.
 - 3.5 Tổng kết nội dung.
4. Văn hóa hiện đại Hàn Quốc
 - 4.1 Đi karaoke để giải tỏa căng thẳng chứ?
 - 4.2 Giờ đây tôi cũng đã quen với những món ăn nóng rồi.
 - 4.3 Thật khó để hiểu câu đó nghĩa là gì.
 - 4.4 Dù sẽ bận nhưng vẫn tham gia vào câu lạc bộ của những người cùng sở thích à?
 - 4.5 Tổng kết nội dung.
5. Thời gian và sự thay đổi

- 5.1 Kỹ thuật mỗi ngày một phát triển.
- 5.2 Bây giờ nếu vợ chồng không cùng đi làm thì cuộc sống sẽ khó khăn nhiều.
- 5.3 Nghe nói vì carema giám sát mà nhiều người bị căng thẳng đấy.
- 5.4 Thường nếu ở lâu một chỗ thì không thể nhận ra sự thay đổi.
- 5.5 Tổng kết nội dung.
- 6. Tri thức và xã hội
 - 6.1 Có thể phạm phải sai lầm bởi thông tin sai lệch.
 - 6.2 Không phân biệt phim truyền hình hay là tin tức, tôi xem đủ cả.
 - 6.3 Cảm giác như đang mặt đối mặt chuyện trò với nhau vậy.
 - 6.4 Nếu đọc báo thì kiến thức chung sẽ trở nên phong phú hơn.
 - 6.5 Tổng kết nội dung.
- 7. Sự mê tín
 - 7.1 Hề tôi xem trận bóng đá nào thì trận đó mình lại thua.
 - 7.2 Không được viết tên bằng bút màu đỏ à?
 - 7.3 Thử vào cafe tử vi một lần không?
 - 7.4 Hôm nay tôi đã mơ một giấc mơ tốt.
 - 7.5 Tổng kết nội dung.
- 8. Sinh hoạt kinh tế
 - 8.1 Chúc mừng cô đã giành được giải thưởng tiết kiệm.
 - 8.2 Gửi tiết kiệm vào ngân hàng là tốt nhất.
 - 8.3 Tôi đã rất bối rối vì không thanh toán bằng thẻ tín dụng được.
 - 8.4 Nếu xem quảng cáo thì chắc chắn là muốn mua sản phẩm rồi.
 - 8.5 Tổng kết nội dung.
- 9. Ngày lễ và lễ hội
 - 9.1 Là lời cầu chúc nhận được nhiều phúc lành đấy mà.
 - 9.2 Đường cao tốc tập nập xe cộ trong dịp Tết Trung thu.
 - 9.3 Tôi vừa đi dự lễ hội Tết Đoan Ngọ tổ chức ở Kangneung về.
 - 9.4 Hàn Quốc xem ra có nhiều ngày lễ trong tháng 5.
 - 9.5 Tổng kết nội dung.
- 10. Những người sống qua thời hiện đại
 - 10.1 Tôi trở nên có thói quen nhìn đồng hồ liên tục.
 - 10.2 Chủ nghĩa vật chất vụn vẳng đâu phải là việc của ngày hôm qua hay hôm nay đâu.
 - 10.3 Có lưu tâm đến thì ta có thể sống khoẻ mạnh.
 - 10.4 Giao tiếp bị gián đoạn thì sẽ có vấn đề xảy ra.
 - 10.5 Tổng kết nội dung.

6. Phương pháp giảng dạy

- Phương pháp thuyết trình;
- Phương pháp “Hỏi-Đáp”;
- Phương pháp “Làm việc nhóm”;

7. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Tham dự tối thiểu 80% số tiết học trên lớp.
- Thực hiện đầy đủ các bài tập nhóm/ bài tập và được đánh giá kết quả thực hiện.
- Tham dự kiểm tra giữa học kỳ.
- Tham dự thi kết thúc học phần.
- Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.

8. Tài liệu phục vụ cho học phần

8.1. Tài liệu bắt buộc

1. *Giáo trình Hankuko 4*, NXB Đại học Yon Sei, Hàn Quốc, 2009

8.2. Tài liệu tham khảo

1. *Giáo trình Hankuko 4*, NXB Đại học Quốc gia Seoul-Hàn Quốc, 1999
2. *Giáo trình Hankuko 4*, NXB Đại học Sogang
3. *Giáo trình Trung cấp 2*, NXB Đại học Kyung Hee, 2002

9. Phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập

TT	Điểm thành phần	Hình thức đánh giá	Trọng số	CDR
1	Chuyên cần	Điểm danh và bài tập	20%	
2	Giữa kỳ	Bài kiểm tra giữa kỳ	30%	CDR tất cả các mục
3	Kết thúc học phần	Thi tự luận, thi trắc nghiệm, thi vấn đáp, bài tập lớn	50%	CDR tất cả các mục

Giảng viên

(Ký tên)



ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
Trường Đại học Ngoại ngữ
Khoa: Nhật – Hàn – Thái
Bộ môn: Tiếng Hàn

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Tên học phần: **ĐỌC 5**
Chương trình đào tạo: Chính quy
Người biên soạn: Nguyễn Thị Phương Thu
Ngày ban hành: 2017

1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: Đọc 5
- Mã học phần: 4170703
- Số tín chỉ: 2 TC
- Loại học phần: Bắt buộc
- Học phần tiên quyết:
 - + Sinh viên đã học xong chương trình học phần Đọc 4
 - + Sinh viên nắm được các kiến thức và kỹ năng đã học trong các học kì trước.
 - + Sinh viên được trang bị và nắm vững vốn kiến thức cơ bản về ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp
- Số giờ tín chỉ: 30, trong đó:
 - Lí thuyết : 30 tiết
 - Thực hành : 0 tiết

2. Thông tin về giảng viên: (cập nhật theo từng học kỳ)

Giảng viên:

- Họ và tên: Nguyễn Thị Phương Thu
- Chức danh, học vị: Thạc sĩ
- Thời gian làm việc: Thứ 2, thứ 6 (8:00 - 11:00)
- Địa điểm làm việc: Khoa Nhật – Hàn – Thái, Trường Đại học Ngoại Ngữ - Đại học Đà Nẵng.
- Điện thoại: 0936-128-179
- Email: phuongthudn88@gmail.com

3. Chuẩn đầu ra

Chuẩn đầu ra 1 (Kiến thức)

- Hiểu và biết hoàn cảnh sử dụng của 300 từ mới và 80 cấu trúc ngữ pháp thuộc các chủ đề ở trình độ cao cấp thuộc lĩnh vực chuyên ngành, các chủ đề về các vấn đề chính trị, văn hóa, xã hội Hàn Quốc.
- Phân biệt được các loại hình văn bản trong tiếng Hàn và biết cách đọc hiểu phù hợp.
- Có những hiểu biết sâu sắc về ngôn ngữ, đất nước, con người và văn hóa xã hội Hàn Quốc thông qua các bài Đọc hiểu được học trong học phần này.
- Qua học phần Đọc 5, sinh viên tiếp tục được nuôi dưỡng niềm yêu thích, ham mê học tiếng Hàn, yêu con người và đất nước, văn hóa Hàn Quốc.
- Nuôi dưỡng đức tính tự tin trong giao tiếp tiếng Hàn, cẩn thận, trung thực, ý thức trách nhiệm trong công việc, ý thức và đạo đức nghề nghiệp biên phiên dịch

Chuẩn đầu ra 2 (Kỹ năng)

- Đọc đúng, lưu loát, trôi chảy, đúng ngữ âm, ngữ điệu của một bài đọc có độ dài khoảng 500 từ trở lên, hiểu nội dung, trả lời đúng câu hỏi mà giảng viên yêu cầu.
- Đọc hiểu và tóm tắt văn bản, phương pháp xác định thể loại văn bản và nhận biết được những loại hình bài tập tương ứng.
- Sinh viên có kỹ năng phỏng đoán, xây dựng giả thiết về nội dung văn bản, bình luận và đưa ra quan điểm cá nhân về vấn đề đặt ra trong văn bản.
- Sinh viên có thể chủ động vận dụng những kiến thức đã học để tìm hiểu thêm trong sách báo, internet, và áp dụng vào giao tiếp với người bản xứ.
- Thông qua học phần này sinh viên được hỗ trợ, nâng cao các kỹ năng thực hành tiếng khác như Nói IV, Viết IV, và Nghe IV.
- Kết thúc học phần, sinh viên đạt trình độ Đọc hiểu tiếng Hàn 4/6 trung cấp 2 (Kỳ thi năng lực tiếng Hàn quốc tế - Topik).

Chuẩn đầu ra số 3 (Năng lực tự chủ và trách nhiệm) :

- Có năng lực lập kế hoạch làm việc hiệu quả
- Có khả năng thích nghi với môi trường làm việc năng động và áp lực cao.
- Trung thực, liêm chính, có tinh thần trách nhiệm cao trong mọi công việc được giao
- Có thái độ hành xử chuẩn mực, bảo đảm tính minh bạch và chịu trách nhiệm với thông tin được chuyển tải trong công tác biên phiên dịch.
- Luôn có ý thức học hỏi, trau dồi bồi dưỡng kiến thức chuyên môn, có tinh thần sáng tạo, luôn nỗ lực phấn đấu vươn lên để thành đạt trong sự nghiệp và cuộc sống.

4. Tóm tắt nội dung học phần (khoảng 150 từ)

Nội dung học phần này gồm có 10 bài với các chủ đề trọng tâm về đời sống sinh hoạt hàng ngày ở Hàn Quốc. Mỗi bài gồm có 5 đề mục nhỏ, mỗi đề mục nhỏ có từ 1 đến 2 bài đọc hiểu, đề mục thứ 5 là phần tổng kết nội dung. Học phần này hướng dẫn sinh viên phương pháp học môn Đọc 5, đọc trôi chảy và hiểu rõ nghĩa trong các bài đọc hiểu với chủ đề: internet, dân ca, truyện cổ tích, thủ đô Hàn Quốc, trào lưu xã hội, khoảng cách thời đại, du lịch...

5. Nội dung chi tiết của học phần (tên các chương, mục, tiểu mục)

1. Ngôn ngữ và sinh hoạt
 - 1.1 Việc học tiếng Hàn
 - 1.2 Tiếng Hàn không khó mà rất dễ
 - 1.3 Tổng kết nội dung
2. Nghề nghiệp và công sở
 - 2.1 Quan điểm về nghề nghiệp
 - 2.2 Ở công sở
 - 2.3 Tổng kết nội dung
3. Sinh hoạt hàng ngày và văn hóa giải trí
 - 3.1 Sinh hoạt hàng ngày của người Hàn Quốc hiện đại
 - 3.2 Văn hóa giải trí của người hiện đại
 - 3.3 Tổng kết nội dung
4. Khoa học và kỹ thuật
 - 4.1 Internet và nhân loại
 - 4.2 Khoa học và tương lai
 - 4.3 Tổng kết nội dung
5. Sinh hoạt và kinh tế
 - 5.1 Chi tiêu hàng ngày
 - 5.2 Hoạt động kinh tế cá nhân
 - 5.3 Tổng kết nội dung
6. Văn hóa đại chúng và nghệ thuật
 - 6.1 Văn hóa đại chúng của Hàn Quốc
 - 6.2 Nghệ thuật truyền thống của Hàn Quốc
 - 6.3 Tổng kết nội dung
7. Truyền thống và sự thay đổi
 - 7.1 Sự thay đổi của gia đình
 - 7.2 Nghi lễ của Hàn Quốc
 - 7.3 Tổng kết nội dung
8. Cuộc sống và việc học tập
 - 8.1 Quan điểm giáo dục của người Hàn Quốc
 - 8.2 Học tập suốt đời
 - 8.3 Tổng kết nội dung

9. Tự nhiên và môi trường
 - 9.1 Nhân loại và tự nhiên
 - 9.2 Bảo vệ môi trường
 - 9.3 Tổng kết nội dung

10. Cá nhân và cộng đồng
 - 10.1 Tôi và những người hàng xóm
 - 10.2 Tôi trong thế giới
 - 10.3 Tổng kết nội dung

6. **Phương pháp giảng dạy**
 Phương pháp thuyết trình;
 Phương pháp “Hỏi-Đáp”;
 Phương pháp “Làm việc nhóm”;

7. **Nhiệm vụ của sinh viên:**
 - Tham dự tối thiểu 80% số tiết học trên lớp.
 - Thực hiện đầy đủ các bài tập nhóm/ bài tập và được đánh giá kết quả thực hiện.
 - Tham dự kiểm tra giữa học kỳ.
 - Tham dự thi kết thúc học phần.
 - Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học. Tài liệu phục vụ cho học phần

8. Tài liệu phục vụ cho học phần

8.1. Tài liệu bắt buộc

1. *Giáo trình Hankuko 5*, NXB Đại học Yon Sei, Hàn Quốc, 2009

8.2. Tài liệu tham khảo

1. *Giáo trình Hankuko 5*, NXB Đại học Quốc gia Seoul-Hàn Quốc, 1999
2. *Giáo trình Hankuko 5*, NXB Đại học Sogang
3. *Giáo trình Cao cấp 1*, NXB Đại học Kyung Hee, 2002

9. Phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập

TT	Điểm thành phần	Hình thức đánh giá	Trọng số	CĐR
1	Chuyên cần	Điểm danh và bài tập	20%	
2	Giữa kỳ	Bài kiểm tra giữa kỳ	30%	CĐR tất cả các mục
3	Kết thúc học phần	Thi tự luận, thi trắc nghiệm, thi vấn đáp, bài tập lớn	50%	CĐR tất cả các mục

Giảng viên
(Ký tên)



ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
Trường Đại học Ngoại ngữ
Khoa: Nhật – Hàn – Thái
Bộ môn: Tiếng Hàn

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Tên học phần:	Viết 1
Chương trình đào tạo:	Cử nhân tiếng Hàn
Người biên soạn:	Trần Thị Lan Anh
Ngày ban hành:	2017

1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: Viết 1
- Mã học phần: 4170793
- Số tín chỉ: 4 TC
- Loại học phần: bắt buộc
- Học phần tiên quyết: Học phần này được giảng dạy cho sinh viên bắt đầu học tiếng Hàn. Sinh viên có một trình độ nhất định về ngôn ngữ học nói chung và tiếng Việt nói riêng.
- Số giờ tín chỉ: 60, trong đó:
 - Lí thuyết : 60 tiết
 - Thực hành : 0 tiết

2. Thông tin về giảng viên: (cập nhật theo từng học kỳ)

Giảng viên:

- Họ và tên: Trần Thị Lan Anh
- Chức danh, học vị: Thạc sĩ
- Thời gian làm việc: Thứ 2, thứ 6 (800 - 11:00)
- Địa điểm làm việc: Khoa Nhật – Hàn - Thái
- Điện thoại: 0918 390930
- Email: orchidrung@yahoo.com

3. Chuẩn đầu ra

Chuẩn đầu ra 1 (Kiến thức)

- Tiếp cận những kiến thức cơ sở, đại cương, cơ bản nhất về loại hình ngôn ngữ chấp dĩnh và các đặc trưng cơ bản về ngữ pháp tiếng Hàn.
- Hiểu và nắm chắc các kiến thức cơ bản về cấu trúc câu, trật tự từ trong đoạn ngữ, trong câu đơn và câu ghép, sử dụng thành thạo nhuần nhuyễn các cấu trúc ngữ pháp và từ

vững đứng với hoàn cảnh, tình huống sử dụng của chúng trong giao tiếp và trong viết văn bản.

- Qua học phần Viết 1, hình thành được sự yêu thích, ham mê học tiếng Hàn, yêu con người và đất nước, văn hóa Hàn Quốc.
- Hình thành đức tính cẩn thận, trung thực, ý thức trách nhiệm trong công việc, ý thức và đạo đức nghề nghiệp biên phiên dịch.

Chuẩn đầu ra 2 (Kỹ năng)

- Sinh viên có khả năng nắm bắt chuẩn xác và bước đầu thực hành tốt kỹ năng viết về các chủ đề xung quanh cuộc sống hàng ngày như: giới thiệu bản thân, cảm nhận thời tiết, miêu tả căn phòng, giới thiệu bạn bè, sở thích, viết thư cho người thân, bạn bè. Kết hợp với kỹ năng viết – điền câu, đọc hiểu - viết, quan sát tranh – viết bài đối thoại chủ đề ‘mua hàng ở chợ, hỏi đường sá, cách đi xe buýt, tàu điện ngầm, hỏi thăm, nhà trường, mua sắm, gia đình, bạn bè, sinh hoạt thường ngày, thời tiết, ngày lễ, lời nhắn thoại’.
- Sinh viên có thể viết một đoạn văn hoặc bài đối thoại về các chủ đề trên có độ dài khoảng từ 10 – 15 câu, khoảng 30-60 chữ, câu văn ngắn gọn, dễ hiểu, viết đúng ngữ pháp.
- Bổ sung kiến thức và đặt nền tảng ngữ pháp cho các kỹ năng Nghe hiểu I, Đọc hiểu I, và Nói I.

Chuẩn đầu ra số 3 (Năng lực tự chủ và trách nhiệm) :

- Có năng lực lập kế hoạch làm việc hiệu quả
- Có khả năng thích nghi với môi trường làm việc năng động và áp lực cao.
- Trung thực, liêm chính, có tinh thần trách nhiệm cao trong mọi công việc được giao
- Có thái độ hành xử chuẩn mực, bảo đảm tính minh bạch và chịu trách nhiệm với thông tin được chuyển tải trong công tác biên phiên dịch.
- Luôn có ý thức học hỏi, trau dồi bồi dưỡng kiến thức chuyên môn, có tinh thần sáng tạo, luôn nỗ lực phấn đấu vươn lên để thành đạt trong sự nghiệp và cuộc sống.

4. Tóm tắt nội dung học phần (khoảng 150 từ)

Nội dung học phần này gồm có 10 bài với các chủ đề trọng tâm về đời sống sinh hoạt hàng ngày ở Hàn Quốc. Mỗi bài gồm có 5 đề mục nhỏ, mỗi đề mục nhỏ có từ 1 đến 2 điểm ngữ pháp mới, đề mục thứ 5 là phần tổng kết nội dung. Học phần này hướng dẫn sinh viên phương pháp học môn Viết 1, giải thích ngữ pháp kết đuôi câu danh từ, kết đuôi câu động từ, tính từ; hình thái mệnh lệnh cách, đề nghị cách, cảm thán, câu đơn, câu ghép, các liên kết câu, liên kết từ, các thì hiện tại, tương lai, quá khứ, Đồng thời luyện kỹ năng Viết tình huống thông thường trong cuộc sống hàng ngày như: chào hỏi, cuộc sống ở trường học, gia đình, bạn bè, ẩm thực, giao thông, thời tiết, ngày lễ, nghỉ hè...

5. Nội dung chi tiết của học phần (tên các chương, mục, tiểu mục)

1. Chào hỏi

- 1.1. Xin chào!
 - 1.2. Bạn là người nước nào?
 - 1.3. Tôi không phải là nhân viên công ty.
 - 1.4. Rất vui được gặp bạn.
 - 1.5. Tổng kết nội dung.
2. Trường học và nhà
 - 2.1. Cái này là sách giáo khoa phải không?
 - 2.2. Bạn cũng có cả bản đồ à?
 - 2.3. Ngân hàng nằm ở đâu?
 - 2.4. Nhà bạn ở đâu?
 - 2.5. Tổng kết nội dung.
3. Gia đình và bạn bè
 - 3.1. Xem ảnh gia đình.
 - 3.2. Bố mẹ bạn đang ở đâu?
 - 3.3. Không khí cũng tốt và cũng yên ắng nữa.
 - 3.4. Tôi học Kinh tế học ở trường đại học.
 - 3.5. Tổng kết nội dung.
4. Ẩm thực
 - 4.1. Đi đến nhà hàng.
 - 4.2. Bạn thích ăn món gì?
 - 4.3. Tôi thích ăn bulgogi.
 - 4.4. Cho tôi xin nước ở đây.
 - 4.5. Tổng kết nội dung.
5. Sinh hoạt một ngày
 - 5.1. Bây giờ là mấy giờ rồi?
 - 5.2. Hôm nay là ngày mấy tháng mấy?
 - 5.3. Tôi thức dậy lúc 7 giờ.
 - 5.4. Bạn đã làm gì cùng với bạn của mình?
 - 5.5. Tổng kết nội dung.
6. Mua sắm
 - 6.1. Chúng ta hãy cùng đi mua quà nào!
 - 6.2. Tốt thì tốt nhưng hơi đắt.
 - 6.3. Bao nhiêu vậy ạ?
 - 6.4. Bớt đi ạ!
 - 6.5. Tổng kết nội dung.

7. Giao thông

- 7.1. Xin lỗi cho tôi hỏi thăm đường.
- 7.2. Mất khoảng 40 phút đi bằng tàu điện ngầm.
- 7.3. Đồng người nên anh cẩn thận.
- 7.4. Cho tôi dừng trước quầy trái cây.
- 7.5. Tổng kết nội dung.

8. Điện thoại

- 8.1. Xin cho tôi biết số điện thoại.
- 8.6. Có Jeong Min Cheol ở đây không ạ?
- 8.7. Nếu rảnh tôi sẽ gọi điện.
- 8.8. Xin hãy chuyển máy cho Wei.
- 8.9. Tổng kết nội dung

9. Thời tiết và các mùa

- 9.1. Tôi thích mùa đông vì tôi có thể trượt tuyết.
- 9.2. Trời hơi âm u mà...
- 9.3. Trời có lẽ sẽ ấm hơn hôm nay.
- 9.4. Người ta đang tập thể dục ở đằng ấy.
- 9.5. Tổng kết nội dung.

10. Ngày lễ và kỳ nghỉ

- 10.1. Tôi định đi núi Seorak.
- 10.2. Khi có thời gian tôi lại đi du lịch.
- 10.3. Tôi không thể đi đến rạp phim thường xuyên.
- 10.4. Tôi đi tản bộ và nghỉ ngơi ở nhà.
- 10.5. Tổng kết nội dung.

6. Phương pháp giảng dạy

- Phương pháp thuyết trình;
- Phương pháp “Hỏi-Đáp”;
- Phương pháp “Làm việc nhóm”;

7. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Tham dự tối thiểu 80% số tiết học trên lớp.
- Thực hiện đầy đủ các bài tập nhóm/ bài tập và được đánh giá kết quả thực hiện.
- Tham dự kiểm tra giữa học kỳ.
- Tham dự thi kết thúc học phần.
- Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.

8. Tài liệu phục vụ cho học phần

8.1. Tài liệu bắt buộc

1. *Giáo trình Hankuko 1*, NXB Đại học Yeon Sei - Hàn Quốc, 2009.
2. *Giáo trình Hankuko 1*, NXB Đại học Quốc gia Seoul, Hàn Quốc, 1999.

8.2. Tài liệu tham khảo

1. *Giáo trình Hankuko 1*, NXB Đại học Sogang, Hàn Quốc.
2. *Giáo trình Sơ cấp 1*, NXB Đại học Kyung Hee, 2002.
3. Giáo trình tiếng Hàn tổng hợp dành cho người Việt Nam (Tập 1 - Sơ cấp), NXB Quỹ giao lưu quốc tế Hàn Quốc, 2009.

9. Phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập

TT	Điểm thành phần	Hình thức đánh giá	Trọng số	CDR
1	Chuyên cần	Điểm danh và bài tập	20%	
2	Giữa kỳ	Bài kiểm tra giữa kỳ	30%	CDR tất cả các mục
3	Kết thúc học phần	Thi tự luận, thi trắc nghiệm, thi vấn đáp, bài tập lớn	50%	CDR tất cả các mục

Giảng viên
(Ký tên)



ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
Trường Đại học Ngoại ngữ
Khoa: Nhật – Hàn – Thái
Bộ môn: Tiếng Hàn

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Tên học phần:	Viết 2
Chương trình đào tạo:	Cử nhân tiếng Hàn
Người biên soạn:	Trần Thị Lan Anh
Ngày ban hành:	2017

1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: Viết 2
- Mã học phần: 4170583
- Số tín chỉ: 4 TC
- Loại học phần: bắt buộc
- Học phần tiên quyết:
 - + Sinh viên đã hoàn thành học phần Viết I.
 - + Nắm được các kỹ năng và kiến thức tích lũy từ học kỳ I.
 - + Sinh viên có một trình độ và vốn hiểu biết nhất định về ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp tiếng Hàn nói chung và tiếng Việt nói riêng.
- Số giờ tín chỉ: 60, trong đó:
 - Lí thuyết : 60 tiết
 - Thực hành : 0 tiết

2. Thông tin về giảng viên:

Giảng viên:

- Họ và tên: Trần Thị Lan Anh
- Chức danh, học vị: Thạc sĩ
- Thời gian làm việc: Thứ 2, thứ 6 (8:00 - 11:00)
- Địa điểm làm việc: Khoa Nhật – Hàn - Thái
- Điện thoại: 0918 390930
- Email: orchidrung@yahoo.com

3. Chuẩn đầu ra

Chuẩn đầu ra 1 (Kiến thức)

- Tiếp thu những kiến thức cơ sở, nắm bắt chuẩn xác kiến thức về ngữ pháp tiếng Hàn, vận dụng vào thực tế Nói, Viết.

- Tiếp thu và vận dụng những kiến thức cơ bản về cấu trúc câu, trật tự từ trong đoạn ngữ, cách nối kết câu ghép, sử dụng thành thạo nhuần nhuyễn các cấu trúc ngữ pháp và từ vựng, các liên từ kết nối câu đúng với hoàn cảnh, tình huống sử dụng của chúng trong giao tiếp và trong viết văn bản.
- Qua học phần Viết 2, hình thành được sự yêu thích, ham mê học tiếng Hàn, yêu con người và đất nước, văn hóa Hàn Quốc.
- Hình thành đức tính cẩn thận, trung thực, ý thức trách nhiệm trong công việc, ý thức và đạo đức nghề nghiệp biên phiên dịch.

Chuẩn đầu ra 2 (Kỹ năng)

- Thực hành tốt kỹ năng viết về các chủ đề xung quanh cuộc sống hàng ngày như: bưu điện, điện thoại, báo chí, thư tín, thi cử, ngày nghỉ, nhật ký, du lịch, dự báo thời tiết, ngày nghỉ, trung tâm nghệ thuật,... . Kết hợp với kỹ năng viết – điền câu, đọc hiểu - viết, quan sát tranh – viết bài đối thoại viết thực đơn, viết toa thuốc, viết lược đồ chỉ đường, viết bài đối thoại theo chủ đề ‘đặt khách sạn, gọi món ăn, mua sách, gửi bưu kiện, văn hóa mời ăn uống, du lịch, bệnh viện, chuyển nhà, ...’.
- Viết được một đoạn văn hoặc bài đối thoại về các chủ đề trên có độ dài khoảng từ 15 – 20 câu ghép, khoảng 150-300 từ, câu văn dễ hiểu, tư tưởng diễn đạt rõ ràng, mạch lạc, viết đúng ngữ pháp, đúng liên kết từ.
- Bổ sung kiến thức và đặt nền tảng ngữ pháp cho các kỹ năng Nghe hiểu II, Đọc hiểu II, và Nói II.
- Trên cơ sở rèn luyện kỹ năng viết thông thường ở học kỳ này chuẩn bị cho việc rèn kỹ năng viết ứng dụng ở học kỳ sau.
- Kết thúc học phần, sinh viên đạt trình độ Viết tiếng Hàn 1/6 sơ cấp 1 (Kỳ thi năng lực tiếng Hàn quốc tế - Topik).

Chuẩn đầu ra số 3 (Năng lực tự chủ và trách nhiệm) :

- Có năng lực lập kế hoạch làm việc hiệu quả
- Có khả năng thích nghi với môi trường làm việc năng động và áp lực cao.
- Trung thực, liêm chính, có tinh thần trách nhiệm cao trong mọi công việc được giao
- Có thái độ hành xử chuẩn mực, bảo đảm tính minh bạch và chịu trách nhiệm với thông tin được chuyển tải trong công tác biên phiên dịch.
- Luôn có ý thức học hỏi, trau dồi bồi dưỡng kiến thức chuyên môn, có tinh thần sáng tạo, luôn nỗ lực phấn đấu vươn lên để thành đạt trong sự nghiệp và cuộc sống.

4. Tóm tắt nội dung học phần (khoảng 150 từ)

Nội dung học phần này gồm có 10 bài với các chủ đề trọng tâm về đời sống sinh hoạt hàng ngày ở Hàn Quốc. Mỗi bài gồm có 5 đề mục nhỏ, mỗi đề mục nhỏ có từ 1 đến 2 điểm ngữ pháp mới, đề mục thứ 5 là phần tổng kết nội dung. Học phần này hướng dẫn sinh viên phương pháp học môn Viết 2, tiếp tục giải thích ngữ pháp kết đuôi câu danh từ, kết đuôi câu động từ, tính từ;

hình thái cảm thán, câu đơn, câu ghép, các liên kết câu, liên kết từ, các cấu trúc ước đoán, mong ước, suy đoán, Đồng thời luyện kỹ năng Viết tình huống thông thường trong cuộc sống hằng ngày như: viết thực đơn, viết toa thuốc, viết lược đồ chỉ đường, viết bài đối thoại theo chủ đề ‘đặt khách sạn, gọi món ăn, mua sách, gửi bưu kiện, văn hóa mời ăn uống, du lịch, bệnh viện, chuyển nhà, ...’\

5. Nội dung chi tiết của học phần (tên các chương, mục, tiểu mục)

1. Giới thiệu

- 1.1 Nếu có việc cần thì cứ nói với tôi bất cứ lúc nào.
- 1.2 Anh làm việc ở công ty này được bao lâu rồi?
- 1.3 Bây giờ tôi đã thích ứng nhiều với cuộc sống ở Hàn Quốc rồi.
- 1.4 Được gặp gia đình và bạn bè vậy chắc anh đã vui lắm.
- 1.5 Tổng kết nội dung.

2. Âm thực Hàn Quốc

- 2.1 Bạn từng ăn món canh seolleongtang bao giờ chưa?
- 2.2 Bạn có bao giờ ăn món gà xào dakgalbi chưa?
- 2.3 Món canh kimchi chế biến như thế nào vậy?
- 2.4 Không được bụng chén cơm lên ăn.
- 2.5 Tổng kết nội dung.

3. Chợ búa

- 3.1 Hàng hoá tốt thì tốt thật nhưng giá thành lại đắt quá.
- 3.2 Tôi mặc thử cái này có được không ạ?
- 3.3 Tôi sẽ thanh toán bằng card.
- 3.4 Xem quảng cáo thì thấy loại 100.000Won có vẻ tốt đấy.
- 3.5 Tổng kết nội dung.

4. Văn hoá mời

- 4.1 Tôi định chỉ mời một vài người đến cùng dùng cơm tối thôi.
- 4.2 Anh quyết định mời chung hay mời riêng đi.
- 4.3 Chắc bạn sẽ bận bịu nhiều vì lo chuẩn bị cho đám cưới nhỉ!
- 4.4 Hoa thì tôi sẽ mua và đem tới.
- 4.5 Tổng kết nội dung.

5. Giao thông

- 5.1 Bạn có biết làm thế nào để đến công viên giải trí không?
- 5.2 Muốn đến cung điện Gyeongbuk thì phải đi xe buýt số mấy?
- 5.3 Bạn phải đi ra ngoài rồi sau đó mới vào lại.

5.4 Thấy có vẻ gần mà phải đi xe buýt sao ạ?

5.5 Tổng kết nội dung.

6. Công trình công cộng

6.1 Tôi đến đây vì muốn tìm hiểu về tôn giáo ở Hàn Quốc.

6.2 Có vẻ đã giảm xuống so với tuần trước.

6.3 Không mắc tiền nhưng tôi sẽ đăng ký phí bảo hiểm.

6.4 Không nộp giấy chứng nhận học lại thì không được.

6.5 Tổng kết nội dung.

7. Điện thoại

7.1 Bạn ấy rủ đi xem kịch đấy, bạn có đi cùng không?

7.2 Chắc phải điện thoại để hỏi xem thử là ở đâu mới được.

7.3 Tôi không thể giữ đúng lời hứa mất rồi.

7.4 Xin bác nhấn lại giúp khi nào bạn ấy về thì điện thoại ngay cho cháu ạ.

7.5 Tổng kết nội dung.

8. Bệnh viện

8.1 Nếu không đỡ thì trở lại nhé.

8.2 Cổ họng thì đau, nước mũi cũng chảy nữa.

8.3 Để mua thuốc cần phải có đơn thuốc bác sĩ.

8.4 Bạn không biết là bệnh nhân đông như thế nào đâu.

8.5 Tổng kết nội dung.

9. Du lịch

9.1 Nhớ nhất là biển Donghae mà tôi đã đi vào mùa hè vừa rồi.

9.2 Gyeongju vốn là thủ đô của nước Shilla đúng không?

9.3 Không có khách sạn nào có view đẹp bằng khách sạn chúng tôi đâu ạ.

9.4 Tôi đi vào mùa đông nhưng thấy ở đó ấm hơn Hàn Quốc.

9.5 Tổng kết nội dung.

10. Việc trong gia đình

10.1 Tiền đặt cọc càng ít càng tốt ạ.

10.2 Cứ tưởng sử dụng dịch vụ chuyển nhà bao gồm đóng gói thì không phải làm gì chứ!

10.3 Hay chúng ta vừa nghe nhạc vừa dọn dẹp nhé?

10.4 Cho đến thứ ba sẽ giải quyết xong nên lúc đó bạn hãy trở lại ạ.

10.5 Tổng kết nội dung.

6. Phương pháp giảng dạy

- Phương pháp thuyết trình;

- Phương pháp “Hỏi-Đáp”;
- Phương pháp “Làm việc nhóm”;

7. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Tham dự tối thiểu 80% số tiết học trên lớp.
- Thực hiện đầy đủ các bài tập nhóm/ bài tập và được đánh giá kết quả thực hiện.
- Tham dự kiểm tra giữa học kỳ.
- Tham dự thi kết thúc học phần.
- Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.

8. Tài liệu phục vụ cho học phần

8.1. Tài liệu bắt buộc

1. *Giáo trình Hankuko 2*, NXB Đại học Yeon Sei - Hàn Quốc, 2009.
2. *Giáo trình Hankuko 2*, NXB Đại học Quốc gia Seoul, Hàn Quốc, 1999.

8.2. Tài liệu tham khảo

1. *Giáo trình Hankuko 2*, NXB Đại học Sogang, Hàn Quốc.
2. *Giáo trình Sơ cấp 2*, NXB Đại học Kyung Hee, 2002.
3. Giáo trình tiếng Hàn tổng hợp dành cho người Việt Nam (Tập 2 - Sơ cấp), NXB Quỹ giao lưu quốc tế Hàn Quốc, 2009.

9. Phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập

TT	Điểm thành phần	Hình thức đánh giá	Trọng số	CDR
1	Chuyên cần	Điểm danh và bài tập	20%	
2	Giữa kỳ	Bài kiểm tra giữa kỳ	30%	CDR tất cả các mục
3	Kết thúc học phần	Thi tự luận, thi trắc nghiệm, thi vấn đáp, bài tập lớn	50%	CDR tất cả các mục

Giảng viên
(Ký tên)



ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
Trường Đại học Ngoại ngữ
Khoa: Nhật – Hàn – Thái
Bộ môn: Tiếng Hàn

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Tên học phần:	Viết 3
Chương trình đào tạo:	Cử nhân tiếng Hàn
Người biên soạn:	Trần Thị Lan Anh
Ngày ban hành:	2017

1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: Viết 3
- Mã học phần: 4170623
- Số tín chỉ: 4 TC
- Loại học phần: bắt buộc
- Học phần tiên quyết:
 - + Sinh viên đã hoàn thành học phần Viết II.
 - + Nắm được các kỹ năng và kiến thức tích lũy từ học kỳ II.
 - + Sinh viên có một trình độ và vốn hiểu biết nhất định về ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp, đất nước học Hàn Quốc.
- Số giờ tín chỉ: 60, trong đó:
 - Lí thuyết : 60 tiết
 - Thực hành : 0 tiết

2. Thông tin về giảng viên: (cập nhật theo từng học kỳ)

Giảng viên:

- Họ và tên: Trần Thị Lan Anh
- Chức danh, học vị: Thạc sĩ
- Thời gian làm việc: Thứ 2 – Thứ 6 (7:00 - 17:00)
- Địa điểm làm việc: Khoa Nhật – Hàn - Thái
- Điện thoại: 0918 390930
- Email: orchidrung@yahoo.com

3. Chuẩn đầu ra

Chuẩn đầu ra 1 (Kiến thức)

- Tiếp thu những kiến thức về ngữ pháp tiếng Hàn, vận dụng vào thực tế Nói, Viết.
- Viết được các dạng câu trong tiếng Hàn như câu đơn, câu phức, câu có trật tự bị đảo ngược, câu bị động, câu chủ động, trực tiếp, gián tiếp. Viết đối thoại và viết văn bản về

lập kế hoạch, về cảm tưởng bản thân, về bằng hướng dẫn, thông báo, phương pháp làm món ăn, về bất động sản, phong tục kết hôn, thư tín, đoạn quảng cáo, viết về sở thích bản thân, về cuộc sống hàng ngày, về sức khỏe, trình bày cảm tưởng về một cuộc biểu diễn hay là một tác phẩm, viết về văn hóa, cuộc sống ở nhà trường, viết bài luận về một vấn đề.

- Qua học phần Viết 3, sinh viên được nuôi dưỡng niềm yêu thích, ham mê học tiếng Hàn, yêu con người và đất nước, văn hóa Hàn Quốc.
- Hình thành đức tính tự tin trong giao tiếp tiếng Hàn, cẩn thận, trung thực, ý thức trách nhiệm trong công việc, ý thức và đạo đức nghề nghiệp biên phiên dịch.

Chuẩn đầu ra 2 (Kỹ năng)

- Kỹ năng diễn đạt viết, từ viết lại nội dung, kể lại sự việc cho tới văn miêu tả, viết thư, ứng tác, ...
- Viết được một đoạn văn hoặc bài đối thoại, nhìn tranh miêu tả về các chủ đề đa dạng, luyện viết văn bản có định hướng theo một đề tài cụ thể hoặc không có định hướng có độ dài khoảng từ 300-450 chữ, câu văn dễ hiểu, tư tưởng diễn đạt rõ ràng, mạch lạc, viết đúng ngữ pháp, đúng liên kết từ. Nâng cao trình độ cho sinh viên từ viết đúng đến viết hay.
- Bổ sung kiến thức và đặt nền tảng ngữ pháp cho các kỹ năng Nghe hiểu III, Đọc hiểu III, và Nói III.
- Trên cơ sở rèn luyện kỹ năng viết thông thường ở học kỳ này chuẩn bị cho việc rèn kỹ năng viết ứng dụng ở những học kỳ sau.
- Kết thúc học phần, sinh viên đạt trình độ Viết tiếng Hàn 2/6 sơ cấp 2 (Kỳ thi năng lực tiếng Hàn quốc tế - Topik).

Chuẩn đầu ra số 3 (Năng lực tự chủ và trách nhiệm) :

- Có năng lực lập kế hoạch làm việc hiệu quả
 - Có khả năng thích nghi với môi trường làm việc năng động và áp lực cao.
 - Trung thực, liêm chính, có tinh thần trách nhiệm cao trong mọi công việc được giao
 - Có thái độ hành xử chuẩn mực, bảo đảm tính minh bạch và chịu trách nhiệm với thông tin được chuyển tải trong công tác biên phiên dịch.
 - Luôn có ý thức học hỏi, trau dồi bồi dưỡng kiến thức chuyên môn, có tinh thần sáng tạo, luôn nỗ lực phấn đấu vươn lên để thành đạt trong sự nghiệp và cuộc sống.

4. Tóm tắt nội dung học phần (khoảng 150 từ)

Nội dung học phần này gồm có 10 bài với các chủ đề trọng tâm về đời sống sinh hoạt hàng ngày ở Hàn Quốc. Mỗi bài gồm có 5 đề mục nhỏ, mỗi đề mục nhỏ có từ 1 đến 2 điểm ngữ pháp mới, đề mục thứ 5 là phần tổng kết nội dung. Học phần này hướng dẫn sinh viên phương pháp học môn Viết 3, giải thích ngữ pháp bị động, chủ động, ngữ pháp nâng cao, so sánh các cấu trúc liên kết câu, liên kết từ, các cấu trúc ước đoán, mong ước, suy đoán, nội dung tiếp cận với học phần lý thuyết tiếng. Đồng thời luyện kỹ năng Viết tình huống, miêu tả tình huống trong cuộc sống hằng ngày như: viết về sở thích bản thân, về cuộc sống hàng ngày, về sức khỏe, trình bày cảm tưởng về một cuộc biểu diễn hay là một tác phẩm, viết về văn hóa, cuộc sống ở nhà trường, viết bài luận về một vấn đề.

5. Nội dung chi tiết của học phần (tên các chương, mục, tiểu mục)

1. Sinh hoạt theo sở thích
 - 1.1 Sở thích của bạn là gì?
 - 1.2 Thỉnh thoảng tôi cũng vẽ tranh phong cảnh.
 - 1.3 Bạn sẽ tham gia vào câu lạc bộ nào?
 - 1.4 Nghe nói người ta đi leo núi là nhiều nhất.
 - 1.5 Tổng kết nội dung.
2. Cuộc sống hàng ngày
 - 2.1 Tôi là Riae mới chuyển đến ở nhà phía trước.
 - 2.2 Hãy cắt ngắn tóc cho tôi.
 - 2.3 Tôi xem qua quảng cáo và đến đây.
 - 2.4 Điện thoại không gọi được.
 - 2.5 Tổng kết nội dung.
3. Sức khỏe
 - 3.1 Phải khỏe mạnh thì việc gì cũng có thể làm được.
 - 3.2 Nếu muốn duy trì sức khỏe thì phải nỗ lực chứ.
 - 3.3 Kimchi hay tương đậu nành duenjang đều là những thực phẩm bổ dưỡng tiêu biểu.
 - 3.4 Người ta nói rằng việc ăn không quá nhiều cũng rất quan trọng.
 - 3.5 Tổng kết nội dung.
4. Buổi biểu diễn và cảm nhận
 - 4.1 Thay vì mua vé thì bạn hãy trả tiền bữa tối nhé.
 - 4.2 Vì có bạn rủ coi ‘Chuyện nàng Chun Hyang’ nên tôi định đặt vé.
 - 4.3 Cảnh cuối cùng quả rất ấn tượng.
 - 4.4 Thật sự rất đáng để coi đấy.
 - 4.5 Tổng kết nội dung.
5. Con người
 - 5.1 Bạn ấy đã xuất hiện trên chương trình thời sự hôm qua đấy.
 - 5.2 Bạn quả đã gặp một bà chủ nhà trọ tốt.
 - 5.3 Đóng góp một số tiền lớn thật không phải là việc dễ dàng.
 - 5.4 Tôi muốn trở thành một người giống như thầy giáo vậy.
 - 5.5 Tổng kết nội dung.
6. Văn hóa hội họp
 - 6.1 Cháu sẽ đến chào bà trước đã ạ.
 - 6.2 Bạn ấy nhờ mình gửi lời hỏi thăm đến bạn.
 - 6.3 Sẽ tổ chức buổi chào mừng tân sinh viên, bạn có thể đến dự không?
 - 6.4 Đơn giản uống trà hay gì đấy thôi.

6.5 Tổng kết nội dung.

7. Lỗi lầm và xin lỗi

- 7.1 Thay vì nộp bài tập, tôi đã nộp nhầm tờ nhật ký.
- 7.2 Các bạn cùng nhà trọ cũng giống như người trong gia đình thôi mà.
- 7.3 Tôi lại thấy có lỗi hơn.
- 7.4 Người ta cũng biểu hiện sự biết lỗi bằng những cách khác.
- 7.5 Tổng kết nội dung.

8. Cuộc sống ở trường

- 8.1 Hãy cùng thảo luận nào.
- 8.2 Chúng ta cùng trao đổi ngôn ngữ nhé?
- 8.3 Không biết chừng lại tâm sự với bạn thân cũng nên.
- 8.4 Tôi muốn nhập học vào trường đại học ở Hàn Quốc.
- 8.5 Tổng kết nội dung.

9. Nhờ vả và từ chối

- 9.1 Xin lỗi nhưng tôi có thể nhờ bạn mua ít đồ uống được không?
- 9.2 Bạn có thể chụp hình giúp tôi được không?
- 9.3 Phải làm sao đây? Có vẻ hơi khó thật.
- 9.4 Hình như hơi phiền phức đấy.
- 9.5 Tổng kết nội dung.

10. Ngày hôm qua và ngày hôm nay

- 10.1 Tôi đã thường hay đi xem phim.
- 10.2 10 năm trước thì như thế nào nhỉ?
- 10.3 Nếu trước đây không đến Hàn Quốc thì giờ sẽ ra sao nhỉ?
- 10.4 Việc nhà thì đương nhiên rồi, nhưng nghe nói robot còn chăm sóc cả em bé nữa.
- 10.5 Tổng kết nội dung

6. Phương pháp giảng dạy

- Phương pháp thuyết trình;
- Phương pháp “Hỏi-Đáp”;
- Phương pháp “Làm việc nhóm”;

7. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Tham dự tối thiểu 80% số tiết học trên lớp.
- Thực hiện đầy đủ các bài tập nhóm/ bài tập và được đánh giá kết quả thực hiện.
- Tham dự kiểm tra giữa học kỳ.
- Tham dự thi kết thúc học phần.
- Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.

8. Tài liệu phục vụ cho học phần

8.1. Tài liệu bắt buộc

1. *Giáo trình Hankuko 3*, NXB Đại học Yeon Sei - Hàn Quốc, 2009.
2. *Giáo trình Hankuko 3*, NXB Đại học Quốc gia Seoul, Hàn Quốc, 1999.

8.2. Tài liệu tham khảo

1. *Giáo trình Hankuko 3*, NXB Đại học Sogang, Hàn Quốc.
2. *Giáo trình Sơ cấp 3*, NXB Đại học Kyung Hee, 2002.
3. Giáo trình tiếng Hàn tổng hợp dành cho người Việt Nam (Tập 3 - Trung cấp), NXB Quỹ giao lưu quốc tế Hàn Quốc, 2009.

9. Phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập

TT	Điểm thành phần	Hình thức đánh giá	Trọng số	CDR
1	Chuyên cần	Điểm danh và bài tập	20%	
2	Giữa kỳ	Bài kiểm tra giữa kỳ	30%	CDR tất cả các mục
3	Kết thúc học phần	Thi tự luận, thi trắc nghiệm, thi vấn đáp, bài tập lớn	50%	CDR tất cả các mục

Giảng viên
(Ký tên)



ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
Trường Đại học Ngoại ngữ
Khoa: Nhật – Hàn – Thái
Bộ môn: Tiếng Hàn

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Tên học phần:	Viết 4
Chương trình đào tạo:	Cử nhân tiếng Hàn
Người biên soạn:	Trần Thị Lan Anh
Ngày ban hành:	2017

1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: Viết 4
- Mã học phần: 4170823
- Số tín chỉ: 4 TC
- Loại học phần: bắt buộc
- Học phần tiên quyết:
 - + Sinh viên đã hoàn thành học phần Viết III.
 - + Nắm được các kỹ năng và kiến thức tích lũy từ học kỳ III.
 - + Sinh viên có một trình độ và vốn hiểu biết nhất định về ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp, đất nước học Hàn Quốc.
- Số giờ tín chỉ: 60, trong đó:
 - Lí thuyết : 60 tiết
 - Thực hành : 0 tiết

2. Thông tin về giảng viên: (cập nhật theo từng học kỳ)

Giảng viên:

- Họ và tên: Trần Thị Lan Anh
- Chức danh, học vị: Thạc sĩ
- Thời gian làm việc: Thứ 2, thứ 6 (8:00 - 11:00)
- Địa điểm làm việc: Khoa Nhật – Hàn - Thái
- Điện thoại: 0918 390930
- Email: orchidrung@yahoo.com

3. Chuẩn đầu ra

Chuẩn đầu ra 1 (Kiến thức)

- Nắm được kiến thức về ngữ pháp tiếng Hàn, vận dụng vào thực tế Nói, Viết.
- Sinh viên có kiến thức về các thể loại văn bản viết, các thành phần liên kết văn bản.

- Qua học phần Viết 4, sinh viên tiếp tục được nuôi dưỡng niềm yêu thích, ham mê học tiếng Hàn, yêu con người và đất nước, văn hóa Hàn Quốc.
- Nuôi dưỡng đức tính tự tin trong giao tiếp tiếng Hàn, cẩn thận, trung thực, ý thức trách nhiệm trong công việc, ý thức và đạo đức nghề nghiệp biên phiên dịch.

Chuẩn đầu ra 2 (Kỹ năng)

- Sử dụng thành thạo các thành phần liên kết văn bản, có khả năng phân tích cấu trúc của các thể loại văn bản chính thức, thể loại văn bản sáng tạo, thực hiện tương đối thành thạo các bước: chuẩn bị, thu thập dữ liệu, nội dung, làm dàn ý, tổ chức văn bản, viết đoạn, viết văn bản hoàn chỉnh.
- Viết thành thạo thư cá nhân, thư giao dịch, văn miêu tả, văn bình luận và đưa ra quan điểm cá nhân, viết được tóm tắt văn bản, tóm tắt kết quả buổi thảo luận.
- Sử dụng thành thạo các mẫu câu, các cách diễn đạt chuẩn mực trong văn phong tiếng Hàn. Có thể viết văn bản có độ dài 400-500 từ.
- Trên cơ sở rèn luyện viết ứng dụng ở học kỳ này chuẩn bị cho sinh viên kỹ thuật viết cơ bản cho môn thực hành biên phiên dịch ở các học kỳ sau.
- Kết thúc học phần, sinh viên đạt trình độ Viết tiếng Hàn 3/6 trung cấp 1 (Kỳ thi năng lực tiếng Hàn quốc tế - Topik).

Chuẩn đầu ra số 3 (Năng lực tự chủ và trách nhiệm) :

- Có năng lực lập kế hoạch làm việc hiệu quả
- Có khả năng thích nghi với môi trường làm việc năng động và áp lực cao.
- Trung thực, liêm chính, có tinh thần trách nhiệm cao trong mọi công việc được giao
- Có thái độ hành xử chuẩn mực, bảo đảm tính minh bạch và chịu trách nhiệm với thông tin được chuyển tải trong công tác biên phiên dịch.
- Luôn có ý thức học hỏi, trau dồi bồi dưỡng kiến thức chuyên môn, có tinh thần sáng tạo, luôn nỗ lực phấn đấu vươn lên để thành đạt trong sự nghiệp và cuộc sống.

4. Tóm tắt nội dung học phần (khoảng 150 từ)

Nội dung học phần này gồm có 10 bài với các chủ đề trọng tâm về đời sống sinh hoạt hàng ngày ở Hàn Quốc. Mỗi bài gồm có 5 đề mục nhỏ, mỗi đề mục nhỏ có từ 1 đến 2 điểm ngữ pháp mới, đề mục thứ 5 là phần tổng kết nội dung. Học phần này hướng dẫn sinh viên phương pháp học môn Viết 4, giải thích ngữ pháp nâng cao, chủ yếu là so sánh sự khác biệt và tình huống sử dụng của các hình thái kết đuôi câu danh từ, kết đuôi câu động từ, tính từ; hình thái cảm thán, câu đơn, câu ghép, các liên kết câu, liên kết từ, các cấu trúc ước đoán, mong ước, suy đoán, Đồng thời luyện kỹ năng Viết bình luận, phân tích, miêu tả về cuộc sống bản thân, cuộc sống xung quanh, các vấn đề trong cuộc sống hàng ngày, bàn luận về tính cách của con người, về văn hóa, về tri thức và xã hội, lễ hội, ngày lễ,

5. Nội dung chi tiết của học phần (tên các chương, mục, tiểu mục)

1. Cuộc sống của tôi

- 1.1 Sống một thời gian rồi cũng thích ứng dần.
- 1.2 Đó là người không khác gì cha mẹ tôi.
- 1.3 Hãy lập kế hoạch để không lãng phí thời gian.
- 1.4 Sống phải biết giúp đỡ người khác.
- 1.5 Tổng kết nội dung.

2. Tính cách của con người

- 2.1 Không biết là do nhút nhát hay sao mà ít nói quá.
- 2.2 Chỉ có trí tưởng tượng phong phú thôi thì làm được gì?
- 2.3 Nếu đã bắt tay vào làm việc thì sẽ làm tới cùng.
- 2.4 Không chịu nghe theo.
- 2.5 Tổng kết nội dung.

3. Vấn đề trong cuộc sống hàng ngày

- 3.1 Tôi muốn hoàn hảo.
- 3.2 Ôn ào như thế thì làm sao mà nghỉ ngơi được.
- 3.3 Ít ra cũng phải có thể ngủ được chứ.
- 3.4 Phải trả lại một nửa tiền thuê nhà chứ.
- 3.5 Tổng kết nội dung.

4. Văn hóa hiện đại Hàn Quốc

- 4.1 Đi karaoke để giải tỏa căng thẳng chứ?
- 4.2 Giờ đây tôi cũng đã quen với những món ăn nóng rồi.
- 4.3 Thật khó để hiểu câu đó nghĩa là gì.
- 4.4 Dù sẽ bận nhưng vẫn tham gia vào câu lạc bộ của những người cùng sở thích à?
- 4.5 Tổng kết nội dung.

5. Thời gian và sự thay đổi

- 5.1 Kỹ thuật mỗi ngày một phát triển.
- 5.2 Bây giờ nếu vợ chồng không cùng đi làm thì cuộc sống sẽ khó khăn nhiều.
- 5.3 Nghe nói vì camera giám sát mà nhiều người bị căng thẳng đấy.
- 5.4 Thường nếu ở lâu một chỗ thì không thể nhận ra sự thay đổi.
- 5.5 Tổng kết nội dung.

6. Tri thức và xã hội

- 6.1 Có thể phạm phải sai lầm bởi thông tin sai lệch.
- 6.2 Không phân biệt phim truyền hình hay là tin tức, tôi xem đủ cả.
- 6.3 Cảm giác như đang mặt đối mặt chuyện trò với nhau vậy.
- 6.4 Nếu đọc báo thì kiến thức chung sẽ trở nên phong phú hơn.
- 6.5 Tổng kết nội dung.

7. Sự mê tín
 - 7.1 Hễ tôi xem trận bóng đá nào thì trận đó mình lại thua.
 - 7.2 Không được viết tên bằng bút màu đỏ à?
 - 7.3 Thử vào cafe tử vì một lần không?
 - 7.4 Hôm nay tôi đã mơ một giấc mơ tốt.
 - 7.5 Tổng kết nội dung.

8. Sinh hoạt kinh tế
 - 8.1 Chúc mừng cô đã giành được giải thưởng tiết kiệm.
 - 8.2 Gửi tiết kiệm vào ngân hàng là tốt nhất.
 - 8.3 Tôi đã rất bối rối vì không thanh toán bằng thẻ tín dụng được.
 - 8.4 Nếu xem quảng cáo thì chắc chắn là muốn mua sản phẩm rồi.
 - 8.5 Tổng kết nội dung.

9. Ngày lễ và lễ hội
 - 9.1 Là lời cầu chúc nhận được nhiều phúc lành đầy mà.
 - 9.2 Đường cao tốc tấp nập xe cộ trong dịp Tết Trung thu.
 - 9.3 Tôi vừa đi dự lễ hội Tết Đoan Ngọ tổ chức ở Kangneung về.
 - 9.4 Hàn Quốc xem ra có nhiều ngày lễ trong tháng 5.
 - 9.5 Tổng kết nội dung.

10. Những người sống qua thời hiện đại
 - 10.1 Tôi trở nên có thói quen nhìn đồng hồ liên tục.
 - 10.2 Chủ nghĩa vật chất vạn năng đâu phải là việc của ngày hôm qua hay hôm nay đâu.
 - 10.3 Có lưu tâm đến thì ta có thể sống khoẻ mạnh.
 - 10.4 Giao tiếp bị gián đoạn thì sẽ có vấn đề xảy ra.
 - 10.5 Tổng kết nội dung.

6. Phương pháp giảng dạy

- Phương pháp thuyết trình;
- Phương pháp “Hỏi-Đáp”;
- Phương pháp “Làm việc nhóm”;

7. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Tham dự tối thiểu 80% số tiết học trên lớp.
- Thực hiện đầy đủ các bài tập nhóm/ bài tập và được đánh giá kết quả thực hiện.
- Tham dự kiểm tra giữa học kỳ.
- Tham dự thi kết thúc học phần.
- Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.

8. Tài liệu phục vụ cho học phần

8.1. Tài liệu bắt buộc

1. *Giáo trình Hankuko 4*, NXB Đại học Yeon Sei - Hàn Quốc, 2009.
2. *Giáo trình Hankuko 4*, NXB Đại học Quốc gia Seoul, Hàn Quốc, 1999.

8.2. Tài liệu tham khảo

1. *Giáo trình Hankuko 4*, NXB Đại học Sogang, Hàn Quốc.
2. *Giáo trình Sơ cấp 4*, NXB Đại học Kyung Hee, 2002.
3. Giáo trình tiếng Hàn tổng hợp dành cho người Việt Nam (Tập 4 - Trung cấp), NXB Quỹ giao lưu quốc tế Hàn Quốc, 2009.

9. Phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập

TT	Điểm thành phần	Hình thức đánh giá	Trọng số	CĐR
1	Chuyên cần	Điểm danh và bài tập	20%	
2	Giữa kỳ	Bài kiểm tra giữa kỳ	30%	CĐR tất cả các mục
3	Kết thúc học phần	Thi tự luận, thi trắc nghiệm, thi vấn đáp, bài tập lớn	50%	CĐR tất cả các mục

Giảng viên
(Ký tên)



ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
Trường Đại học Ngoại ngữ
Khoa: Nhật – Hàn – Thái
Bộ môn: Tiếng Hàn

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Tên học phần:	Viết 5
Chương trình đào tạo:	Cử nhân tiếng Hàn
Người biên soạn:	Trần Thị Lan Anh
Ngày ban hành:	2017

1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: Viết 5
- Mã học phần: 4170713
- Số tín chỉ: 3
- Loại học phần: bắt buộc
- Học phần tiên quyết:
 - + Sinh viên đã hoàn thành học phần Viết IV.
 - + Nắm được các kỹ năng và kiến thức tích lũy từ học kỳ IV.
 - + Sinh viên có một trình độ và vốn hiểu biết nhất định về ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp, đất nước học Hàn Quốc.
- Số giờ tín chỉ: 45, trong đó:
 - Lí thuyết : 45
 - Thực hành : 0

2. Thông tin về giảng viên: (cập nhật theo từng học kỳ)

Giảng viên:

- Họ và tên: Trần Thị Lan Anh
- Chức danh, học vị: Thạc sĩ
- Thời gian làm việc: Thứ 2, thứ 6 (8:00 - 11:00)
- Địa điểm làm việc: Khoa Nhật – Hàn - Thái
- Điện thoại: 0918 390930
- Email: orchidrung@yahoo.com

3. Chuẩn đầu ra

Chuẩn đầu ra 1 (Kiến thức)

- Hiểu và vận dụng kiến thức của văn ứng dụng trên cơ sở kỹ năng diễn đạt viết, từ viết lại nội dung, kể lại sự việc cho tới văn miêu tả, viết thư, ứng tác, ..của học kỳ trước.

- Trình độ từ viết đúng đến viết hay, kết hợp và hỗ trợ nâng cao các kỹ năng thực hành tiếng khác.
- Qua học phần Viết 5, sinh viên tiếp tục được nuôi dưỡng niềm yêu thích, ham mê học tiếng Hàn, yêu con người và đất nước, văn hóa Hàn Quốc.
- Nuôi dưỡng đức tính tự tin trong giao tiếp tiếng Hàn, cẩn thận, trung thực, ý thức trách nhiệm trong công việc, ý thức và đạo đức nghề nghiệp biên phiên dịch.

Chuẩn đầu ra 2 (Kỹ năng)

- Thành thạo các kỹ năng Viết IV, sử dụng từ theo đúng tình huống, viết bài văn hoàn chỉnh theo chủ điểm cho tới viết các giấy tờ hành chính, đơn từ giao dịch, hợp đồng kinh tế.
- Viết với vốn từ chuyên môn phong phú, giọng văn phù hợp với tính chất của văn bản, kết cấu bài viết ngắn gọn, súc tích, tư tưởng diễn đạt rõ ràng, mạch lạc. Nắm vững và sử dụng thành thạo các mẫu câu, các cách diễn đạt chuẩn mực trong văn phong tiếng Hàn. Có thể viết văn bản có độ dài 500-600 từ.
- Nắm được những kỹ năng viết bài cơ bản để các em tránh được những lỗi ngớ ngẩn trong đợt thực tập biên phiên dịch ở học kỳ 6.
- Kết thúc học phần, sinh viên đạt trình độ Viết tiếng Hàn 4/6 trung cấp 2 (Kỳ thi năng lực tiếng Hàn quốc tế - Topik).

Chuẩn đầu ra số 3 (Năng lực tự chủ và trách nhiệm) :

- Có năng lực lập kế hoạch làm việc hiệu quả
- Có khả năng thích nghi với môi trường làm việc năng động và áp lực cao.
- Trung thực, liêm chính, có tinh thần trách nhiệm cao trong mọi công việc được giao
- Có thái độ hành xử chuẩn mực, bảo đảm tính minh bạch và chịu trách nhiệm với thông tin được chuyển tải trong công tác biên phiên dịch.
- Luôn có ý thức học hỏi, trau dồi bồi dưỡng kiến thức chuyên môn, có tinh thần sáng tạo, luôn nỗ lực phấn đấu vươn lên để thành đạt trong sự nghiệp và cuộc sống.

4. Tóm tắt nội dung học phần (khoảng 150 từ)

Nội dung học phần này gồm có 10 bài với các chủ đề trọng tâm về đời sống sinh hoạt hàng ngày ở Hàn Quốc. Mỗi bài gồm có 5 đề mục nhỏ, mỗi đề mục nhỏ có từ 1 đến 2 điểm ngữ pháp mới, đề mục thứ 5 là phần tổng kết nội dung. Học phần này hướng dẫn sinh viên phương pháp học môn Viết 5, giải thích ngữ pháp nâng cao, chủ yếu là so sánh sự khác biệt và tình huống sử dụng của các hình thái kết đuôi câu danh từ, kết đuôi câu động từ, tính từ; hình thái cảm thán, câu đơn, câu ghép, các liên kết câu, liên kết từ, các cấu trúc ước đoán, mong ước, suy đoán, Đồng thời luyện kỹ năng Viết bình luận, phân tích, miêu tả, giấy tờ hành chính, đơn từ giao dịch, hợp đồng kinh tế,

5. Nội dung chi tiết của học phần (tên các chương, mục, tiểu mục)

1. Ngôn ngữ và sinh hoạt

- 1.1 Việc học tiếng Hàn
 - 1.2 Tiếng Hàn không khó mà rất dễ
 - 1.3 Tổng kết nội dung
2. Nghề nghiệp và công sở
 - 2.1 Quan điểm về nghề nghiệp
 - 2.2 Ở công sở
 - 2.3 Tổng kết nội dung
3. Sinh hoạt hàng ngày và văn hóa giải trí
 - 3.1 Sinh hoạt hàng ngày của người Hàn Quốc hiện đại
 - 3.2 Văn hóa giải trí của người hiện đại
 - 3.3 Tổng kết nội dung
4. Khoa học và kỹ thuật
 - 4.1 Internet và nhân loại
 - 4.2 Khoa học và tương lai
 - 4.3 Tổng kết nội dung
5. Sinh hoạt và kinh tế
 - 5.1 Chỉ tiêu hàng ngày
 - 5.2 Hoạt động kinh tế cá nhân
 - 5.3 Tổng kết nội dung
6. Văn hóa đại chúng và nghệ thuật
 - 6.1 Văn hóa đại chúng của Hàn Quốc
 - 6.2 Nghệ thuật truyền thống của Hàn Quốc
 - 6.3 Tổng kết nội dung
7. Truyền thống và sự thay đổi
 - 7.1 Sự thay đổi của gia đình
 - 7.2 Nghi lễ của Hàn Quốc
 - 7.3 Tổng kết nội dung
8. Cuộc sống và việc học tập
 - 8.1 Quan điểm giáo dục của người Hàn Quốc
 - 8.2 Học tập suốt đời
 - 8.3 Tổng kết nội dung
9. Tự nhiên và môi trường

- 9.1 Nhân loại và tự nhiên
- 9.2 Bảo vệ môi trường
- 9.3 Tổng kết nội dung

10. Cá nhân và cộng đồng

- 10.1 Tôi và những người hàng xóm
- 10.2 Tôi trong thế giới
- 10.3 Tổng kết nội dung

6. Phương pháp giảng dạy

- Phương pháp thuyết trình;
- Phương pháp “Hỏi-Đáp”;
- Phương pháp “Làm việc nhóm”;

7. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Tham dự tối thiểu 80% số tiết học trên lớp.
- Thực hiện đầy đủ các bài tập nhóm/ bài tập và được đánh giá kết quả thực hiện.
- Tham dự kiểm tra giữa học kỳ.
- Tham dự thi kết thúc học phần.
- Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.

8. Tài liệu phục vụ cho học phần

8.1. Tài liệu bắt buộc

1. Giáo trình *Hankuko 5*, NXB Đại học Yeon Sei - Hàn Quốc, 2009.

8.2. Tài liệu tham khảo

1. Giáo trình tiếng Hàn tổng hợp dành cho người Việt Nam (Tập 5 – Cao cấp), NXB Quỹ giao lưu quốc tế Hàn Quốc, 2009.
2. Giáo trình tiếng Hàn tổng hợp dành cho người Việt Nam (Tập 6 – Cao cấp), NXB Quỹ giao lưu quốc tế Hàn Quốc, 2009.

9. Phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập

TT	Điểm thành phần	Hình thức đánh giá	Trọng số	CĐR
1	Chuyên cần	Điểm danh và bài tập	20%	
2	Giữa kỳ	Bài kiểm tra giữa kỳ	30%	CĐR tất cả các mục
3	Kết thúc học phần	Thi tự luận, thi trắc nghiệm, thi vấn đáp, bài tập lớn	50%	CĐR tất cả các mục

Giảng viên
(Ký tên)



ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
Trường Đại học Ngoại ngữ
Khoa: Nhật – Hàn – Thái
Bộ môn: Tiếng Hàn

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Tên học phần: **Ngữ âm học tiếng Hàn**
Chương trình đào tạo: Chính quy
Người biên soạn: Nguyễn Ngọc Tuyền
Ngày ban hành: 2017

1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: Ngữ âm học tiếng Hàn
- Mã học phần: 4170743
- Số tín chỉ: 2 tc
- Loại học phần: Bắt buộc
- Học phần tiên quyết:
 - + Đã học xong học phần *Dẫn luận ngôn ngữ*, sinh viên có đủ kiến thức về ngôn ngữ và khả năng thực hành tiếng để tiếp thu kiến thức.
 - + Học xong các học phần thực hành tiếng Nghe 4, Viết 4, Đọc 4, Nói 4.
- Số giờ tín chỉ: 30, trong đó:
 - Lí thuyết : 30 tiết
 - Thực hành : 0 tiết

2. Thông tin về giảng viên:

Giảng viên:

- Họ và tên: Nguyễn Ngọc Tuyền
- Chức danh, học vị: Thạc sĩ
- Thời gian làm việc: Thứ 2, thứ 6 (8:00 - 11:00)
- Địa điểm làm việc: Khoa Nhật – Hàn – Thái
- Điện thoại: 0906 588 475
- Email: tchya1984@gmail.com

3. Chuẩn đầu ra

Chuẩn đầu ra 1 (Kiến thức)

- Có kiến thức về hệ thống lý luận văn tự và ngữ âm tiếng Hàn hiện đại.
- Có kiến thức về đặc điểm ngữ âm tiếng Hàn, âm tiết và cấu tạo của âm tiết, các hiện tượng biến âm như đồng hóa nguyên âm, đồng hóa phụ âm trong tiếng Hàn.

- Sinh viên có thể vận dụng tốt các kiến thức và kỹ năng trên vào thực tế hoạt động giao tiếp bằng lời nói cũng như khả năng cấu thành văn bản.
- Qua học phần Ngữ âm tiếng Hàn, sinh viên tiếp tục được nuôi dưỡng niềm yêu thích, ham mê học tiếng Hàn, yêu con người và đất nước, văn hóa Hàn Quốc.
- Nuôi dưỡng đức tính tự tin trong giao tiếp tiếng Hàn, cẩn thận, trung thực, ý thức trách nhiệm trong công việc, ý thức và đạo đức nghề nghiệp biên phiên dịch.

Chuẩn đầu ra 2 (Kỹ năng)

- Sinh viên có thể phát âm chuẩn xác các nguyên âm, phụ âm tiếng Hàn.
- Sinh viên có khả năng vận dụng chuẩn xác các quy tắc biến âm, điều chỉnh ngữ điệu trong các tình huống giao tiếp bằng tiếng Hàn.
- Có khả năng phân biệt được sự khác biệt trong phát âm giữa những nguyên âm, phụ âm tương đương trong tiếng Việt và tiếng Hàn.
- Có khả năng tự chỉnh sửa những lỗi phát âm sai thành đúng để nói tiếng Hàn chính xác và tự nhiên hơn nhằm phục vụ mục đích giao tiếp và phiên dịch sau này.
- Củng cố và nâng cao kỹ năng thực hành tiếng.

Chuẩn đầu ra số 3 (Năng lực tự chủ và trách nhiệm) :

- Có năng lực lập kế hoạch làm việc hiệu quả
- Có khả năng thích nghi với môi trường làm việc năng động và áp lực cao.
- Trung thực, liêm chính, có tinh thần trách nhiệm cao trong mọi công việc được giao
- Có thái độ hành xử chuẩn mực, bảo đảm tính minh bạch và chịu trách nhiệm với thông tin được chuyển tải trong công tác biên phiên dịch.
- Luôn có ý thức học hỏi, trau dồi bồi dưỡng kiến thức chuyên môn, có tinh thần sáng tạo, luôn nỗ lực phấn đấu vươn lên để thành đạt trong sự nghiệp và cuộc sống.

4. Tóm tắt nội dung học phần (khoảng 150 từ)

Học phần này sẽ cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về ngữ âm học tiếng Hàn. Cụ thể, sinh viên sẽ học về hệ thống lý luận trong việc sáng tạo bộ chữ cái Hangul (văn tự Hàn), những đặc điểm về âm vị, âm tố, siêu phân tiết âm trong tiếng Hàn... Đặc biệt, trong hệ thống phụ âm, nguyên âm của tiếng Việt và tiếng Hàn có những âm tố tuy hơi giống nhau về âm thanh phát ra nhưng cách thức phát âm lại không hoàn toàn giống nhau. Do sinh viên chưa nhận thức đầy đủ về phương thức phát âm của những âm tố này nên thường phát âm theo kiểu tiếng Việt khiến các âm phát ra không chuẩn xác. Học phần sẽ giúp sinh viên khắc phục điều này bằng cách giải thích chi tiết cách thức phát âm của từng âm vị, cũng như những quy tắc biến âm trong quá trình phát âm tiếng Hàn.

5. Nội dung chi tiết của học phần (tên các chương, mục, tiểu mục)

1. Lý thuyết về ngữ âm học tiếng Hàn

- 1.1 Hệ thống lý luận trong việc sáng tạo nên bộ chữ Hangeul
- 1.2 Các khái niệm cơ bản về ngữ âm học tiếng Hàn
- 1.3 Hệ thống nguyên âm trong tiếng Hàn
- 1.4 Hệ thống phụ âm trong tiếng Hàn
- 1.5 Âm tiết và cấu tạo âm tiết tiếng Hàn
- 1.6 Khái quát về các hiện tượng biến âm trong tiếng Hàn
2. Thực hành về ngữ âm học tiếng Hàn
 - 2.1 Hiện tượng âm căng hóa
 - 2.2 Hiện tượng âm mũi hóa
 - 2.3 Hiện tượng âm lưu hóa
 - 2.4 Hiện tượng thêm vào của nieun (ㄴ첨가)
3. Thực hành về ngữ điệu trong văn nói tiếng Hàn
 - 3.1 Ngữ điệu cao thấp và nhịp phách trong tiếng Hàn
 - 3.2 Ngữ điệu trong câu tường thuật, câu nghi vấn, câu cầu khiến, câu cảm than
 - 3.3 Sự thay đổi ý nghĩa câu tùy theo ngữ điệu
4. Luyện tập
 - 4.1 Luyện đọc diễn cảm
 - 4.2 Phát biểu

6. Phương pháp giảng dạy

- Phương pháp thuyết trình;
- Phương pháp “Hỏi-Đáp”;
- Phương pháp “Làm việc nhóm”;

7. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Tham dự tối thiểu 80% số tiết học trên lớp.
- Thực hiện đầy đủ các bài tập nhóm/ bài tập và được đánh giá kết quả thực hiện.
- Tham dự kiểm tra giữa học kỳ.
- Tham dự thi kết thúc học phần.
- Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.

8. Tài liệu phục vụ cho học phần

8.1. Tài liệu bắt buộc

1. *Ngữ pháp tiếng Hàn dành cho người nước ngoài 1*, Viện nghiên cứu ngôn ngữ, 2005
2. *Phát âm tiếng Hàn dành cho người nước ngoài 47, Tập 1-2*, Trung tâm đào tạo ngôn ngữ Trường Đại học Seoul, 2009

8.2. Tài liệu tham khảo

1. *Phương pháp giảng dạy tiếng Hàn*, Taehaksa, 2005
2. *Giảng dạy phát âm tiếng Hàn*, HOLLYM Elizabeth NJ. Seoul, 2003
3. *Phát âm trong tiếng Hàn*, Bae Joo Chae, Samgyeongmunhwasa, 2003
4. *Tài liệu trên Internet: www.naver.com*

9. Phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập

TT	Điểm thành phần	Hình thức đánh giá	Trọng số	CĐR
1	Chuyên cần	Điểm danh và bài tập	20%	
2	Giữa kỳ	Bài kiểm tra giữa kỳ	30%	CĐR tất cả các mục
3	Kết thúc học phần	Thi tự luận, thi trắc nghiệm, thi vấn đáp, bài tập lớn	50%	CĐR tất cả các mục

Giảng viên
(Ký tên)



ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
Trường Đại học Ngoại ngữ
Khoa: Nhật – Hàn – Thái
Bộ môn: Tiếng Hàn Quốc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Tên học phần:	Từ vựng học tiếng Hàn
Chương trình đào tạo:	Chính quy
Người biên soạn:	Hoàng Phan Thanh Nga
Ngày ban hành:	2017

1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: Từ vựng học tiếng Hàn
- Mã học phần: 4170763
- Số tín chỉ: 2TC
- Loại học phần: bắt buộc
- Học phần tiên quyết:
 - + Sinh viên đã học xong các học phần của học kỳ V chương trình đại học chuyên ngữ tiếng Hàn.
 - + Có khả năng nghe hiểu và viết tốt, có vốn từ vựng nhất định để có thể lĩnh hội kiến thức.
 - + Có vốn hiểu biết cơ bản về ngôn ngữ học nói chung và tiếng Việt nói riêng để có thể so sánh, đối chiếu ngôn ngữ.
- Số giờ tín chỉ: 30, trong đó:
 - Lí thuyết : 30 tiết
 - Thực hành : 0 tiết

2. Thông tin về giảng viên: (cập nhật theo từng học kỳ)

Giảng viên:

- Họ và tên: Hoàng Phan Thanh Nga
- Chức danh, học vị: thạc sĩ
- Thời gian làm việc: Thứ 2, thứ 6 (8:00 - 11:00)
- Địa điểm làm việc: Khoa Nhật – Hàn - Thái
- Điện thoại: 0908 437 548
- Email: hptnga@gmail.com

3. Chuẩn đầu ra

Chuẩn đầu ra 1 (Kiến thức)

- Nắm kiến thức cơ sở về hệ thống từ vựng tiếng Hàn, nắm chắc các đơn vị cơ bản của từ vựng, sự phân loại và mối quan hệ giữa chúng.
- Nắm vững tính chất nghĩa của từ, cấu tạo nghĩa của từ, phân tích nghĩa của từ, mối liên hệ giữa các nghĩa của từ đa nghĩa, nghĩa của các từ trong một trường ngữ nghĩa,
- Hoàn thiện kiến thức về tiếng Hàn hiện đại.
- Nắm kiến thức phương pháp luận cơ bản trong nghiên cứu ngôn ngữ Hàn, đặc biệt là mảng từ vựng tiếng Hàn.
- Nhận thức rõ vị trí quan trọng của môn học trong tổng thể bộ môn Lý thuyết tiếng và mối quan hệ của nó với học phần Ngữ âm và học phần Ngữ pháp tiếng Hàn.
- Qua học phần Từ vựng tiếng Hàn, sinh viên tiếp tục được nuôi dưỡng niềm yêu thích, ham mê học tiếng Hàn, yêu con người và đất nước, văn hóa Hàn Quốc.
- Nuôi dưỡng đức tính tự tin trong giao tiếp tiếng Hàn, cẩn thận, trung thực, ý thức trách nhiệm trong công việc, ý thức và đạo đức nghề nghiệp biên phiên dịch.

Chuẩn đầu ra 2 (Kỹ năng)

- Có khả năng tự đánh giá, phát hiện lỗi sai và tự chỉnh sửa, nâng cao kiến thức về từ vựng, ngữ nghĩa của từ, ... đã được học trong 5 học kỳ trước đó.
- Sinh viên có khả năng hiểu được và vận dụng từ vựng, nghĩa của từ đúng trong các ngữ cảnh khác nhau.
- Có khả năng lựa chọn từ ngữ thích hợp với nội dung và sắc thái biểu cảm, tăng cường khả năng biểu đạt trong giao tiếp.
- Củng cố và nâng cao khả năng thực hành tiếng.

Chuẩn đầu ra số 3 (Năng lực tự chủ và trách nhiệm) :

- Có năng lực lập kế hoạch làm việc hiệu quả
- Có khả năng thích nghi với môi trường làm việc năng động và áp lực cao.
- Trung thực, liêm chính, có tinh thần trách nhiệm cao trong mọi công việc được giao
- Có thái độ hành xử chuẩn mực, bảo đảm tính minh bạch và chịu trách nhiệm với thông tin được chuyển tải trong công tác biên phiên dịch.
- Luôn có ý thức học hỏi, trau dồi bồi dưỡng kiến thức chuyên môn, có tinh thần sáng tạo, luôn nỗ lực phấn đấu vươn lên để thành đạt trong sự nghiệp và cuộc sống.

4. Tóm tắt nội dung học phần (khoảng 150 từ)

- Các khái niệm cơ bản về cấu tạo câu, danh từ, đại từ, số từ, định ngữ, phó từ, trợ từ trong tiếng Hàn.
- Chức năng, hình thái cấu trúc và quá trình hình thành từ.
- Tính chất nghĩa của từ và cấu tạo nghĩa của từ.
- Tính chất và cấu tạo của từ đồng nghĩa, phản nghĩa.

- Từ đơn nghĩa, từ đa nghĩa trong tiếng Hàn.

5. Nội dung chi tiết của học phần (tên các chương, mục, tiểu mục)

1. Từ vựng
 - 1.1 Từ vựng là gì?
 - 1.2 Tiểu hình thái là gì?
 - 1.3 Phân biệt từ vựng và tiểu hình thái.
2. Cấu tạo từ
 - 2.1 Từ đơn
 - 2.2 Từ ghép
 - 2.2.1 Từ hợp tính
 - 2.2.2 Từ phái sinh
3. Loại từ (1)
 - 3.1 Danh từ
 - 3.2 Đại từ
 - 3.3 Số từ
 - 3.4 Trợ từ
4. Loại từ (2)
 - 4.1 Động từ
 - 4.2 Tính từ
5. Loại từ (2)
 - 5.1 Định từ
 - 5.2 Phụ từ
 - 5.3 Cảm thán từ
6. Ngữ nghĩa học từ vựng
 - 6.1. Từ đơn nghĩa
 - 6.2. Từ đa nghĩa
 - 6.3. Từ đồng âm
7. Trường ngữ nghĩa
 - 7.1. Từ đồng nghĩa
 - 7.2. Từ trái nghĩa

6. Phương pháp giảng dạy

- Phương pháp thuyết trình;
- Phương pháp “Hỏi-Đáp”;

- Phương pháp “Làm việc nhóm”;

7. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Tham dự tối thiểu 80% số tiết học trên lớp.
- Thực hiện đầy đủ các bài tập nhóm/ bài tập và được đánh giá kết quả thực hiện.
- Tham dự kiểm tra giữa học kỳ.
- Tham dự thi kết thúc học phần.
- Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.

8. Tài liệu phục vụ cho học phần

8.1. Tài liệu bắt buộc

- *Ngữ pháp luận tiếng Hàn*, nhà xuất bản Mun-chip-Tang, 2007.
- *Giáo trình tự soạn*.

8.2. Tài liệu tham khảo

1. *Từ điển Hàn – Việt, Việt – Hàn*.
2. *Ngữ pháp tiếng Hàn dành cho người nước ngoài 1*, Viện nghiên cứu ngôn ngữ, 2005
3. *Giáo dục ngữ pháp tiếng Hàn*, NXB 태학사, 2008.

Tài liệu trên Internet:

- Từ điển điện tử www.dic.naver.com

9. Phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập

TT	Điểm thành phần	Hình thức đánh giá	Trọng số	CDR
1	Chuyên cần	Điểm danh và bài tập	20%	
2	Giữa kỳ	Bài kiểm tra giữa kỳ	30%	CDR tất cả các mục
3	Kết thúc học phần	Thi tự luận, thi trắc nghiệm, thi vấn đáp, bài tập lớn	50%	CDR tất cả các mục

Giảng viên
(Ký tên)



ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
Trường Đại học Ngoại ngữ
Khoa: Nhật – Hàn – Thái
Bộ môn: Tiếng Hàn

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Tên học phần: **HÁN TỰ**
Chương trình đào tạo: Cử nhân tiếng Hàn
Người biên soạn: Trần Thị Lan Anh
Ngày ban hành: 2017

1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: Hán tự
- Mã học phần: 4170893
- Số tín chỉ: 2 TC
- Loại học phần: bắt buộc
- Học phần tiên quyết:
 - Sinh viên đã học hết chương trình của học kỳ VI chương trình đại học chuyên ngành
 - Số giờ tín chỉ: 30, trong đó:
 - Lí thuyết : 30 tiết
 - Thực hành : 0 tiết

2. Thông tin về giảng viên:

Giảng viên:

- Họ và tên: Trần Thị Lan Anh
- Chức danh, học vị: Thạc sĩ
- Thời gian làm việc: Thứ 2 – Thứ 6 (8:00 - 16:00)
- Địa điểm làm việc: Khoa nhật – Hàn - Thái
- Điện thoại: 0918 390 930
- Email: orchidrung@yahoo.com

3. Chuẩn đầu ra

Chuẩn đầu ra 1 (Kiến thức)

- Hiểu và sử dụng được vốn Hán tự nhất định để phục vụ cho công tác nghiên cứu các lĩnh vực văn chương, văn hóa, lịch sử, nghệ thuật ... của Hàn Quốc.
- Thuộc lòng một lượng từ chữ Hán liên quan đến số đếm, ngày tháng, phương hướng, lượng lớn nhỏ, thân thể, thể giới, gia đình, thời gian, tự nhiên, mùa màng, màu sắc, tình cảm, và từ phản nghĩa.
- Qua học phần Hán tự, sinh viên tiếp tục được nuôi dưỡng niềm yêu thích, ham mê học tiếng Hàn, yêu con người và đất nước, văn hóa Hàn Quốc.
- Nuôi dưỡng đức tính tự tin trong giao tiếp, trong dịch thuật tiếng Hàn.

-

Chuẩn đầu ra 2 (Kỹ năng)

- Đọc và viết được các từ Hán tự liên quan đến số đếm, ngày tháng, phương hướng, lượng lớn nhỏ, thân thể, thể giới, gia đình, thời gian, tự nhiên, mùa màng, màu sắc, tình cảm, và từ phản nghĩa.
- Hiểu nghĩa của các từ Hán tự trên và vận dụng được trong văn viết.
- Phân biệt một số từ chữ Hán đồng âm nhưng khác nghĩa, khác cách viết.

Chuẩn đầu ra số 3 (Năng lực tự chủ và trách nhiệm) :

- Có năng lực lập kế hoạch làm việc hiệu quả
- Có khả năng thích nghi với môi trường làm việc năng động và áp lực cao.
- Trung thực, liêm chính, có tinh thần trách nhiệm cao trong mọi công việc được giao
- Có thái độ hành xử chuẩn mực, bảo đảm tính minh bạch và chịu trách nhiệm với thông tin được chuyển tải trong công tác biên phiên dịch.
- Luôn có ý thức học hỏi, trau dồi bồi dưỡng kiến thức chuyên môn, có tinh thần sáng tạo, luôn nỗ lực phấn đấu vươn lên để thành đạt trong sự nghiệp và cuộc sống.

4. Tóm tắt nội dung học phần

- Phương pháp viết chữ Hán
- Nghĩa của chữ Hán trong tiếng Hàn
- Đọc và viết, hiểu nghĩa các từ Hán liên quan đến số đếm, ngày tháng, phương hướng, lượng lớn nhỏ, thân thể, thể giới, gia đình, thời gian, tự nhiên, mùa màng, màu sắc, tình cảm, và từ phản nghĩa.
- Thành ngữ, tục ngữ tiếng Hàn bằng chữ Hán.

5. Nội dung chi tiết của học phần

Bài 1 : Số đếm

Bài 2 : Ngày tháng

Bài 3: Phương hướng

Bài 4: Số lượng

Bài 5: Thân thể

Bài 6: Thể giới

Bài 7: Gia đình

Bài 8: Thời gian

Bài 9: Tự nhiên

Bài 10: Mùa màng

Bài 11: Màu sắc

Bài 12: Tình cảm

Bài 13: Từ phản nghĩa.

Bài 14: Quán dụng ngữ Hán tự.

Tuần	Chủ đề	Nội dung chi tiết
Tuần 1	숫자	一, 二, 三, 四, 五, 六, 七, 八, 九, 十, 百, 千 한자성어: 삼삼오오, 작심삼일

Tuần 2	날짜	年, 月, 日, 生, 火, 水, 木, 金, 土, 中, 休 한자성어: 십중팔구, 칠전팔기
Tuần 3	방향	方, 向, 東, 西, 南, 北, 大, 文, 山, 車, 星 한자성어: 마이동풍, 동분서주
Tuần 4	크기(부피, 넓이, 양)	小, 高, 低, 少, 多, 上, 下 한자성어: 다다익선
Tuần 5	신체	耳, 目, 口, 鼻, 人, 自, 身, 手, 足 한자성어: 이목구비
Tuần 6	세계	世, 界, 文, 化, 言, 語, 學, 英, 美, 外, 國, 內
Tuần 7	가족 1	家, 族, 男, 女, 父, 母, 兄, 弟 한자성어: 부전자전, 동고동락
Tuần 8	가족 2	夫, 婦, 心, 同, 體, 祖, 子, 孫 한자성어: 부부일심동체, 이심전심
Tuần 9	시간	時, 間, 午, 前, 後, 週, 初, 末 平, 來, 今, 現, 在, 古, 代
Tuần 10	반대어 1	反, 左, 右, 死, 公, 私, 有, 無, 非, 不, 幸 한자성어: 연중무휴, 유비무환, 신토불이
Tuần 11	반대어 2	強, 弱, 貧, 富, 新, 舊, 老, 可, 能, 力, 異 한자성어: 동상이몽, 약육강식
Tuần 12	자연	然, 川, 天, 地, 海, 山, 花, 草, 木, 風, 雨, 石, 田 한자성어: 인산인해, 산천초목, 일석이조
Tuần 13	계절	春, 夏, 秋, 冬, 立, 夕 한자성어: 춘하추동, 동충하초
Tuần 14	색깔	色, 白, 黑, 靑, 紅, 赤, 黃, 綠, 各 한자성어: 홍일점/청일점, 각인각색, 청산유수
Tuần 15	관용어, 고사성어, 감정	感, 情, 善, 惡, 親, 友, 念, 好

6. Phương pháp giảng dạy

- Phương pháp thuyết trình;
- Phương pháp “Hỏi-Đáp”;
- Phương pháp “Làm việc nhóm”;

7. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Tham dự tối thiểu 80% số tiết học trên lớp.
- Thực hiện đầy đủ các bài tập nhóm/ bài tập và được đánh giá kết quả thực hiện.
- Tham dự kiểm tra giữa học kỳ.
- Tham dự thi kết thúc học phần.
- Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.

8. Tài liệu phục vụ cho học phần

8.1. Tài liệu bắt buộc

Giáo trình tự soạn.

8.2. Tài liệu tham khảo

8.3. Tài liệu trên Internet:

www.naver.com

www.google.com

www.youtube.com

<http://www.korean.go.kr/hangeul/cpron/main.htm>

http://rki.kbs.co.kr/learn_korean/lessons/e_index.htm#

<http://www.indiana.edu/~koreanrs/hangul.html>

9. Phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập

TT	Điểm thành phần	Hình thức đánh giá	Trọng số	CDR
1	Chuyên cần	Điểm danh và bài tập	20%	
2	Giữa kỳ	Bài kiểm tra giữa kỳ	30%	CDR tất cả các mục
3	Kết thúc học phần	Thi tự luận, thi trắc nghiệm, thi vấn đáp, bài tập lớn	50%	CDR tất cả các mục

Giảng viên

(Ký tên)



ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
Trường Đại học Ngoại ngữ
Khoa: Nhật – Hàn – Thái
Bộ môn: Tiếng Hàn

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Tên học phần: **Văn học Hàn Quốc**
Chương trình đào tạo: **Cử nhân tiếng Hàn**
Người biên soạn: **Trần Thị Lan Anh**
Ngày ban hành: **2017**

1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: Văn học Hàn Quốc
- Mã học phần: 4171733
- Số tín chỉ: 3 TC
- Loại học phần: bắt buộc
- Học phần tiên quyết:
 - + Sinh viên đã được trang bị một vốn kiến thức cơ bản về đất nước học, đặc biệt là về ngôn ngữ, các kỹ năng thực hành tiếng.
 - + Sinh viên phải có khả năng nghe – hiểu, đọc – hiểu tốt.
- Số giờ tín chỉ: 45, trong đó:
 - Lí thuyết : 45 tiết
 - Thực hành : 0 tiết

2. Thông tin về giảng viên: (Cập nhật theo từng học kỳ)

Giảng viên:

- Họ và tên: Trần Thị Lan Anh
- Chức danh, học vị: Thạc sĩ
- Thời gian làm việc: Thứ 2, thứ 6 (8:00 - 11:00)
- Địa điểm làm việc: Khoa Nhật – Hàn - Thái
- Điện thoại: 0918 390930
- Email: orchidrung@yahoo.com

3. Chuẩn đầu ra

Chuẩn đầu ra 1 (Kiến thức)

- Hiểu được những kiến thức về quá trình lịch sử phát triển của dân tộc Hàn trong lĩnh vực văn học.

- Đọc và tìm hiểu, phát hiện, thưởng thức những nét đẹp trong nghệ thuật ngôn từ và tâm hồn của dân tộc Hàn hàm chứa trong các danh tác văn học cổ truyền, và văn học hiện đại.
- Hiểu được những kiến thức cơ bản về các thể loại văn học Hàn Quốc, được đọc và phân tích các tác phẩm tiêu biểu của các tác giả tiêu biểu của các thời kỳ trong kho tàng văn học Hàn Quốc.
- Bồi dưỡng vốn tri thức toàn diện về ngôn ngữ và văn hóa Hàn Quốc.
- Hiểu thêm về tính cách, phẩm chất của con người và dân tộc Hàn thông qua việc đọc và phân tích, bình giảng các tác phẩm văn học, sinh viên có thể.
- Khả năng phân tích, bình giảng, bình luận, viết cảm nghĩ về tác phẩm, tác giả, hoặc về sự kiện xã hội, sự kiện lịch sử Hàn Quốc.
- Củng cố và nâng cao kỹ năng thực hành tiếng.

Chuẩn đầu ra 2 (Kỹ năng)

- Trong học phần này, thông qua việc đọc và phân tích, bình giảng các tác phẩm văn học, sinh viên có thể hiểu thêm về tính cách, phẩm chất của con người và dân tộc Hàn.
- Sinh viên có khả năng phân tích, bình giảng, bình luận, viết cảm nghĩ về tác phẩm, tác giả, hoặc về sự kiện xã hội, sự kiện lịch sử Hàn Quốc.
- Củng cố và nâng cao kỹ năng thực hành tiếng.

Chuẩn đầu ra số 3 (Năng lực tự chủ và trách nhiệm) :

- Có năng lực lập kế hoạch làm việc hiệu quả
- Có khả năng thích nghi với môi trường làm việc năng động và áp lực cao.
- Trung thực, liêm chính, có tinh thần trách nhiệm cao trong mọi công việc được giao
- Có thái độ hành xử chuẩn mực, bảo đảm tính minh bạch và chịu trách nhiệm với thông tin được chuyển tải trong công tác biên phiên dịch.
- Luôn có ý thức học hỏi, trau dồi bồi dưỡng kiến thức chuyên môn, có tinh thần sáng tạo, luôn nỗ lực phấn đấu vươn lên để thành đạt trong sự nghiệp và cuộc sống.

4. Tóm tắt nội dung học phần (khoảng 150 từ)

Nội dung học phần này gồm có 5 chương, mỗi chương gồm có các bài nhỏ. Trong mỗi bài đề cập đến các kiến thức cơ bản như: Các giai đoạn của văn học Hàn Quốc; Các thể loại văn học tiêu biểu, đặc sắc mang đậm tính dân tộc; Các trào lưu văn học với sự hình thành, thăng hoa và suy tàn của chúng; Các tác gia, tác phẩm tiêu biểu đại diện cho các thời kỳ;

5. Nội dung chi tiết của học phần (tên các chương, mục, tiểu mục)

1. Văn học cổ điển Hàn Quốc

- 1.1 Văn học truyền miệng.
- 1.2 Tiểu thuyết Hán văn
- 1.3 Tiểu thuyết quốc văn

- 1.4 Tổng kết nội dung
- 2. Văn học trước và sau thời kỳ Choson
 - 2.1 Văn học trước thời kỳ Choson
 - 2.1.1 Đặc trưng và thể loại.
 - 2.1.2 Văn học tự sự.
 - 2.1.3 ‘Kim ngao tân thoại’
 - 2.2 Văn học sau thời kỳ Choson
 - 2.2.1 Đặc trưng và thể loại.
 - 2.2.2 ‘콩쥐팍쥐전’
 - 2.2.3 ‘홍길동전’
 - 2.2.4 ‘춘향전’
 - 2.3 Tổng kết nội dung.
- 3. Văn học cận đại
 - 3.1 Văn học thời kỳ khai hóa.
 - 3.1.1 Đặc trưng và thể loại
 - 3.1.2 신소설 ‘자유종’
 - 3.1.3 ‘금수회의록’
 - 3.2 Thời kỳ sơ khai của văn học hiện đại (1908-1920)
 - 3.2.1 Đặc trưng và thể loại
 - 3.2.2 이광수의 ‘무정’
 - 3.3 Tổng kết nội dung.
- 4. Văn học những năm 1930-1945
 - 4.1 Văn học những năm 1930
 - 4.1.1 Đặc trưng và thể loại
 - 4.1.2 Thơ của Kim Yong Ran
 - 4.1.3 채만식의 ‘탁류’, 현진건의 ‘무영탑’, 강경애의 ‘인간문제’.
 - 4.2 Văn học từ năm 1930 – 1945

- 4.2.1 Đặc trưng và thể loại
- 4.2.2 Thể loại văn học 신경향파.
- 4.2.3 Thể loại văn học chủ nghĩa xã hội.
- 4.2.4 Thể loại văn học hiện thực
- 4.2.5 Văn học nông dân.
- 4.2.6 최서해의 ‘기아와살육’, 김정환의 ‘사하촌’, 박영준의 ‘모범경작생’.
- 4.2.7 현진건의 ‘운수좋은날’.

4.3 Văn học sau 15.8

- 4.3.1 Bối cảnh hình thành.
- 4.3.2 Đặc trưng.

6. Phương pháp giảng dạy

- Phương pháp thuyết trình;
- Phương pháp “Hỏi-Đáp”;
- Phương pháp “Làm việc nhóm”;

7. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Tham dự tối thiểu 80% số tiết học trên lớp.
- Thực hiện đầy đủ các bài tập nhóm/ bài tập và được đánh giá kết quả thực hiện.
- Tham dự kiểm tra giữa học kỳ.
- Tham dự thi kết thúc học phần.
- Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.

8. Tài liệu phục vụ cho học phần

8.1. Tài liệu bắt buộc

1. Giáo trình tự soạn.

8.2. Tài liệu tham khảo

1. Nhập môn văn học Hàn Quốc, Nguyễn Long Châu, Khoa Đông Phương, ĐHKHXH&NV Tp.HCM
2. Tương đồng văn hóa Việt Nam – Hàn Quốc, nhiều tác giả, khoa Ngữ văn, ĐHKHXH&NV Hà Nội.
3. Tuyển tập bình các bài thơ nổi tiếng Hàn Quốc, Che Hae Man, NXB Daewonsa, 1998.
4. Tuyển tập văn học Hàn Quốc (1, 2, 3, 4). Hội nghiên cứu tiểu thuyết văn học Hàn Quốc.
5. Kim So Won và 135 tác giả, Shin She Hyun biên soạn.
6. Tìm hiểu về truyện ngắn nổi tiếng Hàn Quốc (1, 2, 3), Kim Yu Kyu biên soạn, Chonglo Sochok.
7. Tuyển tập truyện ngắn hay Hàn Quốc (Thượng-Trung-Hạ), Chip Hyon Chon, ĐH Seoul

8. Tuyển tập truyện ngắn hay Hàn Quốc (1, 2, 3, 4, 5, 6), KulKil Munhaksa.
9. Danh tác Hàn Quốc, Kim Dong In, NXB Doso, Kyongwonkak.
10. Tìm hiểu về danh thi Hàn Quốc, Kwon Ung, NXB Doso

9. Phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập

TT	Điểm thành phần	Hình thức đánh giá	Trọng số	CDR
1	Chuyên cần	Điểm danh và bài tập	20%	
2	Giữa kỳ	Bài kiểm tra giữa kỳ	30%	CDR tất cả các mục
3	Kết thúc học phần	Thi tự luận, thi trắc nghiệm, thi vấn đáp, bài tập lớn	50%	CDR tất cả các mục

Giảng viên
(Ký tên)



ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
Trường Đại học Ngoại ngữ
Khoa: Nhật – Hàn – Thái
Bộ môn: Tiếng Hàn

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Tên học phần: **Văn hóa văn minh Hàn Quốc**
Chương trình đào tạo: Cử nhân tiếng Hàn
Người biên soạn: Trần Thị Lan Anh
Ngày ban hành: 2017

1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: Văn hóa văn minh Hàn Quốc
- Mã học phần: 4171743
- Số tín chỉ: 2 TC
- Loại học phần: bắt buộc
- Học phần tiên quyết: Sinh viên có đủ năng lực thực hành tiếng để lĩnh hội và trình bày các tri thức về văn hóa văn minh Hàn theo chủ ý và hiểu biết của bản thân.
- Số giờ tín chỉ: 30, trong đó:
 - Lí thuyết : 30 tiết
 - Thực hành : 0 tiết

2. Thông tin về giảng viên:

Giảng viên:

- Họ và tên: Trần Thị Lan Anh
- Chức danh, học vị: Thạc sĩ
- Thời gian làm việc: Thứ 2 – Thứ 6 (7:00 - 17:00)
- Địa điểm làm việc: Khoa Nhật – Hàn - Thái
- Điện thoại: 0918 390930
- Email: orchidrung@yahoo.com

3. Chuẩn đầu ra

3.1 Chuẩn đầu ra 1 (Kiến thức)

- Hiểu và phát biểu được những kiến thức tổng quát về lịch sử hình thành và phát triển của đất nước Hàn Quốc, các kiến thức về đất nước, con người Hàn Quốc, đặc biệt là về kinh tế, chính trị, xã hội, văn hóa nghệ thuật.
- Hiểu và phát biểu được những kiến thức tổng quát về kinh tế, chính trị, xã hội, văn hóa nghệ thuật của Hàn Quốc.

3.2 Chuẩn đầu ra 2 (Kỹ năng)

- Vận dụng được các từ vựng thuộc các lĩnh vực kinh tế, chính trị, xã hội, văn hóa nghệ thuật... vào trong các kỹ năng Nghe, Nói, Viết.
- So sánh và phân tích được sự giống và khác nhau giữa văn hóa, lịch sử, con người Việt Nam và Hàn Quốc.

3.3 Chuẩn đầu ra số 3 (Năng lực tự chủ và trách nhiệm) :

- Có năng lực lập kế hoạch làm việc hiệu quả
- Có khả năng thích nghi với môi trường làm việc năng động và áp lực cao.
- Trung thực, liêm chính, có tinh thần trách nhiệm cao trong mọi công việc được giao
- Có thái độ hành xử chuẩn mực, bảo đảm tính minh bạch và chịu trách nhiệm với thông tin được chuyển tải trong công tác biên phiên dịch.
- Luôn có ý thức học hỏi, trau dồi bồi dưỡng kiến thức chuyên môn, có tinh thần sáng tạo, luôn nỗ lực phấn đấu vươn lên để thành đạt trong sự nghiệp và cuộc sống.

4. Tóm tắt nội dung học phần (khoảng 150 từ)

Nội dung học phần này gồm có 7 bài với các chủ đề trọng tâm về văn hóa văn minh, lịch sử Hàn Quốc. Mỗi bài gồm có các đề mục nhỏ, và phần tổng kết nội dung cuối bài. Học phần này hướng dẫn sinh viên tìm hiểu lịch sử, đặc trưng văn tự và ngôn ngữ Hàn, văn hóa Hàn theo từng thời kỳ lịch sử, tôn giáo, lễ nghi, nghệ thuật và âm nhạc truyền thống Hàn Quốc.

5. Nội dung chi tiết của học phần (tên các chương, mục, tiểu mục)

Bài 1: LỊCH SỬ HÀN QUỐC

- 1.1. Lịch sử Cổ Choson
- 1.2. Lịch sử Choson
- 1.3. Hậu kỳ Choson
- 1.4. Lịch sử Cận hiện đại
- 1.5. Tổng kết nội dung.

Bài 2: VĂN TỰ VÀ NGÔN NGỮ HÀN

- 2.1. Sự liên quan giữa văn hóa và ngôn ngữ
- 2.2. Đặc trưng của chữ Hàn.
- 2.3. Đặc điểm của tiếng Hàn Quốc.
- 2.4. Tổng kết nội dung.

Bài 3: ĐẶC TRƯNG VĂN HÓA HÀN THEO TỪNG THỜI KỲ LỊCH SỬ

- 3.1. Đặc trưng văn hóa Hàn thời đại Tam Quốc
- 3.2. Đặc trưng văn hóa Hàn thời đại Koroyo
- 3.3. Đặc trưng văn hóa Hàn thời đại Choson
- 3.4. Tổng kết nội dung

Bài 4: YẾU TỐ VĂN HÓA HÀN PHẢN ÁNH TRONG CỔ TÍCH VÀ THẦN THOẠI

- 4.1. Phân tích yếu tố văn hóa trong thần thoại lập quốc ‘단군신화’
- 4.2. Phân tích yếu tố văn hóa trong thần thoại lập quốc ‘주몽신화’
- 4.3. Phân tích yếu tố văn hóa trong truyện cổ tích ‘콩쥐팍쥐’, so sánh với Cinderella.
- 4.4. Tổng kết nội dung.

Bài 5: TRIẾT HỌC, TÔN GIÁO VÀ LỄ NGHI HÀN QUỐC

- 5.1. Triết học Hàn Quốc.
- 5.2. Tôn giáo Hàn Quốc.
- 5.3. Lễ nghi sinh hoạt của người Hàn Quốc.
- 5.4. Tổng kết nội dung.

Bài 6: ÂM NHẠC VÀ NGHỆ THUẬT TRUYỀN THỐNG HÀN QUỐC

- 6.1. Nhạc cụ và âm nhạc truyền thống Hàn Quốc.
- 6.2. Nghệ thuật biểu diễn truyền thống Hàn Quốc
- 6.3. Tổng kết nội dung.

Bài 7: HIỆN TƯỢNG VĂN HÓA LIÊN QUAN ĐẾN ĐỊA LÝ, GIAO THÔNG VÀ MÔI TRƯỜNG

- 7.1. Hiện tượng văn hóa thay đổi do phát triển giao thông
- 7.2. Hiện tượng văn hóa khu vực.
- 7.3. Tổng kết nội dung.

6. Phương pháp giảng dạy

- Phương pháp thuyết trình;
- Phương pháp “Hỏi-Đáp”;
- Phương pháp “Làm việc nhóm”;

7. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Tham dự tối thiểu 80% số tiết học trên lớp.
- Thực hiện đầy đủ các bài tập nhóm/ bài tập và được đánh giá kết quả thực hiện.
- Tham dự kiểm tra giữa học kỳ.
- Tham dự thi kết thúc học phần.
- Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.

8. Tài liệu phục vụ cho học phần

8.1 Tài liệu bắt buộc

1. Giáo trình tự biên soạn.
2. Giáo trình Văn hóa Hàn Quốc, Park Yong Sun, NXB Hyon Am, 2008.

8.2 Tài liệu tham khảo

- 1) Hàn Quốc, đất nước và con người, Cục thông tin Hải ngoại Hàn Quốc
- 2) Tương đồng văn hóa Việt Nam – Hàn Quốc, nhiều tác giả, Khoa Ngữ văn, Đại học KHXH&NV Hà Nội

3) *Introduction to Korean history and culture*, Andrew. C. Nahm

9. Phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập

TT	Điểm thành phần	Hình thức đánh giá	Trọng số	CĐR
1	Chuyên cần	Điểm danh và bài tập	20%	
2	Giữa kỳ	Bài kiểm tra giữa kỳ	30%	CĐR tất cả các mục
3	Kết thúc học phần	Thi tự luận, thi trắc nghiệm, thi vấn đáp, bài tập lớn	50%	CĐR tất cả các mục

Giảng viên
(Ký tên)



ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
Trường Đại học Ngoại ngữ
Khoa: Nhật – Hàn – Thái
Bộ môn: Tiếng Hàn

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Tên học phần: **Tiếng Hàn thương mại**
Chương trình đào tạo: Chính quy
Người biên soạn: Nguyễn Ngọc Tuyền
Ngày ban hành: 2017

1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: Tiếng Hàn thương mại
- Mã học phần: 4170913
- Số tín chỉ: 2 TC
- Loại học phần: Tự chọn
- Học phần tiên quyết:
 - + Sinh viên đã học xong các học phần thực hành tiếng.
- Số giờ tín chỉ: 30, trong đó:
 - Lý thuyết : 30 tiết
 - Thực hành : 0 tiết

2. Thông tin về giảng viên: (cập nhật theo từng học kỳ)

Giảng viên:

- Họ và tên: Nguyễn Ngọc Tuyền
- Chức danh, học vị: Thạc sĩ
- Thời gian làm việc: Thứ hai, thứ sáu (8:00 - 11:00)
- Địa điểm làm việc: Khoa Nhật – Hàn – Thái
- Điện thoại: 0906 588 475
- Email: tchya1984@gmail.com

3. Mục tiêu học phần

3.1 Chuẩn đầu ra 1 (Kiến thức)

- Học thuộc và hiểu được khoảng 250 từ vựng tiếng Hàn chuyên ngành kinh tế thương mại.
- Áp dụng được những mẫu câu, cách hành văn Nói và Viết sử dụng trong môi trường kinh tế, công ty doanh nghiệp .

3.2 Chuẩn đầu ra 2 (Kỹ năng)

- Viết được sơ yếu lý lịch, giới thiệu bản thân bằng tiếng Hàn.
- Soạn thảo e-mail công việc, điện thoại công việc, phát biểu, thảo luận, hội nghị bằng tiếng Hàn.
- Thực hành lập kế hoạch làm việc, kế hoạch học tập hoặc hoạch định chiến lược kinh tế thương mại.
- Nghe và thực hành dịch được đoạn hội thoại dài từ 250 - 300 chữ có liên quan đến chủ đề kinh tế, thương mại.

Chuẩn đầu ra số 3 (Năng lực tự chủ và trách nhiệm) :

- Có năng lực lập kế hoạch làm việc hiệu quả
- Có khả năng thích nghi với môi trường làm việc năng động và áp lực cao.
- Trung thực, liêm chính, có tinh thần trách nhiệm cao trong mọi công việc được giao
- Có thái độ hành xử chuẩn mực, bảo đảm tính minh bạch và chịu trách nhiệm với thông tin được chuyển tải trong công tác biên phiên dịch.
- Luôn có ý thức học hỏi, trau dồi bồi dưỡng kiến thức chuyên môn, có tinh thần sáng tạo, luôn nỗ lực phấn đấu vươn lên để thành đạt trong sự nghiệp và cuộc sống.

4. Tóm tắt nội dung học phần (khoảng 150 từ)

Học phần sẽ cung cấp cho sinh viên vốn từ tiếng Hàn chuyên môn được sử dụng nhiều trong lĩnh vực thương mại, kinh tế. Đồng thời, sinh viên sẽ được làm quen với những cấu trúc câu, những cách thức thể hiện hoặc diễn đạt ý kiến của bản thân trong môi trường công ty thực tế. Một phần chính trong nội dung học phần là các hoạt động trên lớp gắn gũi với những trường hợp thực tế xảy ra trong môi trường công ty để sinh viên có cơ hội thực tập thảo luận, trình bày ý kiến bằng tiếng Hàn. Song song với nội dung học tập sẽ là những bài đọc tham khảo để sinh viên hiểu được văn hóa công sở cũng như phong cách làm việc trong công ty Hàn Quốc. Từ đó, sinh viên sẽ có những sự liên tưởng, đối chiếu với Việt Nam và rút ra những kinh nghiệm cho bản thân mình.

5. Nội dung chi tiết của học phần (tên các chương, mục, tiểu mục)

1. Tìm việc
2. Giới thiệu bản thân
3. Phỏng vấn xin việc
4. Các bộ phận trong công ty và công việc cụ thể
5. Hợp trong công ty
6. Email công việc
7. Quản lý chất lượng sản phẩm
8. Nêu ra những điểm không hài lòng về sản phẩm
9. Điện thoại công việc
10. Phát triển sản phẩm mới
11. Quảng cáo
12. Điều tra thị trường
13. Thương hiệu
14. Bảo hiểm
15. Nghề nghiệp tương lai

6. Phương pháp giảng dạy

- Phương pháp thuyết trình;
- Phương pháp “Hỏi-Đáp”;
- Phương pháp “Làm việc nhóm”.

7. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Tham dự tối thiểu 80% số tiết học trên lớp.
- Thực hiện đầy đủ các bài tập nhóm/ bài tập và được đánh giá kết quả thực hiện.
- Tham dự kiểm tra giữa học kỳ.
- Tham dự thi kết thúc học phần.
- Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.

8. Tài liệu phục vụ cho học phần

8.1. Tài liệu bắt buộc

1. *Tiếng Hàn thương mại – Business Korean*, Trung tâm ngôn ngữ Hàn Quốc Trường Đại học Yonsei, 2009

8.2. Tài liệu tham khảo

1. *Tiếng Hàn thương mại – Con đường thành công*, Trường Đại học Nữ Ehwa, 2010

2. *Từ điển kinh tế Sok Sok*, Medio Group, 2009

3. Tài liệu trên Internet: www.naver.com

9. Phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập

TT	Điểm thành phần	Hình thức đánh giá	Trọng số	CDR
1	Chuyên cần	Điểm danh và bài tập	20%	
2	Giữa kỳ	Bài kiểm tra giữa kỳ	30%	CDR tất cả các mục
3	Kết thúc học phần	Thi tự luận, thi trắc nghiệm, thi vấn đáp, bài tập lớn	50%	CDR tất cả các mục

Giảng viên

(Ký tên)



ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
Trường Đại học Ngoại ngữ
Khoa: Nhật – Hàn – Thái
Bộ môn: tiếng Hàn Quốc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Tên học phần: **Tiếng Hàn thư kí văn phòng**
Chương trình đào tạo: Chính quy
Người biên soạn: Hoàng Phan Thanh Nga
Ngày ban hành: 2017

1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: Tiếng Hàn thư kí văn phòng
- Mã học phần: 4170843
- Số tín chỉ: 2 TC
- Loại học phần: bắt buộc
- Học phần tiên quyết:
 - + Sinh viên đã học xong học phần thực hành tiếng, có khả năng thực hành tiếng tốt.
 - + Sinh viên đã có chứng chỉ tin học đại cương.
- Số giờ tín chỉ: 30, trong đó:
 - Lí thuyết : 30 tiết
 - Thực hành : 0 tiết

2. Thông tin về giảng viên: (cập nhật theo từng học kỳ)

Giảng viên:

- Họ và tên: Hoàng Phan Thanh Nga
- Chức danh, học vị: Thạc sĩ
- Thời gian làm việc: Thứ hai, thứ 6 (8:00 - 11:00)
- Địa điểm làm việc: Khoa Nhật – Hàn - Thái
- Điện thoại: 0908 437 548
- Email: hptnga@gmail.com

3. Chuẩn đầu ra

3.1 Chuẩn đầu ra 1 (Kiến thức)

- Nêu được các thuật ngữ Tiếng Hàn hay được sử dụng trong tin học, soạn thảo hợp đồng, các thuật ngữ về các công việc văn phòng trong công ty.
- Nêu được chức năng của các phòng ban trong công ty.
- Liệt kê được các thứ tự xử lý công việc khi nghe điện thoại, đón tiếp khách...

3.2 Chuẩn đầu ra 2 (Kỹ năng)

- Xử lý được các tình huống diễn ra trong công ty liên quan đến nghiệp vụ thư ký.
- Thực hành biên dịch được các văn bản về hợp đồng, giấy tờ liên quan.
- Thực hành thông dịch được các đoạn hội thoại theo tình huống.
- Xây dựng, thiết kế được lịch trình, kế hoạch làm việc, văn bản... hoàn chỉnh thông qua word và excel.

Chuẩn đầu ra số 3 (Năng lực tự chủ và trách nhiệm) :

- Có năng lực lập kế hoạch làm việc hiệu quả
- Có khả năng thích nghi với môi trường làm việc năng động và áp lực cao.
- Trung thực, liêm chính, có tinh thần trách nhiệm cao trong mọi công việc được giao
- Có thái độ hành xử chuẩn mực, bảo đảm tính minh bạch và chịu trách nhiệm với thông tin được chuyển tải trong công tác biên phiên dịch.
- Luôn có ý thức học hỏi, trau dồi bồi dưỡng kiến thức chuyên môn, có tinh thần sáng tạo, luôn nỗ lực phấn đấu vươn lên để thành đạt trong sự nghiệp và cuộc sống.

4. Tóm tắt nội dung học phần (khoảng 150 từ)

Nội dung học phần này có 15 bài, đề cập đến giới thiệu các loại máy móc văn phòng bằng tiếng Hàn, hệ thống quản lý và sơ đồ tổ chức của 1 công ty, thuật ngữ văn phòng, các phép tắc chào hỏi, tiếp khách, viếng thăm trong môi trường công sở, và hướng dẫn sinh viên cách đánh máy theo font chữ Hàn.

5. Nội dung chi tiết của học phần (tên các chương, mục, tiểu mục)

1. Máy móc văn phòng và văn phòng phẩm.
2. Các phòng ban trong công ty
3. Hệ thống quản lý trong công ty
4. Thuật ngữ dùng trong công ty
5. Giấy tờ, tài liệu trong công ty
6. Nghi thức chào hỏi trong công ty
7. Nghi thức giới thiệu, ra mắt
8. Nghi thức tiếp khách và thăm viếng
9. Kính ngữ dùng trong nơi công sở.
10. Nghi thức nhận và gọi điện thoại
11. Fax và email
12. Hồ sơ lý lịch
13. Thư tự giới thiệu về bản thân
14. Thực hành viết lý lịch và tự giới thiệu bản thân.
15. Cách đánh máy vi tính theo font chữ Hàn.

6. Phương pháp giảng dạy

- Phương pháp thuyết trình;

- Phương pháp “Hỏi-Đáp”;
- Phương pháp “Làm việc nhóm”.

7. **Nhiệm vụ của sinh viên:**

- Tham dự tối thiểu 80% số tiết học trên lớp.
- Thực hiện đầy đủ các bài tập nhóm/ bài tập và được đánh giá kết quả thực hiện.
- Tham dự kiểm tra giữa học kỳ.
- Tham dự thi kết thúc học phần.
- Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.

8. **Tài liệu phục vụ cho học phần**

8.1. Tài liệu bắt buộc

Giao trình tự soạn

8.2. Tài liệu tham khảo

1. Các tài liệu thu thập từ các công ty Hàn Quốc ở trong nước và ở Hàn Quốc.
2. Tài liệu trên Internet:

- Từ điển điện tử www.naver.com

9. **Phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập**

TT	Điểm thành phần	Hình thức đánh giá	Trọng số	CĐR
1	Chuyên cần	Điểm danh và bài tập	20%	
2	Giữa kỳ	Bài kiểm tra giữa kỳ	30%	CĐR tất cả các mục
3	Kết thúc học phần	Thi tự luận, thi trắc nghiệm, thi vấn đáp, bài tập lớn	50%	CĐR tất cả các mục

Giảng viên
(Ký tên)



ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
Trường Đại học Ngoại ngữ
Khoa: Nhật – Hàn – Thái
Bộ môn: Tiếng Hàn Quốc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Tên học phần: **Tiếng Hàn khoa học kỹ thuật**
Chương trình đào tạo: Chính quy
Người biên soạn: Hoàng Phan Thanh Nga
Ngày ban hành: 2017

1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: Tiếng Hàn khoa học kỹ thuật
- Mã học phần: 4170903
- Số tín chỉ: 2 TC
- Loại học phần: bắt buộc
- Học phần tiên quyết:
 - + Sinh viên đã học xong các học phần thực hành tiếng, có khả năng thực hành tiếng tốt.
 - + Sinh viên có vốn từ cơ bản về khoa học kỹ thuật, đặc biệt hiểu được một số từ ngữ chuyên ngành căn bản.
- Số giờ tín chỉ: 30, trong đó:
 - Lí thuyết : 30 tiết
 - Thực hành : 0 tiết

2. Thông tin về giảng viên: (cập nhật theo từng học kỳ)

Giảng viên:

- Họ và tên: Hoàng Phan Thanh Nga
- Chức danh, học vị: thạc sĩ
- Thời gian làm việc: Thứ hai, thứ 6 (8:00 - 11:00)
- Địa điểm làm việc: Khoa Nhật – Hàn - Thái
- Điện thoại: 0908 437 548
- Email: hptnga@gmail.com

3. Chuẩn đầu ra:

3.1 Chuẩn đầu ra 1 (Kiến thức)

- Tích lũy và học thuộc được khoảng 250 từ vựng về lĩnh vực khoa học kỹ thuật, cơ khí, dây chuyền sản xuất, cấu tạo máy, hệ thống máy móc, v.v..
- Nắm được văn phong Viết trong khoa học kỹ thuật.

- Đọc hiểu được một số văn bản liên quan đến: quản lý sản xuất, kế hoạch sản xuất, tiêu chuẩn sản xuất, xuất nhập kho, quản lý chất lượng QC, qui trình bảo dưỡng máy móc, vận hành một số loại máy móc, v.. v.. .
- Nhận thức và học tập được thái độ làm việc cẩn thận, tỉ mỉ và chính xác của công nhân và quản lý người Hàn trong bộ phận sản xuất của các công ty, hoặc tập đoàn doanh nghiệp lớn.

3.2 Chuẩn đầu ra 2 (Kỹ năng)

- Hiểu và vận dụng vốn từ chuyên ngành khoa học kỹ thuật về cơ khí, sản xuất, hệ thống máy móc, chế độ bảo dưỡng, v... v... vào trong các bài thực hành dịch nói tình huống.
- Biên dịch được các văn bản như quản lý sản xuất, kế hoạch sản xuất, tiêu chuẩn sản xuất, xuất nhập kho, quản lý chất lượng QC, qui trình bảo dưỡng máy móc, vận hành một số loại máy móc, v.. v.. . từ Hàn sang Việt.

3.3 Chuẩn đầu ra số 3 (Năng lực tự chủ và trách nhiệm) :

- Có năng lực lập kế hoạch làm việc hiệu quả
- Có khả năng thích nghi với môi trường làm việc năng động và áp lực cao.
- Trung thực, liêm chính, có tinh thần trách nhiệm cao trong mọi công việc được giao
- Có thái độ hành xử chuẩn mực, bảo đảm tính minh bạch và chịu trách nhiệm với thông tin được chuyển tải trong công tác biên phiên dịch.
- Luôn có ý thức học hỏi, trau dồi bồi dưỡng kiến thức chuyên môn, có tinh thần sáng tạo, luôn nỗ lực phấn đấu vươn lên để thành đạt trong sự nghiệp và cuộc sống.

4. Tóm tắt nội dung học phần (khoảng 150 từ)

Nội dung học phần bao gồm các văn bản được thu thập từ bộ phận sản xuất của các công ty, doanh nghiệp, tập đoàn Hàn Quốc ở trong nước cũng như ở Hàn Quốc như các văn bản của bộ phận quản lý sản xuất, kế hoạch sản xuất, văn bản bộ phận quản lý chất lượng, tiêu chuẩn sản xuất, xuất nhập kho, quản lý chất lượng QC, qui trình bảo dưỡng máy móc, vận hành một số loại máy móc, v.. v.. .

5. Nội dung chi tiết của học phần (tên các chương, mục, tiểu mục)

2. Kế hoạch sản xuất năm, tháng, tuần, ngày.
3. Tiêu chuẩn sản xuất các mặt hàng: điện tử, dệt may, vi tính, ..
4. Văn bản xuất nhập hàng hóa
5. Văn bản quản lý chất lượng QC.
6. Cấu tạo của máy CNC
7. Qui trình vận hành máy CNC
8. Quy trình bảo dưỡng máy CNC
9. Tổng kết nội dung.

- 6. Phương pháp giảng dạy**
- Phương pháp thuyết trình;
 - Phương pháp “Hỏi-Đáp”;
 - Phương pháp “Làm việc nhóm.
- 7. Nhiệm vụ của sinh viên:**
- Tham dự tối thiểu 80% số tiết học trên lớp.
 - Thực hiện đầy đủ các bài tập nhóm/ bài tập và được đánh giá kết quả thực hiện.
 - Tham dự kiểm tra giữa học kỳ.
 - Tham dự thi kết thúc học phần.
 - Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.
- 8. Tài liệu phục vụ cho học phần**
- 8.1. Tài liệu bắt buộc**
- Giao trình tự soạn*
- 8.2. Tài liệu tham khảo**
1. Các tài liệu thu thập từ các công ty Hàn Quốc trong nước và ở Hàn Quốc.
 2. Tài liệu trên Internet:
 - Từ điển điện tử www.naver.com

9. Phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập

TT	Điểm thành phần	Hình thức đánh giá	Trọng số	CDR
1	Chuyên cần	Điểm danh và bài tập	20%	
2	Giữa kỳ	Bài kiểm tra giữa kỳ	30%	CDR tất cả các mục
3	Kết thúc học phần	Thi tự luận, thi trắc nghiệm, thi vấn đáp, bài tập lớn	50%	CDR tất cả các mục

Giảng viên
(Ký tên)



ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
Trường Đại học Ngoại ngữ
Khoa: Nhật – Hàn – Thái
Bộ môn: Tiếng Hàn

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Tên học phần: **Tiếng Hàn du lịch**
Chương trình đào tạo: Chính quy
Người biên soạn: Nguyễn Ngọc Tuyền
Ngày ban hành: 2017

1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: Tiếng Hàn du lịch
- Mã học phần: 4170833
- Số tín chỉ: 2 TC
- Loại học phần: Tự chọn
- Học phần tiên quyết:
 - + Sinh viên đã học xong các học phần thực hành tiếng, có khả năng thực hành tiếng tốt.
- Số giờ tín chỉ: 30, trong đó:
 - Lý thuyết : 30 tiết
 - Thực hành : 0 tiết

2. Thông tin về giảng viên : (cập nhật theo từng học kì)

Giảng viên:

- Họ và tên: Nguyễn Ngọc Tuyền
- Chức danh, học vị: Thạc sĩ
- Thời gian làm việc: Thứ hai, thứ 6 (8:00 - 11:00)
- Địa điểm làm việc: Khoa Nhật – Hàn – Thái
- Điện thoại: 0906 588 475
- Email: tchya1984@gmail.com

3. Chuẩn đầu ra:

3.1 Chuẩn đầu ra 1 (Kiến thức)

- Hiểu và phát biểu được cái khái niệm liên quan đến chuyên ngành du lịch.
- Học thuộc và hiểu được khoảng 250 từ vựng có liên quan đến chuyên ngành du lịch .

3.2 Chuẩn đầu ra 2 (Kỹ năng)

- Phân tích và thiết kế được một chương trình du lịch.

- Hội thoại được các đoạn hội thoại ngắn về các tình huống diễn ra khi dẫn khách.
- Thực hành dịch được các bài giới thiệu về các địa điểm du lịch trong nước.
- Tổng hợp và so sánh các kiến thức về văn hóa, đất nước, con người giữa Việt Nam và Hàn Quốc thông qua các bài giảng du lịch.

3.2 Chuẩn đầu ra số 3 (Năng lực tự chủ và trách nhiệm) :

- Có năng lực lập kế hoạch làm việc hiệu quả
- Có khả năng thích nghi với môi trường làm việc năng động và áp lực cao.
- Trung thực, liêm chính, có tinh thần trách nhiệm cao trong mọi công việc được giao
- Có thái độ hành xử chuẩn mực, bảo đảm tính minh bạch và chịu trách nhiệm với thông tin được chuyển tải trong công tác biên phiên dịch.
- Luôn có ý thức học hỏi, trau dồi bồi dưỡng kiến thức chuyên môn, có tinh thần sáng tạo, luôn nỗ lực phấn đấu vươn lên để thành đạt trong sự nghiệp và cuộc sống.

4. Tóm tắt nội dung học phần (khoảng 150 từ)

Hiện nay, sinh viên Việt Nam nói chung thường bị thiếu hoặc hỏng đối với mảng kiến thức chung về văn hóa, lịch sử, xã hội... Chính vì vậy, khi đối thoại với người nước ngoài, sinh viên thường bị lúng túng khi bắt gặp những câu hỏi không nằm trong những nội dung các em đã được học ở trường. Học phần Tiếng Hàn du lịch sẽ phần nào giúp sinh viên nắm được những điểm cơ bản về lịch sử, văn hóa, xã hội Việt Nam... để các em có kiến thức nền cần thiết cho công việc hướng dẫn du lịch. Ngoài ra, học phần này còn giới thiệu cho các em các loại hình du lịch hay cách để tiếp cận những thông tin đáng tin cậy rất cần thiết trong quá trình lên tour du lịch cho đoàn. Qua học phần này, sinh viên có thể tự mình tìm hiểu những thông tin cần thiết để hỗ trợ cho việc hướng dẫn du lịch thực tế.

5. Nội dung chi tiết của học phần (tên các chương, mục, tiểu mục)

- Chương Một: Về lịch sử, văn hóa, xã hội Việt Nam
 - 1.1 Văn hóa Việt Nam qua góc nhìn du lịch
 - 1.2 Lịch sử Việt Nam qua góc nhìn du lịch
 - 1.3 Xã hội Việt Nam qua góc nhìn du lịch
- Hướng dẫn xây dựng tour du lịch
 - 2.1 Các loại hình du lịch
 - 2.2 Các xây dựng một tour du lịch
 - 2.3 Phân tích một tour du lịch mẫu
 - 2.4 Công việc của hướng dẫn viên du lịch
- Thực hành giới thiệu về các địa danh du lịch ở Việt Nam

6. Phương pháp giảng dạy

- Phương pháp thuyết trình;
- Phương pháp “Hỏi-Đáp”;

- Phương pháp “Làm việc nhóm”.
- 7. **Nhiệm vụ của sinh viên:**
 - Tham dự tối thiểu 80% số tiết học trên lớp.
 - Thực hiện đầy đủ các bài tập nhóm/ bài tập và được đánh giá kết quả thực hiện.
 - Tham dự kiểm tra giữa học kỳ.
 - Tham dự thi kết thúc học phần.
 - Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.

8. Tài liệu phục vụ cho học phần

8.1 Tài liệu bắt buộc

1. *Tìm về bản sắc văn hóa Việt Nam*, Trần Ngọc Thêm, 1997
2. *Lịch sử cổ đại Việt Nam*, Đào Duy Anh, 2005

8.2 Tài liệu tham khảo

1. *Hàn Quốc, đất nước và con người*, Korea Foundation, 2006
2. Tài liệu trên Internet:
 - <http://www.fairtravelkorea.com/>
 - <http://cafe.daum.net/doanhnhaxahoi>

9. Phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập

TT	Điểm thành phần	Hình thức đánh giá	Trọng số	CDR
1	Chuyên cần	Điểm danh và bài tập	20%	
2	Giữa kỳ	Bài kiểm tra giữa kỳ	30%	CDR tất cả các mục
3	Kết thúc học phần	Thi tự luận, thi trắc nghiệm, thi vấn đáp, bài tập lớn	50%	CDR tất cả các mục

Giảng viên
(Ký tên)



ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
Trường Đại học Ngoại ngữ
Khoa: Nhật – Hàn – Thái
Bộ môn: Tiếng Hàn

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Tên học phần: **Thực hành dịch viết Hàn – Việt 1**
Chương trình đào tạo: Cử nhân tiếng Hàn
Người biên soạn: Đỗ Thị Quỳnh Hoa
Ngày ban hành: 2017

1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: Thực hành dịch viết Hàn – Việt 1
 - Mã học phần: 4171713
 - Số tín chỉ: 2 TC
 - Loại học phần: bắt buộc
- Học phần tiên quyết:
- + Sinh viên đã học xong các học phần thực hành tiếng.
 - + Sinh viên có một trình độ và vốn hiểu biết nhất định về từ vựng, ngữ pháp, đất nước học Hàn Quốc.
- Số giờ tín chỉ: 30 tiết
 - Lí thuyết : 30 tiết
 - Thực hành : 0 tiết

2. Thông tin về giảng viên:

Giảng viên:

- Họ và tên: Đỗ Thị Quỳnh Hoa
- Chức danh, học vị: Thạc sĩ
- Thời gian làm việc: Thứ hai, thứ sáu (8:00 - 11:00)
- Địa điểm làm việc: Khoa Nhật – Hàn – Thái, Trường Đại học Ngoại Ngữ - Đại học Đà Nẵng.
- Điện thoại: 0987 297 135
- Email: dothiquynhhoa87@gmail.com

3. Chuẩn đầu ra

3.1 Chuẩn đầu ra 1 (Kiến thức)

- Biên dịch, chuyển dịch ý chuẩn xác từ nội dung dễ đến khó với các chủ đề đa dạng như: văn hóa, kinh tế, thể thao, cách nghĩ, du lịch, quảng cáo, v.v.. . trên cơ sở những kiến thức thực hành tiếng đã tích lũy trong các học kỳ trước.
- Tích lũy và vận dụng được vốn từ vựng và thuật ngữ chuyên ngành về mọi lĩnh vực trên vào các văn bản dịch.
- Biết thêm được nhiều loại văn phong, nhiều loại văn bản, công văn, giấy tờ đa dạng.
- Tăng cường tích lũy được vốn hiểu biết toàn diện trên nhiều lĩnh vực: kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội...

3.2 Chuẩn đầu ra 2 (Kỹ năng)

- Vận dụng được các kiến thức ngữ pháp, từ vựng đã học để thực hành biên dịch các văn bản trong quá trình học, chuyển dịch ý của người viết từ ngôn ngữ Hàn sang ngôn ngữ Việt phù hợp với văn phong, văn hóa của người Việt.
- Hình thành được kỹ năng tóm tắt ý chính cần dịch.
- Rèn luyện được khả năng lựa chọn từ ngữ, cấu trúc ngữ pháp, cú câu phù hợp với sắc thái ý nghĩa, phù hợp với nội dung và văn phong Viết của văn bản, nâng cao năng lực diễn đạt ý sát với ý đồ của người viết.
- Nhận biết được văn phong Viết và văn phong Nói.

3.3 Chuẩn đầu ra số 3 (Năng lực tự chủ và trách nhiệm) :

- Có năng lực lập kế hoạch làm việc hiệu quả
- Có khả năng thích nghi với môi trường làm việc năng động và áp lực cao.
- Trung thực, liêm chính, có tinh thần trách nhiệm cao trong mọi công việc được giao
- Có thái độ hành xử chuẩn mực, bảo đảm tính minh bạch và chịu trách nhiệm với thông tin được chuyển tải trong công tác biên phiên dịch.
- Luôn có ý thức học hỏi, trau dồi bồi dưỡng kiến thức chuyên môn, có tinh thần sáng tạo, luôn nỗ lực phấn đấu vươn lên để thành đạt trong sự nghiệp và cuộc sống.

4. Tóm tắt nội dung học phần

- Học phần Thực hành dịch viết Hàn - Việt 1 tập trung vào kỹ năng biên dịch các bài ngắn với chủ đề sinh hoạt thường ngày và một số vấn đề chung của xã hội.
- Giáo viên thu tập tư liệu từ một số giáo trình tiếng Hàn, báo, tạp chí và thường xuyên cập nhật thông tin trên mạng, trên đài phát thanh, truyền hình, các báo cáo khoa học, chuyên đề để cung cấp cho sinh viên những tư liệu mới nhất và sát với thực tế.

5. Nội dung chi tiết của học phần

1. Biên dịch và thông dịch
2. Sức khỏe
3. Lối suy nghĩ
4. Văn hóa đại chúng
5. Du lịch
6. Quảng cáo

7. Kinh tế và cuộc sống
8. Văn hóa
9. Xã hội
10. Thể thao

6. Phương pháp giảng dạy

- Phương pháp thuyết trình;
- Phương pháp “Hỏi-Đáp”;
- Phương pháp “Làm việc nhóm”.

7. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Tham dự tối thiểu 80% số tiết học trên lớp.
- Thực hiện đầy đủ các bài tập nhóm/ bài tập và được đánh giá kết quả thực hiện.
- Tham dự kiểm tra giữa học kỳ.
- Tham dự thi kết thúc học phần.
- Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.

8. Tài liệu phục vụ cho học phần

8.1. Tài liệu bắt buộc

1. Giáo trình tự biên soạn.
2. Từ điển Hàn – Việt, Từ điển Việt – Hàn thông dụng

8.2. Tài liệu tham khảo

1. Giáo trình tiếng Hàn tổng hợp dành cho người Việt (Tập 5), NXB Quỹ giao lưu quốc tế Hàn Quốc, 2010
2. *Giáo trình Hankuko 5*, NXB Đại học Korea, 2011
3. Đọc hiểu tiếng Hàn cao cấp, NXB Đại học Seoul
4. Tài liệu trên Internet:

www.naver.com

www.google.com.vn

www.daum.net

www.nate.com

www.chosun.com

www.donga.com

<http://joongang.joinsmsn.com>

9. Phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập

TT	Điểm thành phần	Hình thức đánh giá	Trọng số	CDR
1	Chuyên cần	Điểm danh và bài tập	20%	
2	Giữa kỳ	Bài kiểm tra giữa kỳ	30%	CDR tất cả các mục
3	Kết thúc học phần	Thi tự luận, thi trắc nghiệm, thi vấn đáp, bài tập lớn	50%	CDR tất cả các mục

Giảng viên
(Ký tên)



ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
Trường Đại học Ngoại ngữ
Khoa: Nhật – Hàn – Thái
Bộ môn: Tiếng Hàn

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Tên học phần: **Thực hành dịch viết Việt – Hàn 1**
Chương trình đào tạo: Cử nhân tiếng Hàn
Người biên soạn: Đỗ Thị Quỳnh Hoa
Ngày ban hành: 2017

1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: Thực hành dịch viết Việt – Hàn 1
- Mã học phần: 4171723
- Số tín chỉ: 2 TC
- Loại học phần: bắt buộc
- Học phần tiên quyết:
 - + Sinh viên đã học xong các học phần thực hành tiếng.
 - + Sinh viên có một trình độ và vốn hiểu biết nhất định về từ vựng, ngữ pháp, đất nước học Hàn Quốc.
- Số giờ tín chỉ: 30 tiết
 - Lí thuyết : 30 tiết
 - Thực hành : 0 tiết

2. Thông tin về giảng viên:

Giảng viên:

- Họ và tên: Đỗ Thị Quỳnh Hoa
- Chức danh, học vị: Thạc sĩ
- Thời gian làm việc: Thứ hai, thứ sáu (8:00 - 11:00)
- Địa điểm làm việc: Khoa Nhật – Hàn – Thái, Trường Đại học Ngoại Ngữ - Đại học Đà Nẵng.
- Điện thoại: 0987 297 135
- Email: dothiquynhhoa87@gmail.com

3. Chuẩn đầu ra

3.1 Chuẩn đầu ra 1 (Kiến thức)

- Biên dịch, chuyển dịch được ý chuẩn xác từ nội dung dễ đến khó với các chủ đề đa dạng như: văn hóa, kinh tế, thể thao, cách nghĩ, du lịch, quảng cáo, v.v.. trên cơ sở những kiến thức thực hành tiếng đã tích lũy trong các học kỳ trước.
- Biết và sử dụng được vốn từ vựng và thuật ngữ chuyên ngành về mọi lĩnh vực trên.
- Tăng cường hiểu biết toàn diện trên nhiều lĩnh vực: kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội...

3.2 Chuẩn đầu ra 2 (Kỹ năng)

- Hình thành được kỹ năng nội dịch và tóm tắt ý chính.
- Rèn luyện được khả năng chuyển dịch ý của người viết từ tiếng mẹ đẻ sang tiếng Hàn phù hợp với văn phong, văn hóa của người Hàn Quốc.
- Vận dụng và lựa chọn từ ngữ, cấu trúc ngữ pháp, cú câu phù hợp với sắc thái ý nghĩa, phù hợp với nội dung và văn phong Viết của văn bản, nâng cao năng lực diễn đạt ý sát với ý đồ của người viết.
- Nhận biết được văn phong Viết và văn phong Nói.

3.3 Chuẩn đầu ra số 3 (Năng lực tự chủ và trách nhiệm) :

- Có năng lực lập kế hoạch làm việc hiệu quả
- Có khả năng thích nghi với môi trường làm việc năng động và áp lực cao.
- Trung thực, liêm chính, có tinh thần trách nhiệm cao trong mọi công việc được giao
- Có thái độ hành xử chuẩn mực, bảo đảm tính minh bạch và chịu trách nhiệm với thông tin được chuyển tải trong công tác biên phiên dịch.
- Luôn có ý thức học hỏi, trau dồi bồi dưỡng kiến thức chuyên môn, có tinh thần sáng tạo, luôn nỗ lực phấn đấu vươn lên để thành đạt trong sự nghiệp và cuộc sống.

4. Tóm tắt nội dung học phần

- Học phần Thực hành dịch viết Việt – Hàn 1 tập trung vào kỹ năng biên dịch các bài ngắn với chủ đề sinh hoạt thường ngày và một số vấn đề chung của xã hội.
- Giáo viên thu thập tư liệu từ một số giáo trình tiếng Hàn, báo, tạp chí và thường xuyên cập nhật thông tin trên mạng để cung cấp cho sinh viên những tư liệu mới nhất và sát với thực tế.

5. Nội dung chi tiết của học phần

1. Sức khỏe
2. Nghề nghiệp
3. Du lịch
4. Kinh tế
5. Văn hóa
6. Giải trí
7. Xã hội
8. Thể thao
9. Chính trị

6. Phương pháp giảng dạy

- Phương pháp thuyết trình;
- Phương pháp “Hỏi-Đáp”;
- Phương pháp “Làm việc nhóm”.

7. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Tham dự tối thiểu 80% số tiết học trên lớp.
- Thực hiện đầy đủ các bài tập nhóm/ bài tập và được đánh giá kết quả thực hiện.
- Tham dự kiểm tra giữa học kỳ.
- Tham dự thi kết thúc học phần.
- Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.

8. Tài liệu phục vụ cho học phần

8.1. Tài liệu bắt buộc

1. Giáo trình tự biên soạn.
2. Từ điển Hàn – Việt, Từ điển Việt – Hàn thông dụng

8.2. Tài liệu tham khảo

Tài liệu trên Internet:

www.naver.com

www.google.com.vn

www.vnexpress.net

www.tienphong.vn

www.thanhnien.com.vn

www.tuoiitre.vn

9. Phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập

TT	Điểm thành phần	Hình thức đánh giá	Trọng số	CĐR
1	Chuyên cần	Điểm danh và bài tập	20%	
2	Giữa kỳ	Bài kiểm tra giữa kỳ	30%	CĐR tất cả các mục
3	Kết thúc học phần	Thi tự luận, thi trắc nghiệm, thi vấn đáp, bài tập lớn	50%	CĐR tất cả các mục

Giảng viên
(Ký tên)



ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
Trường Đại học Ngoại ngữ
Khoa: Nhật – Hàn – Thái
Bộ môn: Tiếng Hàn

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Tên học phần: **Thực hành dịch viết Hàn – Việt 2**
Chương trình đào tạo: Cử nhân tiếng Hàn
Người biên soạn: Đỗ Thị Quỳnh Hoa
Ngày ban hành: 2017

1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: Thực hành dịch viết Hàn – Việt 2
- Mã học phần: 4171753
- Số tín chỉ: 2 TC
- Loại học phần: bắt buộc
- Học phần tiên quyết:
 - + Sinh viên đã học học phần Thực hành dịch viết Hàn – Việt 1.
 - + Sinh viên có một vốn từ vựng nhất định về các lĩnh vực: kinh tế, văn hóa, xã hội
 - + Sinh viên có một trình độ và vốn hiểu biết nhất định về ngữ pháp, đất nước học Hàn Quốc.
- Số giờ tín chỉ: 30 tiết
 - Lí thuyết : 30 tiết
 - Thực hành : 0 tiết

2. Thông tin về giảng viên:

Giảng viên:

- Họ và tên: Đỗ Thị Quỳnh Hoa
- Chức danh, học vị: Thạc sĩ
- Thời gian làm việc: Thứ hai đến thứ sáu (8:00 - 16:00)
- Địa điểm làm việc: Khoa Nhật – Hàn – Thái, Trường Đại học Ngoại Ngữ - Đại học Đà Nẵng.
- Điện thoại: 0987 297 135
- Email: dothiquynhhoa87@gmail.com

3. Chuẩn đầu ra

3.1 Chuẩn đầu ra 1 (Kiến thức)

- Dịch được văn bản từ tiếng Hàn sang tiếng Việt bằng hình thức viết với các văn bản có nội dung từ dễ đến khó với các chủ đề đa dạng như: văn hóa, xã hội, kinh tế, chính trị, giải trí, pháp luật, khoa học, văn học nghệ thuật, v.v.. . Tập trung dịch những văn bản chuyên ngành để phục vụ cho quá trình thực tập tốt nghiệp cuối khóa.

- Tích lũy thêm được vốn từ vựng và thuật ngữ chuyên ngành về mọi lĩnh vực trên và trau dồi, hoàn thiện thêm vốn kiến thức về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội.

3.2 Chuẩn đầu ra 2 (Kỹ năng)

- Vận dụng được các kiến thức ngữ pháp, từ vựng đã học để dịch các bài báo, bài phát biểu về các chủ đề như kinh tế, văn hóa, xã hội .
- Hình thành được kỹ năng tóm tắt ý chính cần dịch.
- Rèn luyện được khả năng chuyển dịch ý của người viết từ ngôn ngữ Hàn sang ngôn ngữ Việt phù hợp với văn phong, văn hóa của người Việt và khả năng lựa chọn từ ngữ, cấu trúc ngữ pháp, cú pháp phù hợp với sắc thái ý nghĩa, phù hợp với nội dung và văn phong Việt của văn bản, nâng cao năng lực diễn đạt ý sát với ý đồ của người viết.
- Nhận biết được văn phong Viết và văn phong Nói.

3.3 Chuẩn đầu ra số 3 (Năng lực tự chủ và trách nhiệm) :

- Có năng lực lập kế hoạch làm việc hiệu quả
- Có khả năng thích nghi với môi trường làm việc năng động và áp lực cao.
- Trung thực, liêm chính, có tinh thần trách nhiệm cao trong mọi công việc được giao
- Có thái độ hành xử chuẩn mực, bảo đảm tính minh bạch và chịu trách nhiệm với thông tin được chuyển tải trong công tác biên phiên dịch.
- Luôn có ý thức học hỏi, trau dồi bồi dưỡng kiến thức chuyên môn, có tinh thần sáng tạo, luôn nỗ lực phấn đấu vươn lên để thành đạt trong sự nghiệp và cuộc sống.

4. Tóm tắt nội dung học phần

- Học phần Thực hành dịch viết Hàn – Việt 2 tập trung vào kỹ năng biên dịch các văn bản có nội dung dài và khó hơn về các lĩnh vực: kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội , giáo dục, thể thao, pháp luật, khoa học công nghệ, giải trí , văn học nghệ thuật,
- Giáo viên thu thập tư liệu giảng dạy từ một số giáo trình tiếng Hàn, báo, tạp chí, tài liệu của các công ty Hàn Quốc và thường xuyên cập nhật thông tin trên mạng để cung cấp cho sinh viên những tư liệu mới nhất và sát với thực tế.

5. Nội dung chi tiết của học phần

1. Kinh tế
2. Chính trị
3. Văn hóa
4. Xã hội
5. Giáo dục
6. Thể thao
7. Pháp luật
8. Khoa học công nghệ
9. Giải trí
10. Các loại văn bản như hợp đồng, báo cáo, thư mời, giấy chứng nhận, bài phát biểu, biên bản cam kết.....

11. Trích dịch đoạn văn, đoạn đối thoại trong tác phẩm văn học.

6. **Phương pháp giảng dạy**

- Phương pháp thuyết trình;
- Phương pháp “Hỏi-Đáp”;
- Phương pháp “Làm việc nhóm”.

7. **Nhiệm vụ của sinh viên:**

- Tham dự tối thiểu 80% số tiết học trên lớp.
- Thực hiện đầy đủ các bài tập nhóm/ bài tập và được đánh giá kết quả thực hiện.
- Tham dự kiểm tra giữa học kỳ.
- Tham dự thi kết thúc học phần.
- Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.

8. **Tài liệu phục vụ cho học phần**

8.1. Tài liệu bắt buộc

1. Giáo trình tự biên soạn.
2. Từ điển Hàn – Việt, Từ điển Việt – Hàn thông dụng

8.2. Tài liệu tham khảo

1. Đọc hiểu tiếng Hàn cao cấp, NXB Đại học Seoul
 2. Giáo trình tiếng Hàn dành cho du học sinh, NXB Đại học Ehwa, 2008
3. Tài liệu trên Internet:

www.naver.com

www.google.com.vn

www.daum.net

www.nate.com

www.chosun.com

www.donga.com

<http://joongang.joinsmsn.com>

9. **Phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập**

TT	Điểm thành phần	Hình thức đánh giá	Trọng số	CĐR
1	Chuyên cần	Điểm danh và bài tập	20%	
2	Giữa kỳ	Bài kiểm tra giữa kỳ	30%	CĐR tất cả các mục
3	Kết thúc học phần	Thi tự luận, thi trắc nghiệm, thi vấn đáp, bài tập lớn	50%	CĐR tất cả các mục

Giảng viên
(Ký tên)



ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
Trường Đại học Ngoại ngữ
Khoa: Nhật – Hàn – Thái
Bộ môn: Tiếng Hàn

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Tên học phần: **Thực hành dịch viết Việt - Hàn 2**
Chương trình đào tạo: Cử nhân tiếng Hàn
Người biên soạn: Đỗ Thị Quỳnh Hoa
Ngày ban hành: 2017

Thông tin về học phần

- Tên học phần: Thực hành dịch viết Việt - Hàn 2
- Mã học phần: 4171763
- Số tín chỉ: 2 TC
- Loại học phần: bắt buộc
- Học phần tiên quyết:
 - + Sinh viên đã học học phần Thực hành dịch viết Việt - Hàn 1.
 - + Sinh viên có một vốn từ vựng nhất định về các lĩnh vực: kinh tế, văn hóa, xã hội
 - + Sinh viên có một trình độ và vốn hiểu biết nhất định về ngữ pháp, đất nước học Hàn Quốc.
- Số giờ tín chỉ: 30 tiết
 - Lí thuyết : 30 tiết
 - Thực hành : 0 tiết

2. Thông tin về giảng viên:

Giảng viên:

- Họ và tên: Đỗ Thị Quỳnh Hoa
- Chức danh, học vị: Thạc sĩ
- Thời gian làm việc: Thứ hai, thứ sáu (8:00 - 11:00)
- Địa điểm làm việc: Khoa Nhật – Hàn – Thái, Trường Đại học Ngoại Ngữ - Đại học Đà Nẵng.
- Điện thoại: 0987 297 135
- Email: dothiquynhhoa87@gmail.com

3. Chuẩn đầu ra

3.1 Chuẩn đầu ra 1 (Kiến thức)

- Thực hành dịch được các văn bản từ tiếng mẹ đẻ sang tiếng Hàn có nội dung từ dễ đến khó với các chủ đề đa dạng như: văn hóa, xã hội, kinh tế, chính trị, giải trí, pháp luật, khoa học, văn học

nghệ thuật, v.v.. .

- Hiểu và tích lũy được thêm vốn từ vựng và thuật ngữ chuyên ngành về mọi lĩnh vực trên.
- Biết được nhiều loại văn phong Viết, nhiều loại văn bản, công văn, giấy tờ đa dạng.

3.2 Chuẩn đầu ra 2 (Kỹ năng)

- Hình thành được kỹ năng nội dịch và tóm tắt ý chính.
- Rèn luyện được khả năng chuyển dịch ý của người viết từ tiếng mẹ đẻ sang ngôn ngữ Hàn phù hợp với văn phong, văn hóa của người Hàn Quốc và khả năng lựa chọn từ ngữ, cấu trúc ngữ pháp, cú câu phù hợp với sắc thái ý nghĩa, phù hợp với nội dung và văn phong Viết của văn bản, nâng cao năng lực diễn đạt ý sát với ý đồ của người viết.
- Nhận biết được văn phong Viết và văn phong Nói.

3.3 Chuẩn đầu ra số 3 (Năng lực tự chủ và trách nhiệm) :

- Có năng lực lập kế hoạch làm việc hiệu quả
- Có khả năng thích nghi với môi trường làm việc năng động và áp lực cao.
- Trung thực, liêm chính, có tinh thần trách nhiệm cao trong mọi công việc được giao
- Có thái độ hành xử chuẩn mực, bảo đảm tính minh bạch và chịu trách nhiệm với thông tin được chuyển tải trong công tác biên phiên dịch.
- Luôn có ý thức học hỏi, trau dồi bồi dưỡng kiến thức chuyên môn, có tinh thần sáng tạo, luôn nỗ lực phấn đấu vươn lên để thành đạt trong sự nghiệp và cuộc sống.

4. Tóm tắt nội dung học phần

- Học phần Thực hành dịch viết Việt - Hàn 2 tập trung vào kỹ năng biên dịch các văn bản có nội dung dài và khó hơn về các lĩnh vực: kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, giáo dục, thể thao, pháp luật, khoa học công nghệ, giải trí, văn học,
- Giáo viên thu thập tư liệu giảng dạy từ một số giáo trình tiếng Hàn, báo, tạp chí, tài liệu của các công ty Hàn Quốc và thường xuyên cập nhật thông tin trên mạng để cung cấp cho sinh viên những tư liệu mới nhất và sát với thực tế.

5. Nội dung chi tiết của học phần

1. Kinh tế
2. Chính trị
3. Văn hóa
4. Xã hội
5. Giáo dục
6. Thể thao
7. Pháp luật
8. Khoa học công nghệ
9. Giải trí
10. Các loại văn bản như hợp đồng, báo cáo, thư mời, giấy chứng nhận, bài phát biểu, biên bản cam kết.....
11. Trích dịch đoạn văn, đoạn đối thoại trong tác phẩm văn học.

6. Phương pháp giảng dạy

- Phương pháp thuyết trình;
- Phương pháp “Hỏi-Đáp”;
- Phương pháp “Làm việc nhóm”.

7. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Tham dự tối thiểu 80% số tiết học trên lớp.
- Thực hiện đầy đủ các bài tập nhóm/ bài tập và được đánh giá kết quả thực hiện.
- Tham dự kiểm tra giữa học kỳ.
- Tham dự thi kết thúc học phần.
- Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.

8. Tài liệu phục vụ cho học phần

8.1. Tài liệu bắt buộc

1. Giáo trình tự biên soạn.
2. Từ điển Hàn – Việt, Từ điển Việt – Hàn thông dụng

8.2. Tài liệu tham khảo

Tài liệu trên Internet:

www.naver.com

www.google.com.vn

www.vnexpress.net

www.tienphong.vn

www.thanhnien.com.vn

www.tuoitre.vn

9. Phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập

TT	Điểm thành phần	Hình thức đánh giá	Trọng số	CĐR
1	Chuyên cần	Điểm danh và bài tập	20%	
2	Giữa kỳ	Bài kiểm tra giữa kỳ	30%	CĐR tất cả các mục
3	Kết thúc học phần	Thi tự luận, thi trắc nghiệm, thi vấn đáp, bài tập lớn	50%	CĐR tất cả các mục

Giảng viên

(Ký tên)



ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
Trường Đại học Ngoại ngữ
Khoa: Nhật – Hàn – Thái
Bộ môn: Tiếng Hàn

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Tên học phần: **Lý thuyết dịch**
Chương trình đào tạo: Cử nhân tiếng Hàn
Người biên soạn: Trần Thị Lan Anh
Ngày ban hành: 2017

1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: Lý thuyết dịch
- Mã học phần: 4170753
- Số tín chỉ: 2 TC
- Loại học phần: bắt buộc
- Học phần tiên quyết:
 - + Sinh viên đã học các môn thực hành tiếng.
 - + Sinh viên có vốn kiến thức nhất định về các kỹ năng thực hành tiếng, đặc biệt có khả năng nghe hiểu tốt, có vốn từ vựng phong phú.
- Số giờ tín chỉ: 30, trong đó:
 - Lí thuyết : 30 tiết
 - Bài tập : 0 tiết

2. Thông tin về giảng viên: (cập nhật theo từng học kỳ)

Giảng viên:

- Họ và tên: Trần Thị Lan Anh
- Chức danh, học vị: Thạc sĩ
- Thời gian làm việc: Thứ 2, thứ 6 (8:00 - 11:00)
- Địa điểm làm việc: Khoa Nhật – Hàn - Thái
- Điện thoại: 0918 390930
- Email: orchidrung@yahoo.com

3. Chuẩn đầu ra

3.1 Chuẩn đầu ra 1 (Kiến thức)

- Hiểu và phát biểu được các kiến thức cơ bản về lý luận dịch thuật như : khái niệm dịch thuật, các loại hình dịch thuật, mối liên hệ giữa kí hiệu ngôn ngữ và nội dung đọc hiểu, tính bất khả dịch,

- Tích lũy được các kiến thức cơ sở để làm nền tảng lý luận cho học phần thực dịch ở các học kỳ sau và nền tảng tri thức vững chắc cho quá trình làm công tác biên phiên dịch sau này.

3.2 Chuẩn đầu ra 2 (Kỹ năng)

- Vận dụng được những khái niệm, những vấn đề lý thuyết về lý luận dịch để có thể vận dụng vào thực tế dịch thuật.
- Nhận biết được mối liên hệ giữa kí hiệu ngôn ngữ và nội dung đọc hiểu.
- Đánh giá được bản dịch và phân biệt các loại hình dịch thuật.
- Rèn luyện được khả năng tự điều chỉnh, khắc phục lỗi văn bản nguồn.
- Rèn luyện được khả năng thay đổi cấu trúc câu, thay đổi từ loại, vận dụng thủ thuật thêm bớt trong quá trình dịch.
- Hiểu và vận dụng kỹ năng nội dịch, chọn từ tương đương, từ đa nghĩa, và khả năng kết hợp từ để tạo thành một bản dịch hay nhưng không rời xa bản gốc.

3.3 Chuẩn đầu ra số 3 (Năng lực tự chủ và trách nhiệm) :

- Có năng lực lập kế hoạch làm việc hiệu quả
- Có khả năng thích nghi với môi trường làm việc năng động và áp lực cao.
- Trung thực, liêm chính, có tinh thần trách nhiệm cao trong mọi công việc được giao
- Có thái độ hành xử chuẩn mực, bảo đảm tính minh bạch và chịu trách nhiệm với thông tin được chuyển tải trong công tác biên phiên dịch.
- Luôn có ý thức học hỏi, trau dồi bồi dưỡng kiến thức chuyên môn, có tinh thần sáng tạo, luôn nỗ lực phấn đấu vươn lên để thành đạt trong sự nghiệp và cuộc sống.

4. Tóm tắt nội dung học phần (khoảng 150 từ)

Nội dung học phần này gồm có 9 bài đan xen giữa lý thuyết và thực hành ứng dụng. Học phần này hướng dẫn sinh viên các phương pháp và thủ thuật dịch thuật từ ngôn ngữ Hàn sang ngôn ngữ Việt, và từ tiếng Việt sang tiếng Hàn. Song song đó là cung cấp những kiến thức nội dịch và phương pháp nội dịch cho sinh viên, nhằm giúp sinh viên nhận biết ý chính của một bản dịch và phân loại đánh giá được các dạng dịch thuật.

5. Nội dung chi tiết của học phần (tên các chương, mục, tiểu mục)

1. Dịch thuật là gì?
 - 1.1. Định nghĩa
 - 1.2. Đặc trưng
 - 1.3. Các loại hình dịch thuật
2. Phân biệt Dịch Nói và Dịch Viết.
 - 2.1. Đặc điểm Dịch Nói
 - 2.2. Đặc điểm Dịch Viết
 - 2.3. Đánh giá bản dịch
3. Kỹ năng Nội dịch
 - 3.1. Định nghĩa Nội dịch.

- 3.2. Thực hành Nội dịch
4. Khả năng tương đương và các thủ pháp trong dịch thuật.
 - 4.1. Các khả năng tương đương
 - 4.2. Dịch ngữ nghĩa.
 - 4.3. Dịch thông báo.
 - 4.4. Thủ pháp trong dịch thuật.
5. Chọn từ trong dịch thuật
 - 5.1. Các dạng từ tương đương
 - 5.2. Các hiện tượng đa nghĩa
 - 5.3. Khả năng kết hợp của từ.
6. Các thủ thuật chuyển đổi khi dịch.
 - 6.1. Thay đổi cấu trúc câu
 - 6.2. Thay đổi từ loại
 - 6.3. Thủ thuật thêm bớt
7. Cấu trúc hình thái một bài dịch.
8. Kỹ năng chuyển dịch nghĩa tiêu đề
9. Thực hành
 - 9.1. Dịch tiêu đề của bài báo, bài viết, bài hội thảo, bài nghiên cứu, bài chuyên môn kỹ thuật, dịch vụ, ăn uống, du lịch, chính trị, ngoại giao, văn hóa,
 - 9.2. Thực hành dịch mẫu văn bản 1
 - 9.3. Thực hành dịch mẫu văn bản 2
- 6. Phương pháp giảng dạy**
 - Phương pháp thuyết trình;
 - Phương pháp “Hỏi-Đáp”;
 - Phương pháp “Làm việc nhóm”.
- 7. Nhiệm vụ của sinh viên:**
 - Tham dự tối thiểu 80% số tiết học trên lớp.
 - Thực hiện đầy đủ các bài tập nhóm/ bài tập và được đánh giá kết quả thực hiện.
 - Tham dự kiểm tra giữa học kỳ.
 - Tham dự thi kết thúc học phần.
 - Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.
- 8. Tài liệu phục vụ cho học phần**
 - 8.1. Tài liệu bắt buộc**
 1. Giáo trình tự soạn.
 - 8.2. Tài liệu tham khảo**
 1. Đại cương về lý thuyết dịch tiếng Anh, tiếng Nga.
 2. Từ điển Hàn – Việt, Từ điển Việt – Hàn thông dụng
 3. Giáo trình Kỹ thuật Dịch Anh – Việt, Nguyễn Quốc Hùng.

9. Phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập

TT	Điểm thành phần	Hình thức đánh giá	Trọng số	CDR
----	-----------------	--------------------	----------	-----

1	Chuyên cần	Điểm danh và bài tập	20%	
2	Giữa kỳ	Bài kiểm tra giữa kỳ	30%	CĐR tất cả các mục
3	Kết thúc học phần	Thi tự luận, thi trắc nghiệm, thi vấn đáp, bài tập lớn	50%	CĐR tất cả các mục

Giảng viên
(Ký tên)



ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
Trường Đại học Ngoại ngữ
Khoa: Nhật – Hàn – Thái
Bộ môn: Tiếng Hàn Quốc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Tên học phần: **Ngữ pháp 1 (Từ pháp)**
Chương trình đào tạo: Chính quy
Người biên soạn: Hoàng Phan Thanh Nga
Ngày ban hành: 2017

1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: Ngữ pháp 1 (Từ pháp)
 - Mã học phần: 4170803
 - Số tín chỉ: 2 TC
 - Loại học phần: bắt buộc
 - Học phần tiên quyết:
 - + Sinh viên đã học qua 5 kì các môn thực hành tiếng tổng hợp.
 - + Nắm vững các tri thức về ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp cơ bản.
- Số giờ tín chỉ: 30, trong đó:
- Lí thuyết : 30 tiết
 - Thực hành : 0 tiết

2. Thông tin về giảng viên: (cập nhật theo từng học kỳ)

Giảng viên:

- Họ và tên: Hoàng Phan Thanh Nga
- Chức danh, học vị: Thạc sĩ
- Thời gian làm việc: Thứ 2, thứ 6 (8:00 - 11:00)
- Địa điểm làm việc: Khoa Nhật – Hàn – Thái
- Điện thoại: 0908 437 548
- Email: hptnga@gmail.com

3. Chuẩn đầu ra

Chuẩn đầu ra 1 (Kiến thức)

- Hiểu kiến thức cơ sở về hệ thống từ thuần Hàn, từ ngoại lai, và từ gốc Hán trong tiếng Hàn.

- Hiểu kiến thức cơ sở về số từ thuần Hàn và hệ thống số từ gốc Hán trong từ vựng tiếng Hàn.
- Nắm vững tính chất, nghĩa của từ cảm thán, các hình thái của phó từ tiếng Hàn.
- Nắm được kiến thức về nguồn gốc, ngữ nghĩa, yếu tố văn hóa phản ánh trong các quán dụng ngữ, thành ngữ, tục ngữ.
- Hoàn thiện kiến thức về tiếng Hàn hiện đại.
- Hiểu và phân biệt kiến thức phương pháp luận cơ bản trong nghiên cứu ngôn ngữ Hàn, đặc biệt là mảng từ vựng tiếng Hàn.
- Nhận thức rõ vị trí quan trọng của môn học trong tổng thể bộ môn Lý thuyết tiếng và mối quan hệ của nó với học phần Ngữ âm và học phần Ngữ pháp tiếng Hàn.
- Tiếp tục được nuôi dưỡng niềm yêu thích, ham mê học tiếng Hàn, yêu con người và đất nước, văn hóa Hàn Quốc.
- Nuôi dưỡng đức tính tự tin trong giao tiếp tiếng Hàn, cẩn thận, trung thực, ý thức trách nhiệm trong công việc, ý thức và đạo đức nghề nghiệp biên phiên dịch.

Chuẩn đầu ra 2 (Kỹ năng)

- Tự đánh giá, phát hiện lỗi sai và tự chỉnh sửa, nâng cao kiến thức về từ vựng, ngữ nghĩa của từ, ... đã được học trong các học kỳ trước đó.
- Hiểu được và vận dụng hệ thống từ thuần Hàn, từ gốc Hán, từ ngoại lai, từ cảm thán trong các ngữ cảnh khác nhau.
- Lựa chọn từ ngữ thích hợp với nội dung và sắc thái biểu cảm, tăng cường khả năng biểu đạt trong giao tiếp.
- Hiểu sâu sắc yếu tố văn hóa ẩn chứa trong mỗi quán dụng ngữ, thành ngữ, tục ngữ tiếng Hàn và sử dụng nhuần nhuyễn quán dụng ngữ, thành ngữ, tục ngữ đó trong giao tiếp phù hợp với từng ngữ cảnh cụ thể.
- Củng cố và nâng cao khả năng thực hành tiếng.

Chuẩn đầu ra số 3 (Năng lực tự chủ và trách nhiệm) :

- Có năng lực lập kế hoạch làm việc hiệu quả
- Có khả năng thích nghi với môi trường làm việc năng động và áp lực cao.
- Trung thực, liêm chính, có tinh thần trách nhiệm cao trong mọi công việc được giao
- Có thái độ hành xử chuẩn mực, bảo đảm tính minh bạch và chịu trách nhiệm với thông tin được chuyển tải trong công tác biên phiên dịch.
- Luôn có ý thức học hỏi, trau dồi bồi dưỡng kiến thức chuyên môn, có tinh thần sáng tạo, luôn nỗ lực phấn đấu vươn lên để thành đạt trong sự nghiệp và cuộc sống.

4. Tóm tắt nội dung học phần (khoảng 150 từ)

Các khái niệm cơ bản về từ thuần Hàn, từ ngoại lai, từ gốc Hán và cách vận dụng chúng. Đồng thời nội dung học phần còn đề cập đến Hệ thống số từ, từ cảm thán, phó từ, quán dụng ngữ, thành ngữ, tục ngữ và những nhân tố ảnh hưởng đến việc xác định nghĩa của chúng trong câu, ...

5. Nội dung chi tiết của học phần (tên các chương, mục, tiểu mục)

1. Nguồn gốc của từ

1.1. Từ thuần Hàn

1.2. Từ ngoại lai

1.3. Từ gốc Hán và vai trò, vị trí của từ gốc Hán trong ngôn ngữ Hàn.

2. Ngữ cảnh và nghĩa của từ

Vai trò và tác động của ngữ cảnh đến nghĩa của từ

3. Vận dụng Số từ tiếng Hàn

3.1. Số từ chỉ lượng: Hệ thống số từ thuần Hàn và Hệ thống số từ gốc Hán

3.2. Số thứ tự: Hệ thống số từ thuần Hàn và Hệ thống số từ gốc Hán.

4. Vận dụng từ cảm thán tiếng Hàn.

5. Vận dụng phó từ tiếng Hàn.

5.1. Phân loại phó từ theo ngữ nghĩa

5.2. Hình thái phó từ được hình thành từ tính từ.

5.3. Vị trí của phó từ trong câu.

6. Yếu tố văn hóa trong quán dụng ngữ và vận dụng.

7. Yếu tố văn hóa trong thành ngữ, tục ngữ và vận dụng.

8. Thành ngữ tiếng Hán.

6. Phương pháp giảng dạy

- Phương pháp thuyết trình;

- Phương pháp “Hỏi-Đáp”;

- Phương pháp “Làm việc nhóm”;

7. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Tham dự tối thiểu 80% số tiết học trên lớp.

- Thực hiện đầy đủ các bài tập nhóm/ bài tập và được đánh giá kết quả thực hiện.

- Tham dự kiểm tra giữa học kỳ.

- Tham dự thi kết thúc học phần.

- Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.

8. Tài liệu phục vụ cho học phần

8.1. Tài liệu bắt buộc

Giáo trình tự soạn

8.2. Tài liệu tham khảo

1) *Từ vựng ngữ nghĩa tiếng Hàn*, Ko Young Kul, Nam Ki Shim, Thapchulpansa

2) *Ngữ nghĩa luận tiếng Hàn*, Im Ji Lyong, Thapchulpansa

3) *Từ vựng học tiếng Việt*, Nguyễn Thiện giáp, Nhà xuất bản giáo dục.

Tài liệu trên Internet:

- Từ điển điện tử www.dic.naver.com

9. Phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập

TT	Điểm thành phần	Hình thức đánh giá	Trọng số	CDR
1	Chuyên cần	Điểm danh và bài tập	20%	
2	Giữa kỳ	Bài kiểm tra giữa kỳ	30%	CDR tất cả các mục
3	Kết thúc học phần	Thi tự luận, thi trắc nghiệm, thi vấn đáp, bài tập lớn	50%	CDR tất cả các mục

Giảng viên
(Ký tên)



ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
Trường Đại học Ngoại ngữ
Khoa: Nhật – Hàn – Thái
Bộ môn: Tiếng Hàn

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Tên học phần: **Ngữ pháp 2 (Cú pháp)**
Chương trình đào tạo: Cử nhân tiếng Hàn
Người biên soạn: Trần Thị Lan Anh
Ngày ban hành: 2017

1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: Ngữ pháp 2 tiếng Hàn (Cú pháp)
 - Mã học phần: 4170853
 - Số tín chỉ: 3 TC
 - Loại học phần: bắt buộc
 - Học phần tiên quyết:
 - + Sinh viên đã học các môn thực hành tiếng.
 - + Nắm vững những tri thức về ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp cơ bản.
- Số giờ tín chỉ: 45, trong đó:
- Lí thuyết : 45 tiết
 - Thực hành : 0 tiết

2. Thông tin về giảng viên: (cập nhật theo từng học kỳ)

Giảng viên:

- Họ và tên: Trần Thị Lan Anh
- Chức danh, học vị: Thạc sĩ
- Thời gian làm việc: Thứ 2, thứ 6 (8:00 - 11:00)
- Địa điểm làm việc: Khoa Nhật – Hàn - Thái
- Điện thoại: 0918 390930
- Email: orchidrung@yahoo.com

3. Chuẩn đầu ra

Chuẩn đầu ra 1 (Kiến thức)

- Nắm bắt được hệ thống kiến thức ngữ pháp tiếng Hàn một cách cơ bản và khoa học.
- Nắm được kiến thức vận dụng thành thạo lý thuyết về phân tích thành phần của câu, tiến hành giao tiếp và nâng cao các kỹ năng thực hành tiếng.
- Kiện toàn, nâng cao kiến thức lý thuyết về hệ thống ngữ pháp tiếng Hàn: từ pháp và cú pháp.

- Tạo nền tảng tri thức vững chắc cho môn thực hành dịch xuôi, dịch ngược Nói và Viết tiếng Hàn.
- Sinh viên có thể vận dụng các qui luật ngữ pháp để thực hành một cách thành thạo, hình thành các kỹ năng, kỹ xảo trong cách dung từ và tạo câu.
- Sinh viên có thể nắm vững vốn ngôn ngữ tiếng Hàn một cách có ý thức, chủ động trong sử dụng lý thuyết ngôn ngữ vào giao tiếp, ứng dụng các tri thức về ngữ pháp đã học một cách linh hoạt, nhuần nhuyễn.
- Sinh viên có khả năng tự điều chỉnh, khắc phục các lỗi ngữ pháp do thói quen ngôn ngữ nguồn làm rào cản.
- Có khả năng đối chiếu so sánh ngữ pháp tiếng Hàn và tiếng Việt

Chuẩn đầu ra 2 (Kỹ năng)

- Sinh viên có thể vận dụng các qui luật ngữ pháp để thực hành một cách thành thạo, hình thành các kỹ năng, kỹ xảo trong cách dung từ và tạo câu.
- Sinh viên có thể nắm vững vốn ngôn ngữ tiếng Hàn một cách có ý thức, chủ động trong sử dụng lý thuyết ngôn ngữ vào giao tiếp, ứng dụng các tri thức về ngữ pháp đã học một cách linh hoạt, nhuần nhuyễn.
- Sinh viên có khả năng tự điều chỉnh, khắc phục các lỗi ngữ pháp do thói quen ngôn ngữ nguồn làm rào cản.
- Có khả năng đối chiếu so sánh ngữ pháp tiếng Hàn và tiếng Việt.

Chuẩn đầu ra số 3 (Năng lực tự chủ và trách nhiệm) :

- Có năng lực lập kế hoạch làm việc hiệu quả
- Có khả năng thích nghi với môi trường làm việc năng động và áp lực cao.
- Trung thực, liêm chính, có tinh thần trách nhiệm cao trong mọi công việc được giao
- Có thái độ hành xử chuẩn mực, bảo đảm tính minh bạch và chịu trách nhiệm với thông tin được chuyển tải trong công tác biên phiên dịch.
- Luôn có ý thức học hỏi, trau dồi bồi dưỡng kiến thức chuyên môn, có tinh thần sáng tạo, luôn nỗ lực phấn đấu vươn lên để thành đạt trong sự nghiệp và cuộc sống.

4. Tóm tắt nội dung học phần (khoảng 150 từ)

Nội dung học phần này gồm có 10 chương, mỗi chương gồm có các bài nhỏ. Học phần này hướng dẫn sinh viên phương pháp học môn Ngữ pháp tiếng Hàn, củng cố, kiện toàn và nâng cao các dạng ngữ pháp như: các thì, phép tôn vinh và hạ thấp, phép phủ định, hệ thống vĩ tố trong tiếng Hàn, Bổ trợ dụng ngôn, Thể bị động và tự động, chủ động, Thoại pháp trong tiếng Hàn, Tiếp đầu tố và vị tố.

5. Nội dung chi tiết của học phần (tên các chương, mục, tiểu mục)

1. Thì trong tiếng Hàn
 - 1.1 Thì hiện tại
 - 1.2 Thì quá khứ
 - 1.3 Thì tương lai

- 1.4 Thì hiện tại tiếp diễn
- 1.5 Tổng kết nội dung
2. Phép tôn vinh và hạ thấp trong tiếng Hàn
 - 2.1 Phép đề cao chủ thể.
 - 2.2 Phép đề cao khách thể.
 - 2.3 Phép biểu hiện đề cao, hạ thấp dựa vào hệ thống từ vựng.
 - 2.4 Tổng kết nội dung.
3. Phủ định trong tiếng Hàn
 - 3.1 Phủ định trong câu trần thuật và nghi vấn.
 - 3.2 Phủ định trong câu mệnh lệnh và khuyên nhủ.
 - 3.3 Từ phủ định.
 - 3.4 Phủ định bằng cách nhấn mạnh câu nghi vấn.
 - 3.5 Tổng kết nội dung.
4. Hệ thống vĩ tố trong tiếng Hàn
5. Bổ trợ dụng ngôn trong tiếng Hàn
6. Thể bị động và tự động trong tiếng Hàn
 - 6.1 Động từ bị động trong tiếng Hàn.
 - 6.1.1 Đoản hình bị động.
 - 6.1.2 Trường hình bị động.
 - 6.1.3 Động từ tự động trong tiếng Hàn.
 - 6.1.4 Đoản hình tự động.
 - 6.1.5 Trường hình tự động.
 - 6.2 Tổng kết nội dung.
7. Thoại pháp trong tiếng Hàn
 - 7.1 Cách trích dẫn trực tiếp.
 - 7.2 Cách trích dẫn gián tiếp.
 - 7.3 Tổng kết nội dung.
8. Tiếp đầu tố và tiếp vĩ tố trong tiếng hàn
 - 8.1 Tiếp đầu tố.
 - 8.2 Tiếp vĩ tố.
 - 8.3 Tổng kết nội dung.
9. So sánh các liên kết câu
 - 9.1 Liên kết câu đồng đẳng.
 - 9.2 Liên kết câu thứ tự.

9.3 Liên kết câu nguyên nhân kết quả

9.4 Liên kết câu bối cảnh

9.5 Tổng kết nội dung.

10. So sánh các liên kết câu (tt)

10.1 Liên kết câu phương tiện.

10.2 Liên kết câu điều kiện, giả định.

10.3 Liên kết câu đối ngược.

10.4 Liên kết câu đồng thời.

10.5 Tổng kết nội dung.

6. Phương pháp giảng dạy

- Phương pháp thuyết trình;
- Phương pháp “Hỏi-Đáp”;
- Phương pháp “Làm việc nhóm”;

7. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Tham dự tối thiểu 80% số tiết học trên lớp.
- Thực hiện đầy đủ các bài tập nhóm/ bài tập và được đánh giá kết quả thực hiện.
- Tham dự kiểm tra giữa học kỳ.
- Tham dự thi kết thúc học phần.
- Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.

8. Tài liệu phục vụ cho học phần

8.1. Tài liệu bắt buộc

1. Giáo trình tự soạn.
2. Ngữ pháp tiếng Hàn 1, Viện quốc ngữ Quốc gia, Hàn Quốc, 2005.
3. Ngữ pháp tiếng Hàn 2, Viện quốc ngữ Quốc gia, Hàn Quốc, 2005.

8.2. Tài liệu tham khảo

1. Ngữ pháp tiếng Hàn, Shin Kae Chong, NXB ĐH Yonsei.
2. Từ điển ngữ pháp tiếng Hàn, Lý Kính Hiền, NXB VHNT, 2004.

9. Phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập

TT	Điểm thành phần	Hình thức đánh giá	Trọng số	CDR
1	Chuyên cần	Điểm danh và bài tập	20%	
2	Giữa kỳ	Bài kiểm tra giữa kỳ	30%	CDR tất cả các mục
3	Kết thúc học phần	Thi tự luận, thi trắc nghiệm, thi vấn đáp, bài tập lớn	50%	CDR tất cả các mục

Giảng viên
(Ký tên)



ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
Trường Đại học Ngoại ngữ
Khoa: Nhật – Hàn – Thái
Bộ môn: Tiếng Hàn

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Tên học phần: **Thực hành dịch nói 1**
Chương trình đào tạo: Cử nhân tiếng Hàn
Người biên soạn: Đỗ Thị Quỳnh Hoa
Ngày ban hành: 2017

1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: Thực hành dịch nói 1
- Mã học phần: 4171703
- Số tín chỉ: 3 TC
- Loại học phần: bắt buộc

Học phần tiên quyết:

+ Sinh viên đã học xong các học phần thực hành tiếng Nghe, Nói, Đọc, Viết.

+ Sinh viên có một trình độ và vốn hiểu biết nhất định về từ vựng, ngữ pháp, đất nước học Hàn Quốc.

- Số giờ tín chỉ: 45, trong đó:
 - Phiên dịch Hàn – Việt : 21 tiết
 - Phiên dịch Việt – Hàn : 24 tiết

2. Thông tin về giảng viên:

Giảng viên:

- Họ và tên: Đỗ Thị Quỳnh Hoa
- Chức danh, học vị: Thạc sĩ
- Thời gian làm việc: Thứ hai, thứ sáu (8:00 - 11:00)
- Địa điểm làm việc: Khoa Nhật – Hàn – Thái, Trường Đại học Ngoại Ngữ - Đại học Đà Nẵng.
- Điện thoại: 0987 297 135
- Email: dothiquynhhoa87@gmail.com

3. Chuẩn đầu ra

Chuẩn đầu ra 1 (Kiến thức)

- Hiểu và vận dụng được kiến thức thực hành tiếng đã tích lũy trong các học kỳ trước, học phần Thực hành dịch nói 1 bước đầu trang bị cho sinh viên những kỹ năng dịch xuôi, dịch ngược bằng hình thức nghe băng dịch trôi chảy từ nội dung dễ đến khó với các chủ

đa dạng như: sức khỏe, nghề nghiệp, ngân hàng, du lịch, phỏng vấn, kính tế, hoạt động tình nguyện và môi trường.

- Hiểu và sử dụng được vốn từ vựng và thuật ngữ chuyên ngành về mọi lĩnh vực xã hội, kinh tế, văn hóa, môi trường.
- Tiếp cận và làm quen với nhiều loại văn phong Nói tiếng Hàn, nhiều loại văn bản diễn thuyết, văn bản thông báo, phát biểu hội nghị, hội họp, chào mừng, chúc sự, chương trình lễ hội, v.. v.. .
- Vận dụng các kiến thức đã học áp dụng được vào trong giao tiếp với người bản xứ.
- Hiểu biết toàn diện trên nhiều lĩnh vực: kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội...
- Tạo niềm yêu thích, ham mê học tiếng Hàn, yêu con người và đất nước, văn hóa Hàn Quốc.
- Nuôi dưỡng đức tính tự tin trong giao tiếp tiếng Hàn, cẩn thận, trung thực, ý thức trách nhiệm trong công việc, ý thức và đạo đức nghề nghiệp biên phiên dịch.

Chuẩn đầu ra 2 (Kỹ năng)

- Có kỹ năng dịch cơ bản bằng cách vận dụng các kiến thức ngữ pháp, ngữ âm, từ vựng đã học.
- Có kỹ năng tốc ký và tóm tắt nội dung chính.
- Có khả năng nghe hiểu, ghi nhớ các đoạn diễn ngôn có dung lượng từ 100 -150 từ và thông dịch chính xác, phù hợp nội dung cần truyền đạt.
- Có khả năng lựa chọn từ ngữ, cấu trúc ngữ pháp phù hợp với sắc thái ý nghĩa và nội dung của văn bản, nâng cao năng lực diễn đạt ý sát với ý đồ của người nói.
- Có khả năng lựa chọn và vận dụng được cú câu văn nói tiếng Hàn, phân biệt được văn viết và nói tiếng Hàn.

Chuẩn đầu ra số 3 (Năng lực tự chủ và trách nhiệm) :

- Có năng lực lập kế hoạch làm việc hiệu quả
- Có khả năng thích nghi với môi trường làm việc năng động và áp lực cao.
- Trung thực, liêm chính, có tinh thần trách nhiệm cao trong mọi công việc được giao
- Có thái độ hành xử chuẩn mực, bảo đảm tính minh bạch và chịu trách nhiệm với thông tin được chuyển tải trong công tác biên phiên dịch.
- Luôn có ý thức học hỏi, trau dồi bồi dưỡng kiến thức chuyên môn, có tinh thần sáng tạo, luôn nỗ lực phấn đấu vươn lên để thành đạt trong sự nghiệp và cuộc sống.

4. Tóm tắt nội dung học phần

- Học phần Thực hành dịch nói 1 gồm 2 phần: phiên dịch Hàn – Việt và phiên dịch Việt – Hàn. Tập trung vào kỹ năng thông dịch các bài ngắn với chủ đề sinh hoạt thường ngày và một số vấn đề chung của xã hội.
- Giáo viên thu thập tư liệu từ một số giáo trình tiếng Hàn và thường xuyên cập nhật các bản tin ngắn trên mạng, trên TV, radio để cung cấp cho sinh viên những tư liệu mới nhất và sát với thực tế nhất.

5. Nội dung chi tiết của học phần

1. Sở thích
2. Kế hoạch
3. Sức khỏe
4. Nghề nghiệp
5. Ngân hàng
6. Du lịch
7. Phỏng vấn
8. Kinh tế và cuộc sống
9. Hoạt động tình nguyện
10. Môi trường

6. Phương pháp giảng dạy

- Phương pháp thuyết trình;
- Phương pháp “Hỏi-Đáp”;
- Phương pháp “Làm việc nhóm”;

7. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Tham dự tối thiểu 80% số tiết học trên lớp.
- Thực hiện đầy đủ các bài tập nhóm/ bài tập và được đánh giá kết quả thực hiện.
- Tham dự kiểm tra giữa học kỳ.
- Tham dự thi kết thúc học phần.
- Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.

8. Tài liệu phục vụ cho học phần

8.1. Tài liệu bắt buộc

1. Giáo trình tự biên soạn.
2. Từ điển Hàn – Việt, Từ điển Việt – Hàn thông dụng

8.2. Tài liệu tham khảo

1. *Giáo trình Hankuko 5*, NXB Đại học Korea, 2011
2. *Giáo trình Cao cấp 1*, NXB Đại học Kyung Hee, 2002
3. Giáo trình tiếng Hàn tổng hợp dành cho người Việt Nam (Tập 5 – Cao cấp), NXB Quỹ giao lưu quốc tế Hàn Quốc, 2010
4. Giáo trình tiếng Hàn dành cho du học sinh (Tập 1), NXB Đại học nữ Ehwa, 2008
5. Tài liệu trên Internet:

www.naver.com

www.google.com

www.youtube.com

9. Phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập

TT	Điểm thành phần	Hình thức đánh giá	Trọng số	CDR
1	Chuyên cần	Điểm danh và bài tập	20%	
2	Giữa kỳ	Bài kiểm tra giữa kỳ	30%	CDR tất cả các mục
3	Kết thúc học phần	Thi tự luận, thi trắc nghiệm, thi	50%	CDR tất cả các

		vấn đáp, bài tập lớn		mục
--	--	----------------------	--	-----

Giảng viên
(Ký tên)



ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
Trường Đại học Ngoại ngữ
Khoa: Nhật – Hàn – Thái
Bộ môn: Tiếng Hàn

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Tên học phần: **Thực hành dịch nói 2**
Chương trình đào tạo: Cử nhân tiếng Hàn
Người biên soạn: Đỗ Thị Quỳnh Hoa
Ngày ban hành: 2017

1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: Thực hành dịch nói 2
 - Mã học phần: 4170873
 - Số tín chỉ: 3 TC
 - Loại học phần: bắt buộc
- Học phần tiên quyết:
- + Sinh viên đã có kỹ năng cơ bản dịch xuôi, dịch ngược từ học phần Thực hành dịch nói 1.
 - + Sinh viên có một trình độ và vốn hiểu biết nhất định về từ vựng, ngữ pháp, đất nước học Hàn Quốc.
- Số giờ tín chỉ: 45, trong đó:
 - Phiên dịch Hàn – Việt : 21 tiết
 - Phiên dịch Việt – Hàn : 24 tiết

2. Thông tin về giảng viên:

Giảng viên:

- Họ và tên: Đỗ Thị Quỳnh Hoa
- Chức danh, học vị: Thạc sĩ
- Thời gian làm việc: Thứ hai, thứ sáu (8:00 - 11:00)
- Địa điểm làm việc: Khoa Nhật – Hàn – Thái, Trường Đại học Ngoại Ngữ - Đại học Đà Nẵng.
- Điện thoại: 0987 297 135
- Email: dothiquynhhoa87@gmail.com

3. Chuẩn đầu ra

Chuẩn đầu ra 1 (Kiến thức)

- Hình thành kỹ năng dịch xuôi, dịch ngược với các chủ đề đa dạng như: kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, thể thao, pháp luật, giải trí, khoa học kỹ thuật.
- Hiểu và sử dụng được vốn từ vựng và thuật ngữ chuyên ngành về mọi lĩnh vực trên nhằm chuẩn bị cho đợt thực tập tốt nghiệp vào cuối khóa học.
- Nắm được nhiều loại văn phong Nói, nhiều loại văn diễn thuyết, quảng cáo kinh tế, báo cáo tài chính, tin tức thể thao, xã hội, văn hóa, các phát biểu tại hội thảo khoa học xã hội và khoa học nhân văn, các báo cáo và tham luận tại diễn đàn chuyên ngành.
- Vận dụng các kiến thức đã học để áp dụng trong giao tiếp với người bản xứ.
- Hiểu biết toàn diện trên nhiều lĩnh vực: kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, thể thao, pháp luật, giải trí, khoa học kỹ thuật.
- Hình thành sự hứng thú, quan tâm đến tiếng Hàn, yêu con người và đất nước, văn hóa Hàn Quốc thông qua môn học.
- Hình thành đức tính tự tin trong giao tiếp tiếng Hàn, cẩn thận, trung thực, nhạy bén và ý thức trách nhiệm trong công việc, ý thức và đạo đức nghề nghiệp biên phiên dịch

Chuẩn đầu ra 2 (Kỹ năng)

- Có khả năng dịch xuôi Hàn – Việt, Việt – Hàn.
- Có khả năng lựa chọn từ ngữ, cấu trúc ngữ pháp phù hợp với sắc thái ý nghĩa và nội dung của văn bản gốc, nâng cao năng lực diễn đạt ý sát với ý đồ của người nói.
- Có khả năng lựa chọn và vận dụng cú câu văn nói phù hợp với các lĩnh vực dịch khác nhau.
- Có năng lực nhận biết giữa văn phong Nói và Viết.

Chuẩn đầu ra số 3 (Năng lực tự chủ và trách nhiệm) :

- Có năng lực lập kế hoạch làm việc hiệu quả
- Có khả năng thích nghi với môi trường làm việc năng động và áp lực cao.
- Trung thực, liêm chính, có tinh thần trách nhiệm cao trong mọi công việc được giao
- Có thái độ hành xử chuẩn mực, bảo đảm tính minh bạch và chịu trách nhiệm với thông tin được chuyển tải trong công tác biên phiên dịch.
- Luôn có ý thức học hỏi, trau dồi bồi dưỡng kiến thức chuyên môn, có tinh thần sáng tạo, luôn nỗ lực phấn đấu vươn lên để thành đạt trong sự nghiệp và cuộc sống.

4. Tóm tắt nội dung học phần

- Học phần Thực hành dịch nói 2 gồm 2 phần: phiên dịch Hàn – Việt và phiên dịch Việt – Hàn. Tập trung vào kỹ năng thông dịch các văn bản có nội dung dài và khó hơn về các lĩnh vực: kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, giáo dục, pháp luật
- Giáo viên thu thập tư liệu từ một số giáo trình tiếng Hàn và thường xuyên cập nhật các tin tức trong nước và thế giới thông qua internet để cung cấp cho sinh viên những tư liệu mới nhất và sát với thực tế.

5. Nội dung chi tiết của học phần

1. Kinh tế
2. Chính trị
3. Văn hóa
4. Xã hội
5. Giáo dục
6. Thể thao
7. Pháp luật
8. Khoa học công nghệ
9. Giải trí
10. Y tế

6. Phương pháp giảng dạy

- Phương pháp thuyết trình;
- Phương pháp “Hỏi-Đáp”;
- Phương pháp “Làm việc nhóm”;

7. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Tham dự tối thiểu 80% số tiết học trên lớp.
- Thực hiện đầy đủ các bài tập nhóm/ bài tập và được đánh giá kết quả thực hiện.
- Tham dự kiểm tra giữa học kỳ.
- Tham dự thi kết thúc học phần.
- Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.

8. Tài liệu phục vụ cho học phần

8.1. Tài liệu bắt buộc

1. Giáo trình tự biên soạn.
2. Từ điển Hàn – Việt, Từ điển Việt – Hàn thông dụng

8.2. Tài liệu tham khảo

1. *Giáo trình Hankuko 6*, NXB Đại học Korea, 2011
2. *Giáo trình Cao cấp 2*, NXB Đại học Kyung Hee, 2002
3. *Giáo trình tiếng Hàn tổng hợp dành cho người Việt Nam (Tập 6 – Cao cấp)*, NXB Quỹ giao lưu quốc tế Hàn Quốc, 2011
4. *Giáo trình tiếng Hàn dành cho du học sinh (Tập 2)*, NXB Đại học nữ Ehwa, 2008
5. Tài liệu trên Internet:

www.naver.com

www.google.com.vn

www.youtube.com

9. Phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập

TT	Điểm thành phần	Hình thức đánh giá	Trọng số	CDR
1	Chuyên cần	Điểm danh và bài tập	20%	
2	Giữa kỳ	Bài kiểm tra giữa kỳ	30%	CDR tất cả các mục
3	Kết thúc học phần	Thi tự luận, thi trắc nghiệm, thi	50%	CDR tất cả các

		vấn đáp, bài tập lớn		mục
--	--	----------------------	--	-----

Giảng viên
(Ký tên)



ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
Trường Đại học Ngoại ngữ
Khoa: Nhật – Hàn – Thái
Bộ môn: tiếng Hàn Quốc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Tên học phần: **HỌC PHẦN CHUYÊN MÔN CUỐI KHÓA I (Dịch viết)**
Chương trình đào tạo: Chính quy
Người biên soạn: Đỗ Thị Quỳnh Hoa
Ngày ban hành: 2017

1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: Học phần chuyên môn cuối khóa 1 (dịch viết)
- Mã học phần: 4172853
- Số tín chỉ: 3 TC
- Loại học phần: bắt buộc
- Học phần tiên quyết:
 - + Sinh viên đã học xong các học phần Lý thuyết tiếng và thực hành tiếng.
 - + Sinh viên có kỹ năng dịch xuôi, dịch ngược từ các học phần Thực dịch Viết.
 - + Sinh viên có một vốn từ vựng đa dạng về các lĩnh vực: kinh tế, văn hóa, xã hội, chính trị, đối ngoại, thể thao, giải trí, giáo dục,
 - + Sinh viên đã học xong các học phần chuyên ngành cử nhân tiếng Hàn.
- Số giờ tín chỉ: 45, trong đó:
 - Lí thuyết : 45 tiết
 - Thực hành : 0 tiết

2. Thông tin về giảng viên: (cập nhật theo từng học kỳ)

Giảng viên:

- Họ và tên: Đỗ Thị Quỳnh Hoa
- Chức danh, học vị: Thạc sĩ
- Thời gian làm việc: Thứ hai, thứ sáu (8:00 - 11:00)
- Địa điểm làm việc: Khoa Nhật – Hàn - Thái
- Điện thoại: 0987 297 135
- Email:

3. Chuẩn đầu ra

Chuẩn đầu ra 1 (Kiến thức)

- Học phần chuyên môn cuối khóa 1 (dịch viết) nhằm củng cố, nâng cao kỹ năng dịch xuôi, dịch ngược cho sinh viên bằng hình thức viết với các văn bản có chủ đề đa dạng, nội dung vừa ôn tập lại nội dung học phần dịch Viết đã được học trước đó, vừa bổ sung thêm những văn bản chuyên ngành để phục vụ cho công việc sau khi tốt nghiệp.
- Tăng thêm vốn từ vựng và thuật ngữ chuyên ngành.
- Tăng nhận thức trên nhiều lĩnh vực: kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, giáo dục, giải trí, khoa học,
- Hình thành sự hứng thú, quan tâm của sinh viên đối với việc học tiếng Hàn, yêu con người và đất nước, văn hóa Hàn Quốc.
- Nuôi dưỡng đức tính tự tin trong giao tiếp tiếng Hàn, cẩn thận, trung thực, nhạy bén và ý thức trách nhiệm trong công việc, ý thức và đạo đức nghề nghiệp biên phiên dịch.

Chuẩn đầu ra 2 (Kỹ năng)

- Sinh viên có khả năng lựa chọn từ vựng, ngữ pháp và cách hành văn phù hợp với nội dung và thể loại văn bản.
- Sinh viên có khả năng sử dụng tiếng mẹ đẻ tốt cũng như phát triển kỹ năng viết bằng tiếng Hàn.

Chuẩn đầu ra số 3 (Năng lực tự chủ và trách nhiệm) :

- Có năng lực lập kế hoạch làm việc hiệu quả
- Có khả năng thích nghi với môi trường làm việc năng động và áp lực cao.
- Trung thực, liêm chính, có tinh thần trách nhiệm cao trong mọi công việc được giao
- Có thái độ hành xử chuẩn mực, bảo đảm tính minh bạch và chịu trách nhiệm với thông tin được chuyển tải trong công tác biên phiên dịch.
- Luôn có ý thức học hỏi, trau dồi bồi dưỡng kiến thức chuyên môn, có tinh thần sáng tạo, luôn nỗ lực phấn đấu vươn lên để thành đạt trong sự nghiệp và cuộc sống.

4. Tóm tắt nội dung học phần (khoảng 150 từ)

- Ôn tập lại các nội dung liên quan đến học phần Lý thuyết dịch; Thực hành dịch Viết Hàn – Việt 1, 2; Thực hành dịch Viết Việt – Hàn 1, 2.

5. Nội dung chi tiết của học phần (tên các chương, mục, tiểu mục)

1. Lý thuyết dịch

- 1.1 Ôn tập Khái niệm, đặc điểm, đặc trưng trong Dịch Viết và Dịch Nói.
- 1.2 Ôn tập kỹ năng Nội dịch thông qua các bài tập đa dạng.
- 1.3 Ôn tập kỹ năng chuyển dịch nghĩa tiêu đề của bài báo, bài viết, bài hội thảo, bài nghiên cứu, bài chuyên môn kỹ thuật, dịch vụ, ăn uống, du lịch, chính trị, ngoại giao, văn hóa, ...

2. Dịch Viết Hàn – Việt.

- 2.1 Nghề nghiệp
 - 2.1.1 Phòng vấn tuyển dụng
 - 2.1.2 Ngành nghề không chính qui
 - 2.1.3 Nhà tổ chức sự kiện
 - 2.1.4 Tích lũy kiến thức
 - 2.1.5 Nghề nghiệp có triển vọng trong tương lai
 - 2.1.6 Ý nghĩa và giá trị của nghề nghiệp
 - 2.1.7 Nguyên nhân gây ra nạn thất nghiệp của thanh niên và đối sách giải quyết
 - 2.1.8 Nguyên lý kinh tế đi đến thành công
- 2.2 Thông tin truyền thông hiện đại
 - 2.2.1 Văn hóa mới của thế kỷ 21
 - 2.2.2 Cuộc sống hàng ngày trong tương lai nhờ áp dụng kỹ thuật Ubiquitous (tồn tại mọi lúc, mọi nơi)
 - 2.2.3 Navigation (Hướng dẫn chỉ đường)
 - 2.2.4 Mở rộng môi trường giáo dục nhờ kỹ thuật Ubiquitous
 - 2.2.5 Cuộc sống của người Hàn Quốc thay đổi cùng với sự phát triển của công nghệ truyền thông thông tin
- 2.3 Y học
 - 2.3.1 Y học hiện đại, y học điều trị tự nhiên
 - 2.3.2 Sự nguy hiểm do lạm dụng thuốc kháng sinh
 - 2.3.3 Y học thay thế
 - 2.3.4 Sự cần thiết của chế độ dịch vụ quản lý sức khỏe
 - 2.3.5 Y học truyền thống của Hàn Quốc: Đông y bảo giám và Y học tứ tượng
- 2.4 Thể thao trong xã hội hiện đại
 - 2.4.1 Khoa học thể thao
 - 2.4.2 Vai trò của thể thao trong xã hội hiện đại
 - 2.4.3 Tầm quan trọng của ngoại giao thể thao
 - 2.4.4 “Những con quỷ đỏ” và văn hóa cổ vũ trên đường phố

3. Dịch Viết Việt – Hàn.

- 3.1 Bản tin, bài báo về thời sự chính trị, kinh tế
- 3.2 Bài báo về văn hóa văn minh, lịch sử
- 3.3 Bài báo về thể thao trong và ngoài nước
- 3.4 Bài báo về nghiên cứu khoa học, chân dung nhà khoa học tiêu biểu
- 3.5 Diễn văn hội thảo về kinh tế đầu tư, hợp tác kinh tế quốc tế

6. Phương pháp giảng dạy

- Phương pháp thuyết trình;
- Phương pháp “Hỏi-Đáp”;
- Phương pháp “Làm việc nhóm”;

7. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Tham dự tối thiểu 80% số tiết học trên lớp.
- Thực hiện đầy đủ các bài tập nhóm/ bài tập và được đánh giá kết quả thực hiện.
- Tham dự kiểm tra giữa học kỳ.
- Tham dự thi kết thúc học phần.
- Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.

8. Tài liệu phục vụ cho học phần

8.1. Tài liệu bắt buộc

Giáo trình tự soạn

8.2. Tài liệu tham khảo

- 1) Giáo trình Kỹ thuật Dịch Anh – Việt, Nguyễn Quốc Hùng.
- 2) Từ điển Hàn – Việt, Từ điển Việt – Hàn thông dụng.
- 3) Giáo trình tiếng Hàn tổng hợp dành cho người Việt (Tập 6), NXB Quỹ giao lưu quốc tế Hàn Quốc, 2011.
- 4) Sách tiếng Hàn dành cho du học sinh (Tập 1, 2), NXB Trường Đại học Ewha, 2008.
- 5) Tài liệu trên Internet:
 - Từ điển điện tử www.naver.com

9. Phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập

TT	Điểm thành phần	Hình thức đánh giá	Trọng số	CDR
1	Chuyên cần	Điểm danh và bài tập	20%	
2	Giữa kỳ	Bài kiểm tra giữa kỳ	30%	CDR tất cả các mục
3	Kết thúc học phần	Thi tự luận, thi trắc nghiệm, thi vấn đáp, bài tập lớn	50%	CDR tất cả các mục

Giảng viên
(Ký tên)



ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
Trường Đại học Ngoại ngữ
Khoa: Nhật – Hàn – Thái
Bộ môn: Tiếng Hàn Quốc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Tên học phần: **HỌC PHẦN CHUYÊN MÔN CUỐI KHÓA II (Ngữ pháp)**
Chương trình đào tạo: Chính quy
Người biên soạn: Hoàng Phan Thanh Nga
Ngày ban hành: 2017

1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: Học phần chuyên môn cuối khóa 2 (ngữ pháp)
 - Mã học phần: 4172863
 - Số tín chỉ: 3 TC
 - Loại học phần: bắt buộc
 - Học phần tiên quyết:
 - + Sinh viên đã học xong các học phần Lý thuyết tiếng và Thực hành tiếng.
- Số giờ tín chỉ: 45, trong đó:
- Lí thuyết : 45 tiết
 - Thực hành : 0 tiết

2. Thông tin về giảng viên: (cập nhật theo từng học kỳ)

Giảng viên:

- Họ và tên: Hoàng Phan Thanh Nga
- Chức danh, học vị: Thạc sĩ
- Thời gian làm việc: Thứ hai, thứ sáu (8:00 - 11:00)
- Địa điểm làm việc: Khoa Nhật – Hàn - Thái
- Điện thoại: 0908 437 548
- Email: hptnga@gmail.com

3. Chuẩn đầu ra

Chuẩn đầu ra 1 (Kiến thức)

- Sinh viên được ôn tập lại hệ thống kiến thức ngữ pháp tiếng Hàn.
- Củng cố cho sinh viên vốn kiến thức lý luận về ngữ âm – từ vựng tiếng Hàn.
- Sinh viên có được những lý luận và phương pháp lý luận về các mặt ngữ pháp, ngữ âm, từ vựng tiếng Hàn tạo nền tảng theo học những chương trình học tiếng Hàn nâng cao và chuyên sâu.

- Sinh viên có cái nhìn tổng quát về ngữ pháp tiếng Hàn và tự mình ứng dụng trong công việc.
- Sinh viên tiếp tục được nuôi dưỡng niềm yêu thích, ham mê học tiếng Hàn, yêu con người và đất nước, văn hóa Hàn Quốc.
- Nuôi dưỡng đức tính tự tin trong giao tiếp tiếng Hàn, cẩn thận, trung thực, nhạy bén và ý thức trách nhiệm trong công việc, ý thức và đạo đức nghề nghiệp biên phiên dịch.

Chuẩn đầu ra 2 (Kỹ năng)

- Sinh viên có thể vận dụng tốt các cấu trúc ngữ pháp tiếng Hàn.
- Sinh viên có thể lựa chọn và vận dụng tốt từ vựng tiếng Hàn trong các hoàn cảnh.
- Sinh viên có thể hiểu rõ các hiện tượng biến âm trong vận động tạo âm của tiếng Hàn.
- Sinh viên có khả năng lý luận, phân biệt, so sánh đối chiếu ngôn ngữ tiếng Hàn về mọi mặt ngữ pháp, ngữ âm, từ vựng, từ pháp.

Chuẩn đầu ra số 3 (Năng lực tự chủ và trách nhiệm) :

- Có năng lực lập kế hoạch làm việc hiệu quả
- Có khả năng thích nghi với môi trường làm việc năng động và áp lực cao.
- Trung thực, liêm chính, có tinh thần trách nhiệm cao trong mọi công việc được giao
- Có thái độ hành xử chuẩn mực, bảo đảm tính minh bạch và chịu trách nhiệm với thông tin được chuyển tải trong công tác biên phiên dịch.
- Luôn có ý thức học hỏi, trau dồi bồi dưỡng kiến thức chuyên môn, có tinh thần sáng tạo, luôn nỗ lực phấn đấu vươn lên để thành đạt trong sự nghiệp và cuộc sống.

4. Tóm tắt nội dung học phần (khoảng 150 từ)

- Ôn tập lại các nội dung liên quan đến ngữ pháp trong suốt 8 học kì qua.

5. Nội dung chi tiết của học phần (tên các chương, mục, tiểu mục)

Chương 1 : Cú pháp

- 1.1. Từ ngoại lai tiếng Hàn.
- 1.2. Các biểu hiện dấu trong cách viết văn bản Hàn.
- 1.3. Hệ thống vĩ tố trong tiếng Hàn
- 1.4. Bổ trợ dụng ngôn trong tiếng Hàn
- 1.5. Thể bị động và tự động trong tiếng Hàn
- 1.6. Động từ bị động trong tiếng Hàn.
- 1.7. Thoại pháp trong tiếng Hàn
- 1.8. Cách trích dẫn trực tiếp.
- 1.9. Cách trích dẫn gián tiếp.
- 1.10. Tiếp đầu tố và tiếp vĩ tố trong tiếng hàn
- 1.11. Liên kết câu đồng đẳng.

- 1.12. Liên kết câu thứ tự.
- 1.13. Liên kết câu nguyên nhân kết quả
- 1.14. Liên kết câu bối cảnh
- 1.15. Liên kết câu phương tiện.
- 1.16. Liên kết câu điều kiện, giả định.
- 1.17. Liên kết câu đối ngược.
- 1.18. Liên kết câu đồng thời.

Chương 2 : Ngữ âm

- 2.1. Hệ thống nguyên âm và phụ âm trong tiếng Hàn
- 2.2. Âm tiết trong tiếng Hàn
- 2.3. Các hiện tượng biến âm: Hữu thanh âm hóa, tích hợp nguyên âm, rút nguyên âm, âm căng hóa
- 2.4. Các hiện tượng biến âm: Sự tham gia của ‘ㄴ’, âm căng hóa, âm mũi hóa, âm lưu hóa, âm tắc sát hóa
- 2.5. Ngữ điệu trong tiếng Hàn

Chương 3 : Từ vựng

- 3.1. Các từ vựng liên quan đến « con người » « quan hệ con người » và cách sử dụng
- 3.2. Các từ vựng liên quan đến « quan hệ con người » và cách sử dụng.
- 3.3. Các từ vựng liên quan đến « kinh tế » và « văn hóa » và cách sử dụng
- 3.4. Các thành ngữ, quán ngữ, thành ngữ gốc Hán và cách sử dụng.
- 3.5. Các từ tượng hình, tượng thanh và cách sử dụng.

6. Phương pháp giảng dạy

- Phương pháp thuyết trình;
- Phương pháp “Hỏi-Đáp”;
- Phương pháp “Làm việc nhóm”;

7. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Tham dự tối thiểu 80% số tiết học trên lớp.
- Thực hiện đầy đủ các bài tập nhóm/ bài tập và được đánh giá kết quả thực hiện.
- Tham dự kiểm tra giữa học kỳ.
- Tham dự thi kết thúc học phần.
- Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.

8. Tài liệu phục vụ cho học phần

8.1. Tài liệu bắt buộc

Giáo trình tự soạn

8.2. Tài liệu tham khảo

- 1) Giáo trình Kỹ thuật Dịch Anh – Việt, Nguyễn Quốc Hùng.
- 2) Từ điển Hàn – Việt, Từ điển Việt – Hàn thông dụng.
- 3) Giáo trình tiếng Hàn tổng hợp dành cho người Việt (Tập 6), NXB Quỹ giao lưu quốc tế Hàn Quốc, 2011.
- 4) Sách tiếng Hàn dành cho du học sinh (Tập 1, 2), NXB Trường Đại học Ewha, 2008.
- 5) Tài liệu trên Internet:
 - Từ điển điện tử www.naver.com

9. Phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập

TT	Điểm thành phần	Hình thức đánh giá	Trọng số	CDR
1	Chuyên cần	Điểm danh và bài tập	20%	
2	Giữa kỳ	Bài kiểm tra giữa kỳ	30%	CDR tất cả các mục
3	Kết thúc học phần	Thi tự luận, thi trắc nghiệm, thi vấn đáp, bài tập lớn	50%	CDR tất cả các mục

Giảng viên
(Ký tên)

MỤC LỤC

Chương trình đào tạo

Đề cương chi tiết học phần

1. Nghe 1	8
2. Nghe 2	13
3. Nghe 3	18
4. Nghe 4	23
5. Nghe 5	28
6. Nói 1	33
7. Nói 2	38
8. Nói 3	43
9. Nói 4	48
10. Nói 5	53
11. Đọc 1	58
12. Đọc 2	63
13. Đọc 3	68
14. Đọc 4	73
15. Đọc 5	78
16. Viết 1	83
17. Viết 2	88
18. Viết 3	93
19. Viết 4	98
20. Viết 5	103
21. Ngữ âm học tiếng Hàn	107
22. Từ vựng học tiếng Hàn	111
23. Hán tự	115
24. Văn học Hàn Quốc	119
25. Văn hóa văn minh Hàn Quốc	124
26. Tiếng Hàn thương mại	128
27. Tiếng Hàn thư kí văn phòng	131
28. Tiếng Hàn khoa học kỹ thuật	134
29. Tiếng Hàn du lịch	137

30. Thực hành dịch viết Hàn – Việt 1	140
31. Thực hành dịch viết Việt - Hàn 1	144
32. Thực hành dịch viết Hàn – Việt 2	147
33. Thực hành dịch viết Việt - Hàn 2.....	150
34. Lý thuyết dịch	153
35. Ngữ pháp 1 (Từ pháp).....	157
36. Ngữ pháp 2 (Cú pháp).....	161
37. Thực hành dịch nói 1	165
38. Thực hành dịch nói 2	169
39. Học phần chuyên môn cuối khóa 1 (Dịch Viết)	173
40. Học phần chuyên môn cuối khóa 2 (Ngữ pháp)	177

Đà Nẵng, ngày tháng năm 2017

Chủ nhiệm Bộ môn tiếng Hàn
(Ký tên)

Trưởng Khoa
(Ký tên)

Hoàng Phan Thanh Nga

TS. Ngô Quang Vinh

Thủ trưởng cơ sở đào tạo thẩm định Chương trình đào tạo
(ký tên, đóng dấu)